

TY QUẢN - LÝ MỚI Báo - Cáo

CÙNG CÁC BẠN ĐẠI-LÝ VÀ BẠN ĐỌC THÂN MẾN

Đề từ nay **PHỒ - THÔNG** được ra đúng mỗi tháng hai kỳ, ngày 1 và ngày 15, Đề sự phân-phát **PHỒ-THÔNG** được đầy đủ khắp các nơi, và các vụ tiền-nong được khỏi bị trở ngại, chúng tôi đã lo chức lại ty Quản-lý, bắt đầu từ số này.

Ông Đặng-văn-Chà, chủ nhà sách Nam-Cường, 185 đại lộ Nguyễn-thái-Học, lâu nay đã cộng tác với chúng tôi trong việc tài-chánh và việc phát hành, từ nay không còn ở trong Ban Quản-Lý của **PHỒ-THÔNG** tạp-chỉ nữa.

Chúng tôi đã đề cử bạn **TRẦN - VĂN - LANG** làm Quản-Lý mới.

Nhà Tổng - Phát - Hành Thống - Nhất vẫn tiếp tục giúp chúng tôi về việc phát hành, ngoài ra không còn một người nào khác làm trung - gian giữa **PHỒ - THÔNG** Tạp - Chí và các Đại-lý

Bạn **TRẦN - VĂN - LANG**, Quản-Lý mới, phụ trách về các việc tài chánh, sẽ toàn quyền trực-tiếp với nhà Tổng-Phát-Hành-Thống Nhất và tất cả các Đại-lý các nơi về việc phát - hành tạp - chí **PHỒ - THÔNG**.

Vậy từ nay, quý Bạn đại lý ở Saigon và ở các tỉnh, các quận, nếu thiếu báo bán xin đến trực tiếp, hoặc đánh điện tín, hoặc gửi thư thẳng với Tòa Báo.

Tất cả mọi việc giao-dịch về tiền nong, mua báo, quảng-cáo, đại-lý xin theo đúng tên và địa chỉ sau đây:

Ô. Trần - văn - Lang

Quản - lý **PHỒ-THÔNG** tạp - chí

283 Gia-Long Saigon.

Các bạn đọc mua dài hạn, hoặc muốn có các số báo thiếu cũng xin gửi thư về Ty Quản-Lý.



★
PHỒ - THÔNG

PHỒ-THÔNG

TẠP - CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HOA VIỆT NAM
PHỒ-BIỆN VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CỔ

Glám-Đốc, Chủ-Bút : **NGUYỄN-VỸ**

Quản-lý: **TRẦN-VĂN-LANG**

Tòa soạn : 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



BỘ MỜI SỐ 12 ★ 31.5.1959

	Số trang
1.— Vài trang thái của Văn học V. N. hiện-đại. Nguyễn-Vỹ	7 — 9
2.— Hà-Tiên thắng cảnh. Ngọc-Tính	10 — 13
3.— Ngày lịch-sử Nguyễn-Triệu	14 — 19
4.— Cuộc du lịch hào hùng : Xuân và Mai . . Phong-Cầm	20 — 27
5.— Một đời người. Thiểu-Sơn	28 — 33
6.— Cảnh hoa cuối (thơ). Thùy-Linh	34 —
7.— Giai thoại văn chương (Có đầu lạnh tri khôn). Minh-Kha	35 —
8.— Chiếc áo mưa (truyện ngắn) Nguyễn-Vỹ	36 — 39
9.— Lịch trình tiến triển Báo giới Việt-Nam. Nguyễn-Ang-Ca	40 — 46
10.— Văn-sĩ Thi-sĩ Hà-nội: TẤN-ĐÀ. Ng.-Vỹ và Đông Xuyên	47 — 53
11.— Chơi hoa Nguyễn-Tử-Quang	54 — 65
12.— Gió (thơ). Cô Bạch-Yến	66 —

13.— Nhứt đũa có lần đồ bộ lên Mỹ-Quốc	Song-An	67 — 70
14.— Con chim trong tù (thơ)	Nguyễn-Vỹ	71 — 74
15.— Thế nào là giờ Quốc-Tế G.M.T.	Nguyễn-huy-Hiền	75 — 76
16.— Thi thoại về Nguyễn-Công-Trừ	Song-Linh	77 — 79
17.— Tôi làm phim	Thái-Thúc-Diễn	80 — 83
18.— Vài dòng sử Việt.	Huỳnh-Thanh-Tông	84 — 90
19.— Xã giao	Cô Bình-Minh	91 — 93
20.— Say (thơ)	Văn-thế-Bảo	94
21.— Kiên Trinh	Cô Vân-Nga	95 — 104
22.— Những người đôi mươi	Nguyễn-Thu-Minh	105 — 108
23.— Mozart	Nguyễn-trần-Giang	109 — 113
24.— Giới thiệu sách báo mới	P. T.	114 — 115
25.— Buồn ơi, chào mi!	Cô Diệu-Huyền	116 — 119
26.— 4.000 năm ca dao	Ba-Tèo	120 — 122
27.— Đáp bạn bốn phương		12 — 1328

- ★ Sắp xếp bài, trình-bày bìa và nội-dung, cho màu Cô Diệu-Huyền
- ★ Tranh vẽ Hoạ-sĩ Kiên
- ★ Bản kẽm Nguyễn-Diêu
- ★ In Bìa Offset Vạn-Quốc

• Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.

- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
 - Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam.

Vài trạng thái
của Văn-Học V. N.
 HIỆN-ĐẠI

III



TRƯỚC KHI RÚT KINH NGHIỆM trong các khuyết điểm của Văn học Việt Nam, chúng ta cũng nên nhận xét một vài trạng thái mới của Văn học hiện đại, — tôi muốn nói về Văn học của tiền bán Thế kỷ XX.

Sự tiếp xúc đột ngột với Văn hóa Âu Châu, nhứt là Văn hóa Pháp từ đầu Thế kỷ này, đã đem lại cho thế hệ mới hai thắng lợi rất quan trọng không chối cãi được. Thứ nhất là sự phổ biến « Chữ Quốc ngữ », một văn tự cũ kỹ đã ba trăm năm mà bây giờ lại thành ra, thứ văn tự mới, văn tự chính thức được coi là Quốc-tự. Chúng ta phải nhìn nhận đó là một hiện tượng lạ-lùng, do hoàn cảnh lịch sử gây ra, một hiện tượng độc-đáo trong lịch sử từ-ngữ học của các dân tộc trên thế giới. Bởi vì người ta không thể không kinh ngạc khi thấy « Chữ Quốc ngữ » ấy do một nhóm Cố-Đạo Thiên Chúa giáo mượn mẫu tự la-tinh đã lên-lút đặt ra từ đời Chúa Trịnh năm 1651, mà mãi đến đầu Thế kỷ XX mới được dân chúng biết tới và được phổ cập trong dân-gian, còn nhanh chóng hơn Hàn tự, và rộng rãi khắp các tầng lớp nhân dân.

Sử xuất hiện chậm trễ nhưng bằng bột của « Chữ Quốc ngữ » trong mấy năm cuối Thế kỷ XIX và đầu Thế kỷ XX đã giải quyết được

một cách hết sức bất ngờ một khuyết-điểm sâu rộng và tai hại của nền Văn hóa Việt-Nam, từ một ngàn chín trăm năm trước, là sự thiếu một văn tự riêng.

Nghĩa là từ đầu Thế-kỷ XX, chúng ta đã có một Quốc-ngữ chính thức, với những yếu tố rất thuận tiện cho sự phổ biến trong dân chúng. Nhờ đó Văn học Việt-Nam cũng được phát huy mạnh mẽ hơn bao giờ hết.



H Ầ N G - LỢI THỨ HAI, là sự tiếp xúc với Văn-Hóa Học thuật

Âu-Tây đã đào tạo ra một lớp trí thức mới, vừa được thêm nhiệm sắn Văn hóa Tàu mặc dầu nó sắp suy-tàn, lại vừa được hấp thụ văn hóa mới của Âu Tây. Tuy có một số đã quả quyết đo xô vào Văn minh Pháp, và phủ nhận tất cả các giá trị tinh thần của các thời đại cũ, nhưng số người vong bản ấy chỉ ít thôi. Đa số vẫn nao-nút tìm học những ưu điểm rất hấp dẫn, rất mới lạ, của Học thuật Tây phương nhưng vẫn giữ gìn được gia tài quý báu đã dành dụm được từ hai nghìn năm Văn Hiến của dân tộc ta.

Văn-Hóa Âu-Tây, nhất là Văn hóa Pháp, được thêm nhiệm vào tróc các thanh niên của Tiền bán Thế kỷ, đã mở rộng trước mắt họ một nhãn tuyến Tư-tưởng mới mẽ bao-la. Nó đã đột nhiên giúp cho tinh thần của các lớp trí thức ấy thoát ly ra khỏi khuôn khổ bế tắc của gần hai nghìn năm nô lệ Văn hóa Tàu. Nó đã mở rộng đường học vấn cho các lớp trí thức mới được tiếp xúc gần gũi với các Học thuật thế giới.

Nhờ những khám phá say sưa trong các kho tàng Văn học quốc tế, — khám phá mỗi lúc mỗi đem lại cho trí óc ta vô số những ngọc nhiên, những cảm xúc tân kỳ, — mà tư tưởng Việt-Nam mới hòa nhịp được với rung cảm chung của nhân-loại, từ thâm đề các thời đại xa xưa,

Đó là nói hai trạng thái của Văn học Việt-Nam hồi tiền bán Thế-kỷ XX, hai trạng thái tốt đẹp, rực rỡ, mà phần ảnh hưởng còn tươi thắm huy hoàng. Chắc chắn sẽ không có một đám mây đen nào hoặc một luồng gió độc nào có thể làm tiêu tan được ánh sáng trong sạch thơm tho đang vươn chồi nức nở trong vườn hoa Tư-tưởng, Học thuật và Văn nghệ Việt-Nam hiện đại.



N H Ữ N G, NÓI RIÊNG VỀ PHƯƠNG DIỆN VĂN-NGHỆ chúng ta lại nhận xét một vài trạng thái khác không đẹp tí nào.

Thứ nhất là sự sinh nở ra các đám « Học Phiệt » và « Văn Phiệt ». Từ đầu Thế kỷ XX cho đến khoảng 1932, nhóm « Học-giả » của tạp chí Nam Phong đã muốn làm bá chủ trên Văn-đàn. Họ gây thành một lớp *Intelligentzia* (1) « thượng lưu », phong-kiến, muốn chiếm một mình một địa vị danh-dự. Nhưng nhóm này đã bị mất nhiều uy tín, nhờ phản ứng mãnh liệt của phái Nho Sĩ Cách Mạng và đám Thanh niên tân học, có tư tưởng cách-mạng.

(1) Danh từ của Nga, dưới thời đại Nga-Hoàng, để chỉ một hạng trí thức quý phái.

Từ 1932, nhóm Học phiệt Nam phong bị xuống dốc và sụp đổ, thời ká tiếp một đám Văn Phiệt mới, gồm các Văn sĩ của nhóm Phong Hóa. Nhóm Văn phiệt này cũng muốn ngự-trị trên Văn đàn Việt-Nam từ khoảng 1932 đến 1939. Họ muốn chiếm một thứ « độc quyền » Văn nghệ, đưa ra một chủ trương xã hội phân dân tộc, và một loại Văn chương trường giả xu thời phá hoại tinh thần tiến thủ của thanh niên không ít. Nhưng một phần họ bị sự phản ứng của các nhà Văn bình dân, một phần vì phong trào cách-mạng chính trị và xã hội đang ngấm-ngấm xáo động các tầng lớp dân tộc, một phần nữa vì văn tài của họ chỉ có màu mè bề mặt mà không có bề sâu, bề rộng, cho nên tác phong Văn nghệ của họ không còn sức tiến triển được nữa.

Nhóm Văn phiệt Phong hóa tự tiêu tan sụp đổ cũng như nhóm « Học phiệt Nam phong » vậy.



R Ạ N G THÁI BẤT LỢI KHÁC cho sự phát triển văn hóa Việt-Nam, là tình hình chính trị và kinh tế của Nước ta từ trước. Đây là một vấn đề gần như nan giải, vì nó hoàn toàn

ở ngoài phạm vi nỗ lực của những kẻ thiết tha với nhiệm vụ xây dựng văn hóa. Tư tưởng là một hạt giống chí sinh nở hoàn toàn, với sắc màu rực-rỡ, hương phấn ngọt-ngào, trọng không khí tự do mà thôi, giữa thanh thiên bạch-nhật, không thể bị một yếu tố nào của thời gian và không gian làm trở ngại nó được cả. Chứ trồng nó trong một chậu đất, giấu nó trong một nhà kiến, thì nó chỉ hé được một chút nụ mà thôi, hoặc nó chỉ đơm được một cánh hoa nhạt màu. Tư tưởng không phải như hạt đậu của bọn phù-thủy mà dùng phép tiên truyền lệnh cho nở ra thành một người lính. Nó cũng không phải một cục đá về bùa đề rồi đọc câu thần chú sai nó đi tới đi lui.

Tư tưởng là hạt giống thần linh của Ánh-Sáng, của Hơi Thở thiêng liêng, của Âm-Nhạc nhiệm màu.

Cho nên nó không thể nào phát triển được nếu nó vô phúc bị sinh nở trên một mảnh đất thiếu không khí, và thiếu mặt-trời.

Than ôi, các nhà chính-trị cầm vận mạng của Việt-Nam hồi thời Thực dân và Phong kiến không hiểu cho như thế!

Thưa các bạn, đó là những trạng thái của Văn học Việt - Nam hồi tiền bán Thế-Kỷ. Chúng ta sẽ rút kinh nghiệm của những nhận xét trên để tìm con đường giải phóng Văn học cho Thế hệ ngày nay.





Cửa biển Hà-Tiên.

HÀ-TIÊN THẮNG CẢNH

(Tiếp theo P. T. số 11)

XEM đèn xong, chúng tôi đi xem lăng họ Mạc.

Ở vách tường hàng rào phía tay phải ngôi đền có một cái cổng gạch đề 4 chữ : Thủ môn thăng hành » (Cửa này đi lên), đó là lối đi lên lăng.

Qua khỏi cổng này chúng tôi đi lên các bậc thang bằng xi-măng. Lên tới trên ngọn núi là lăng Khai - Trấn Quốc Công Mạc-Cửu. Lăng xây vòng cung như một cái ngai bao lấy ngôi mộ. Hai đầu tay ngai là

2 cái đầu rồng chầu vào một tấm bia có một bệ đá cao độ 1th.20. Giữa bệ đề một bát hương, hai cái giá để cắm đèn cây.

Ở hai bên cái bệ này, có 2 cái bệ giữa có 2 cái tượng 2 ông võ tướng đứng chầu.

Ở dưới 3 cái bệ này là cái sân đá rộng độ 3,4 thước ngang độ 7,8 thước. Trước cái sân này có một cái sân nữa rộng độ 5,6 thước, ngang độ 9,10 thước. Ở ngoài đất trước cái sân này có 2 con lân bằng đá đã mất hết màu

sắc và bị bể gãy chút ít.

Đứng ở lăng này ta có thể trông thấy phong cảnh phía Nam Hà - tiên. Bên trái là con sông như một tấm lụa trắng trải dưới chân núi Tô - Châu màu lam. Bên này bờ sông là những mái nhà tranh đứng lẫn lộn trong các cây cau cây dứa. Bên phải là Vịnh Hà - tiên có những hòn đảo mọc lơ - nhô trên mặt biển, vẽ lên nền trời trong sáng những vệt xanh đậm và nhạt. Bông mây tiếng boong ! boong ! cốc ! cốc ! ở một ngôi chùa đâu đó vang lên trong bầu không - khí tịch - mịch, trang nghiêm...

Xuống dưới lăng này mấy bậc, bên tay trái là lăng Tham-Tướng Mạc-Tử-Hoàng. Lăng này cũng cùng một kiến-trúc như Mạc-Cửu, nhưng ở hai đầu tay ngai không có 2 đầu rồng và không có tượng đá đứng chầu ở trên 2 cái bệ.

Xuống mấy bậc nữa cũng ở bên tay trái là lăng Tổng-Binh, Đại Đô - Đốc Mạc - Thiên Tích. Lăng này cũng cùng một kiến-trúc như lăng trên. Sự thật lăng này chỉ chôn di hài Mạc - Thiên - Tích giả làm bằng sáp, vì ông chết ở bên Xiêm. Nhưng muốn ghi ơn Người, dòng họ Mạc cũng cứ xây lăng đề kỷ-niệm ông.

Ta cũng nên biết một mẫu chuyện dị kỳ, rùn - rợn liên-

quan đến cái chết của Mạc-Thiên-Tích ở bên Xiêm.

Khi ông sắp sửa theo Hoàng - Tử Xuân đi Xiêm, người con gái thứ năm của ông lúc ấy mới sanh được có mấy ngày mà đã có răng, có tóc và đã biết nói. Cô nói nếu ông đi sang Xiêm lần này sẽ bị bỏ thầy ở đó. Có một vài người cận-thần nói với Mạc-Thiên-Tích, cô mới sanh ra mà có đủ răng, tóc và biết nói như thể là yêu quái, nên đem Cô chôn sống. Mấy người này nói thế rồi đi vào ngó Cô. Cô liếc ngó lại mấy người, họ đều bị chết ! Mặc dầu vậy, Mạc-Thiên-Tích cũng nghe theo lời đem Cô chôn sống. Chôn cũng có ở núi Lăng này nhưng ở mé bên kia sườn núi. Lời tiên-tri của Cô đã linh-nghiem. Mạc-Thiên-Tích đã đi không có về.

Ngay hồi gần đây, trong thời kỳ Nhật chiếm đóng Hàtiên, chính lính Nhật đã thấy Cô mặc áo xanh đỏ hiện ra đưa 2 tay xua đuôi 3 phi-cơ Đồng-Minh lại ném bom Hàtiên. Nhờ sự che đỡ này của Cô Năm, những bom đạn của 3 phi-cơ chỉ rơi rớt xuống những chỗ trống không có nhà cửa của nhân-dân và chỉ làm thiệt-mạng có một ông già.

Bài Tâm Mũi Nai

Đã đến một địa điểm ở vùng biển, chúng ta không thể nào

quên cái thú đi tắm biển. Chúng tôi mời các bạn đi Bãi Tắm Mũi Nai để ngâm mình dưới nước mặn.

Từ chợ Hà-Tiên đến Bãi Tắm Mũi Nai đường dài 5 cây số. Bên tay phải của con đường là đất liền, chỗ thì núi, chỗ thì cây, chỗ là những thảm lúa xanh. Thỉnh-thoảng tôi chỗ trống không có núi, không có cây, chúng ta trông thấy núi Thạch-Động. Bên trái, ở một vài chỗ trống, ta nhìn thấy biển ở mỗi quãng đường, Tạo-Hóa bày ra trước mắt ta một bức tranh, hoặc mỹ-lệ, hoặc oai-hùng. Trên là nền trời xanh lơ lửng đó đây một vài đám mây trắng. Dưới đất, chỗ là một vài hòn núi cây cỏ xanh tươi, chỗ là một hàng dừa mọc nghiêng nghiêng bên đường, chỗ là

những ô ruộng mạ mọc xanh lam. Gió biển nói chuyện với cây rừng và vượt ve mơn trớn làm rung rinh uyển-chuyển những đợt sóng mạ xanh.

Còn độ 500 th. đến Mũi Nai ta thấy một nếp nhà mái ngói còn đỏ tươi, tường vôi còn trắng toát, đó là trường Sơ-Đẳng Tiểu-Học Lộc-Trĩ. Trong bầu không khí tịch mịch vang lên những tiếng đồng học của đám học sinh nhỏ bé.

Bãi Tắm Mũi-Nai ăn vào trong đất thành hình cong cong. Trên bờ có 4, 5 cái nhà lá. Một cái nhà là nơi bán nước giải-khát. Để phòng hờ khi đông khách, họ cát sẵn ngay trước nhà một cái quán cũng bằng lá có đề sẵn bàn ghế. Ở trên một ụ đất cao độ 5, 6 thước gần ngay đây và sát



Đông-Hồ lúc rạng-đông—Hà-Tiên.

ngay bờ bề có một cái chòi lá hình tròn. Trong chòi có 4 cái ghế bằng gỗ để khách du-lịch ngồi chơi, ngắm cảnh trời cao bề rộng, nghe tiếng sóng vỗ vào bờ, hưởng luồng gió mát dịu-hiền. Gần cái chòi này có một cái chòi lá khác hình chữ nhật. Trong chòi có một dãy bàn dài, có hai hàng ghế gỗ. Chòi này có lẽ là chỗ để cho khách du-lịch dùng làm chỗ ăn khi họ đem đồ thực-phẩm theo.

Ở ngoài biển, xa xa về phía tay mặt ta trông thấy tỉnh «Kép» một tỉnh nhỏ ở gần bờ bề của Cam-Bốt. Bên trái ta thấy những hòn đảo nhỏ mọc lô-nhò trên mặt bề.

Trên bờ ngay chỗ tắm có 4 cái nhà gỗ nhỏ sơn trắng là chỗ thay quần áo để đi tắm.

Trước khi đi tắm, chúng tôi ghé vào quán uống nước dừa tươi. Bà hàng đồ nước dừa vào ly, đưa trái dừa đã bửa ra làm hai và một cái muỗng bằng nhôm để chúng tôi nạo cùi dừa trong như ngọc, trắng như ngà. Ăn cùi dừa còn non này chúng tôi thấy mát như thạch (su soa). Thật

tình chúng tôi đã ăn và uống cái tinh túy của sản-phẩm Hà-tiên !

Bây giờ chúng tôi xuống ngâm mình dưới nước mặn, bơi lội và nô đùa cùng sóng biển...



Tôi đây có thể gọi là chấm dứt thiên điều-tra về Quận-ly Hà-tiên. Trong một kỳ tới, chúng tôi mời các bạn đi thăm mấy nơi phụ-cận của Quận Hà-tiên. Ở những nơi này, về danh lam, thắng cảnh cũng như về lịch-sử, sinh-kế và nguyên-liệu, các đề-tài hữu-ích này sẽ làm cho các bạn ngạc-nhiên không ít về các truyền-thuyết và về sự phong-phú của các nguồn lợi thiên-nhiên ở các địa-điểm này, như Núi Trầu với các mỏ vôi, Phú-Quốc xứ sở vô tận của nước mắm thượng hảo hạng và của mắm ruốc, một thực-phẩm được xuất-cảng nhiều nhất sang Thái-Lan, v.v. và v.v...

Hà-tiên, Thu 1958.



☆ GIỐNG ĐỰC, GIỐNG CÁI

- Em — Anh Hai này, tại sao La figure là cái mặt, mà Le visage cũng là cái mặt anh nhỉ ?
- Anh — (trợn mắt) Sao mà dốt quá thế ? Le visage giống đực là mặt đàn ông, còn La figure giống cái là cái mặt đàn bà, thế mà cũng hỏi !

S.K.L.

NGÀY LỊCH - SỬ

★ THÁNG TƯ

NGUYỄN TRIỆU Suu-Tâm

Tài-liệu đặc-biệt « Những ngày Lịch-sử » đăng trong « Tạp-chí Phổ-Thông » đều hoàn toàn chưa in trong sách báo nào cả, từ xưa đến nay, vậy cần các nhà viết sách, báo, hoặc là lịch, trích đăng-tải những tài-liệu này mà không có giấy phép riêng của Giám-đốc Tạp-chí Phổ-Thông. Bản quyền của Tạp-chí Phổ-Thông.

16

Tháng tư, KỶ . HỢI

23 Mai 1959

16 THÁNG TƯ ĐINH-DẬU

(23 Février 1657)

Chúa Trịnh Tráng (Thanh-Đô Vương) mất, thọ 81 tuổi, làm chúa được 35 năm.

17

Tháng tư, KỶ . HỢI

24 Mai 1959

17 THÁNG TƯ GIÁP-THÂN

(11 Mai 1884)

Lý Hồng - Chương ký hiệp-ước Thiên-tân nhường chủ-quyền nước Đại-Nam cho người Pháp.

18

Tháng tư, KỶ . HỢI

25 Mai 1959

18 THÁNG TƯ, ẤT-DẬU

(23 Février 1285)

Trần-quốc-Toàn cùng tướng quân Nguyễn-Khoái đem quân tinh-nhuệ đón đánh đại-bình Mông - cò ở đầu bến Tây-kết (thuộc phủ Khoái-châu, tỉnh Hưng-Yên, Bắc phần bây giờ).

18 THÁNG TƯ, QUÝ-TỊ

(5 Juin 1883)

Nguyễn - hữu - Khôi tức Lê-vân-Khôi khởi loạn ở Gia-định, giết tông-đốc Nguyễn-văn-Quế và bố-chánh Bạch-xuân-Nguyên rồi chiếm lấy thành.

19

Tháng tư, KỶ . HỢI

26 Mai 1959

19 THÁNG TƯ, GIÁP-DẦN

(27 Avril 1484)

Vua Lê Thái-Tôn sai Lê-Thông đi dẹp giặc Ai-Lao.

20

Tháng tư, KỶ-HỢI

27 Mai 1959

20 THÁNG TƯ, NHÂM THÌN

(2 Mars 1412)

Trần-đế Quý-khoách tôn Giản-
định-Đế lên làm Thái-thượng-
Hoàng đế lo việc khôi-phục lại
nhà Trần.

21

Tháng tư, KỶ-HỢI

28 Mai 1959

21 THÁNG TƯ, TÂN-HỢI

(22 Mai 1791)

Vua Càn-Long nhà Thanh cho
đưa các cựu-thần tông-vong nhà
Lê đi an-trí ở các tỉnh xa.

21 THÁNG TƯ, QUÝ-TỊ

(8 Juin 1888)

Lê-văn-Khôi đánh chiếm luôn
cả tỉnh An-giang (hiện nay vùng
Sadec).

22

Tháng tư, KỶ-HỢI

29 Mai 1959

22 THÁNG TƯ KỶ-MÙI

(26 Février 1079)

Lý-thường-Kiệt dùng kế cho
dân châu Quảng Nguyên (thuộc
địa-phận Cao-bằng ở Bắc-phần
bây giờ mà ngày nay châu
Quảng-uyên là tên cũ đời ra
từ đời Lê-hồng-Đức) cướp phá
làm cho Ty kinh lược Quảng Tây
phải tâu về vua Tống xin thêm
quân đánh dẹp đề trấn tinh lòng
dân Lương Quảng.

23

Tháng tư, KỶ-HỢI

30 Mai 1959

23 THÁNG TƯ, ĐINH HỢI

(30 Mai 1407)

Quân nhà Minh kéo sang xâm
lấn nước ta tới Lợi Giang (tức Sông
Mã): quân nhà Hồ thua chạy.

24

Tháng tư, KỶ-HỢI

31 Mai 1959

24 THÁNG TƯ, ÁT DẬU

(29 Mai 1285)

Thượng-tướng Trần quang-Khải,
Trần quốc-Toàn cùng tướng lĩnh
nhà Trần đem quân các lộ đánh
bại quân Mông-Cồ ở Chương-
Dương (thuộc huyện Thượng-Phúc,
tỉnh Hà Đông Bắc phần, bây giờ)
và khắc phục thành Thăng Long.

25

Tháng tư, KỶ-HỢI

1 Juin 1959

25 THÁNG TƯ, ÁT DẬU

(30 Mai 1285)

Sau khi đại binh nhà Trần đã
khắc phục thành Thăng Long, bọn
tướng Mông-Cồ là Thoát-Hoan
và A-Thích chạy khỏi sông Cái
(Nhĩ-Hà).

26

Tháng tư, KỶ-HỢI

2 Juin 1959

26 THÁNG TƯ, MẬU THÌN
(16 Juin 1368)

Cụ quân Lịch tức Nguyễn Trung-Trực đem quân tấn công đồn của Pháp ở Kiên Giang (Rạch-Giá) vào hồi 4 giờ Khuya, giết hại quân địch rất nhiều và lấy lại được đồn.

27

Tháng tư, KỶ-HỢI

3 Juin 1959

27 THÁNG TƯ, BÌNH-TÝ
(28 Mai 1516)

Con Cầm Giang-Vương và là cháu 3 đời vua Lê-Thánh-Tôn (tên là Ý), khôi phục lại được ngôi Vua tức Lê Chiêu-Tôn và đặt niên hiệu là Quang Thiệu.

28

Tháng tư, KỶ-HỢI

4 Juin 1959

28 THÁNG TƯ, BÌNH-NGỌ
(28 Février 1786)

Quân Tây-Sơn từ Phú-Xuân kéo ra đánh lấy thành Thanh-Hóa.

29

Tháng tư, KỶ-HỢI

5 Juin 1959

29 THÁNG TƯ, ĐINH-HỢI
(5 Juin 1407)

Quân Minh lần tiến đến cửa bể Diên-Canh, quân nhà Hồ thua vỡ.

★ ĐẠO ĐỨC VÀ NGƯỜI DỜI

Một buổi chiều mát, một tu sĩ đang dạo chơi thì thấy một cảnh sát dẫn một kẻ say rượu về bót bằng một cách không được nhã nhặn lắm. Ông liền lại gần viên cảnh sát và hỏi :

— Anh có biết đọc chữ không ?

Người cảnh sát nhìn nhà tu sĩ rồi đáp :

— Biết chứ.

Nhà tu sĩ nói tiếp :

— Tốt lắm. Đây là kinh thánh, anh hãy đọc đoạn nói về cách đối xử giữa những người đồng loại với nhau.

Tức giận, viên cảnh sát móc lại :

— Còn ông, ông có biết đọc chữ không ?

— Chắc chắn là biết rồi.

— Vậy ông hãy đọc đoạn nói về công việc của cảnh sát và qui-luật về sự bắt giữ những kẻ say rượu.

★ CHUYỆN CUNG TRĂNG

Thế kỷ thứ 20 là thế kỷ của khoa-học và của hỏa-tiền. Nga-Mỹ đua nhau chế tạo những hỏa-tiền tối tân và tinh vi nhất với hy vọng một ngày kia cuộc " du-nguyệt " sẽ thành thực tế. Các nhà bác học đoán rằng trên cung trăng sẽ có nhân sinh như trên quả đất chúng ta. Trước sự tiến bộ mạnh-mẽ của khoa học, anh ba Mécóc cứ khần khẩn quả quyết rằng : « Tôi chắc-chắn trên cung trăng sẽ không có nhân sinh. Nếu có nhân sinh trên ấy, thì những người sống trên đó sẽ ở đâu khi chị Hằng khuyết thành lưỡi liềm bé nhỏ ? »

H.P

CUỘC DU LỊCH HÀO HỨNG :

XUÂN và MAI

LÊN

HƯỚNG TẦNG KHÔNG KHÍ

★ PHONG - CẨM

(Tiếp theo và hết)

Một chốc sau, Xuân đã trả lại và lời Mai về sợi dây nối liền hoá tiên với Phòng Thí Nghiệm. Thế rồi hai anh em đều phăng về phía bên kia, và tự nhiên là phăng rất mau ?

Vào phòng xong rồi, nhơn viên của Phòng Thí Nghiệm nói :

— Ở Phòng Thí Nghiệm, không phải như trong hoá tiên, nhờ quay tròn nên tạo được trọng lực như ở mặt đất, chỉ có phòng ở cốt giữa này là không có trọng lực mà thôi.

Xuân hỏi :

— Nhưng tạo trọng lực để làm gì vì không có trọng lực mình cũng chịu được vậy.

— Phải rồi, nhưng vì đây

là Phòng Thí Nghiệm mình phải ở lâu ngày, nếu chịu mãi tình trạng phi trọng lực thì cũng không tốt cho sức khoẻ. Bây giờ mình phải ra các phòng ngoài có trọng lực đi. Hai em nên nhớ rằng đây là trọng lực nhơn tạo, khi bánh xe xoay tròn thì trọng lực đi từ cốt giữa ra ngoài nên khi mình đi đây thì các em sẽ có cảm giác như leo xuống thang lầu. Các em theo tôi.

Ở đây cũng phải làm giống như bên hoá tiên : khi đóng cửa mở cửa phải qua một phòng trung gian.

Từ phòng đó trở đi, quả thật Xuân và Mai cảm thấy càng lúc càng nặng thêm rõ ràng như mình đang leo xuống một thang gác.

Đến phòng ngoài rồi thì Xuân Mai hoàn toàn cảm thấy dễ chịu như ở dưới mặt đất. Mọi người ở đây đều ăn mặc như ở đất cả, nghĩa là không có mang áo giáp mũ miệng gì hết.

Một nhà bác học có tuổi, đến bắt tay hai anh em nói :

— Cha, nghe địa cầu báo tin rằng có hai nhơn viên mới còn nhỏ tuổi nhưng tôi không ngờ rằng nhỏ đến như vậy ! Thôi hai cháu đi thay đồ đi !

Xuân và Mai được dẫn vào một phòng riêng có hai giường ngủ sắp thành hai tầng như trong toa xe lửa.

là bản thông tin cuối cùng. chung tôi vừa được tin giờ chót rằng cuộc phóng hỏa tiên « tác-xi » đầu tiên để liên lạc giữa địa cầu và Phòng Thí Nghiệm... bay đã hoàn thành mỹ mãn, « tác-xi » đã đưa lên thượng tầng không khí hai nhơn viên mới cho Phòng Thí Nghiệm và là hai nhơn viên tí hon...

Xuân và Mai nhìn nhau mỉm cười. Xuân nói :

— Quên nữa, mình chưa nhìn xuống trái đất coi ra làm sao.

Nhưng nhìn quanh không thấy có cửa sổ gì cả ; đang phân vân thì nhà bác học vào. Ông hỏi :

— Sao, các cháu có mệt không ?

— Dạ không ạ, hai cháu xin cụ giao cho công việc ngay cũng được.

— Khoan, khoan. Hai cháu phải quen với cách bố trí trên này đã rồi sau sẽ hay, chúng ta còn ở lâu, không vội gì. Bây giờ nếu hai cháu không mệt thì hai cháu sẽ đi thăm tất cả các phòng ở đây và biết qua nhiệm vụ của mỗi phòng.

— Dạ, hai cháu sẵn sàng.

— Nhà bác học nhận một cái nút, rồi nói vào máy vi âm trên bàn giấy :

— Ông Lê hãy đến phòng 3 dẫn hai nhơn viên mới đi thăm tất cả các phòng.

MÙA XUÂN CỦA KHOA HỌC

Xong, hai em ra ngoài và thấy khoan-khoái lạ thường. Bây giờ hai em bé mới kịp nhìn quang cảnh trong Phòng Thí Nghiệm, Phòng nào phòng ấy thật rộng rãi và đầy đủ tiện nghi đèn điện sáng choang, có những chiếc ghế bành rất đẹp, những bàn giấy minh mông...

Hai em vào một phòng đợi, có sách báo, tranh ảnh, có cả máy thu thanh. Chính ngay lúc đó không biết do ai vặn máy thu thanh đang phát ra một bài nhạc rất đàng thuộc, rồi tiếng người xướng ngôn viên nói lên :

— Các bạn vừa nghe xong chương trình âm nhạc, sau đây

Một chập sau, ông Lê đến bảo :

— Hai em theo tôi.

Phòng kế bên là phòng liên lạc vô tuyến truyền hình, Xuân và Mai chỉ thấy những sợi dây chằng chịt và những bóng đèn điện tử nhỏ xíu, thoạt tắt thoạt cháy, nhưng chỉ có hai nhơn viên đảm trách.

Xuân hỏi :

— Máy móc nhiều quá mà sao chỉ có hai nhơn viên rồi làm sao hết công việc hở ông ?

— Trước hết là trên này phải dùng ít nhơn viên chừng nào tốt chừng ấy, vì mỗi lần tiếp tế là mỗi lần phải tốn kém nhiều. Nhưng nhờ có máy móc tự động nên công việc cũng được đơn giản. Ví dụ có những máy tự động ghi tất cả những điện tín của địa cầu và đánh điện tín trên này về mà nhơn viên chỉ cần nhấn một cái nút thôi. Ngoài ra tất cả các máy đo nhiệt độ, ánh sáng, quang tuyến... đều tự động đánh kết quả về địa cầu, không cần phải qua một nhơn viên nào. Ở đây ta phải liên lạc với tất cả các đài thiên văn lớn trên thế giới và sự có mặt của hai nhơn viên là để trả lời những câu hỏi đặc biệt của các nhà bác học dưới ấy.

Mai nóng lòng hỏi :

— Thưa ông, có phòng nào mình có thể nhìn thấy trái đất của mình không ạ ?

Ông Lê cười :

— Coi kia, mình ở mặt đất lên đây là để nhìn vũ trụ cho khỏi bị mây che và không khi cần trở, chớ đâu phải lên đây để nhìn về trái đất đâu ?

Mai đỏ mặt thẹn thùng, ấp úng đáp :

— Dạ, vì tánh tọc mạch nên cháu hỏi như vậy...

Thấy đùa bé thành thật, ông Lê vỗ về :

— Không, tôi nói chơi đấy. Minh lên đây một phần cũng để quan sát các vì tinh tú mà quả địa cầu cũng là một tinh tú nên cũng cần phải thấy, nhưng thấy không phải để cho vui mắt... Phòng kế bên đây là phòng quan sát tinh tú, ở đó cửa kiếng rộng mênh mông, các em sẽ thấy địa cầu của mình. Vì kiếng đó là thứ kiếng đặc biệt đủ sức ngăn các loại quang tuyến nguy hiểm như vũ trụ tuyến mà chắc các em có nghe nói, nên không thể làm cửa sổ nhiều được. Thôi mình qua đây xem.

Phòng kế bên rộng bằng hai các phòng khác. Trong đó có rất nhiều máy chụp hình, máy quay phim nhưng đặc biệt là có một ống viễn kính rất to.

Quả thật ở đây có những cửa kiếng rộng, có thể nhìn thấy từ phía được hết.

Bỗng Mai kêu lên :

— Ô kia hỏa tiễn của mình kia.

Thật vậy, hỏa tiễn vẫn bay song song với Phòng Thí - Nghiệm. Ông Lê nói :

— Chắc bên ấy còn chuyển đồ tiếp tế sang và chờ tới đúng giờ đúng chỗ mới về được.

Nhưng nhìn bên ngoài, vòm trời có một màu xanh sậm, lấp lánh ngôi sao mà ở đây thấy như sáng hơn khi ở địa cầu nhìn lên.

Xuân hỏi :

— Còn trái đất đâu thưa ông ?

Ông Lê nói :

— Cứ nhìn dưới chân.

Thì ra sàn gian phòng này cũng làm bằng kiếng nên nhìn thấy được luôn cả phía đó nữa.

Xuân và Mai đều « Ồ » lên một tiếng ngạc nhiên :

— Đẹp quá !

Một quang cảnh cực kỳ tráng lệ hiện ra dưới mắt Xuân và Mai. Quả đất xem giống như một bản địa đồ minh mông tỏa ra một thứ ánh sáng trắng đục dịu dàng như ánh sáng của đèn ống.

Mai nói :

Mai nhìn ra được rồi. Minh đang bay trên đất VIỆT-NAM, kia Xuân có thấy cái mũi Cà-Mau thon thon đó không. Trời ơi đẹp quá.

Nhưng những hình ảnh đó đi qua rất mau. Một phút sau đã là biển Nam Hải rồi và hai phút sau đã thấy hình dáng của giải đất Phi-Luật-Tàn...

Ông Lê nói :

— Thôi ta sang phòng chứa các máy đo đi.

Mai nhìn ông Lê như van lơn xin được ở lại nhìn nữa. Ông Lê hiểu ý nói :

— Rồi đây sẽ còn nhiều thời giờ để quan sát...

Xuân và Mai vừa đi vừa nhìn lại một cách lưu luyến hình ảnh quả đất huyền ảo.

Phòng kế đó là phòng chứa những máy đo đủ loại. Ông Lê vừa chỉ vừa giải thích :

— Máy này là máy đo vũ trụ-tuyến, thứ quang tuyến hết sức mạnh mẽ có thể đi xuyên qua rất nhiều vật cứng. Nếu không có thứ kim khí đặc biệt bao bọc thì quang tuyến ấy đã giết chết hết chúng ta trong chớp nhoáng. Ở dưới mặt đất nhờ lớp không khí che chở nên vũ trụ tuyến đã yếu đi nhiều rồi. Nhưng trên này, chúng ta lại có thể dùng được năng lực của thứ quang tuyến ấy cho các máy móc của Phòng Thí Nghiệm. Còn đây là máy đếm... đá trời, nó sẽ cho biết trong một giờ chúng ta gặp bao nhiêu đá trời chẳng hạn.

Xuân bản khoăn hỏi :

— Nếu mình dụng phải đá trời thì Phòng Thí Nghiệm có hề hấn gì không ông ?

— Không sao ? Trước đây như các nhà bác học đã phóng vệ tinh nhân tạo cỡ nhỏ lên không trung nên đã biết rõ được rằng tuy có nhiều số đá trời ấy vẫn không nguy hiểm lắm. Với lại hiện nay chúng ta đã tiến bộ nhiều về khoa điện học nên chúng ta đã tạo được một từ trường chung quanh Phòng Thí Nghiệm có thể làm cho đá trời bay vệt đi không đụng ta được.

Xuân và Mai lăm lăm cảm phục sự tiến bộ quá sức tưởng tượng của khoa học. Giờ đây ông Lê lại dẫn hai em bé qua phòng kế đó mà ông gọi là phòng hóa học :

— Ở đây có phạm sự phải hút chất hơi cac-bô-níc mà mình thở ra để rồi phân tách nó làm trở lại chất dưỡng khí cho sự hô hấp, như vậy thì không sợ thiếu không khí trên này. Nhưng dầu sao cũng phải dự trữ dưỡng khí để phòng khi bất trắc : mấy bình trong góc đó là bình dưỡng khí đấy. Trong phòng này cũng có máy để biến tất cả nước dư thành nước tốt để dùng : nước tiểu, hơi nước do ta thở ra, do mồ hôi bay lên thành hơi... tất cả những thứ nước ấy không mất đầu cả mà sẽ biến trở thành nước dùng được. Nhưng vì cơ thể không tiết ra hết số nước nó húc vò mà nó còn giữ lại một phần để tạo thành tế bào mới nên chúng ta không thể tự túc

về nước được, như đã tự túc về dưỡng khí, chính vì vậy mà chúng ta cần được tiếp tế nước nhưng cũng không cần nhiều lắm.

Phòng kế đó là phòng quan sát thời tiết ở địa cầu, ông Lê gọi là phòng « báo bão », Xuân hỏi :

— Minh ở tuốt trên thượng tầng không khí mà cũng bị bão nữa sao ông ?

— Không, Bão thì chỉ ở trong không khí mới có. Nhưng nhờ ở trên cao nhìn xuống và nhưt là nhờ mình bay với tốc độ rất nhanh như các em đã biết là mình đi một vòng trái chỉ trong 95 phút nhờ vậy mà hề sắp có bão ở đâu là mình biết ngay.

Mai ngạc nhiên :

— Bão mình thấy được hả ông

— Thấy được chứ, thấy hình dáng của mây, nhưng đặc biệt là PHÒNG THÍ NGHIỆM của mình có những máy ra đa tinh xảo, nó nhìn rất xa và cho biết được bão đã « động » ở đâu, di chuyển hướng nào nữa.

Mai chác lưỡii :

— Tôi bây giờ Mai mới thấy lần lần sự ích lợi của PHÒNG THÍ-NGHIỆM thượng tầng không khí, từ lâu nay Mai chỉ nghĩ đến việc lên đây là để nhìn trời đất cho vui mắt vậy thôi ! Như vậy thì thiệt là khoa học đã giúp cho loài người nhiều quá.

Ông Lê cười :

— Chớ sao. Đây rồi một ngày kia, nhờ sự tìm tòi của chúng ta hiện nay nhưn loại sẽ dùng được năng lực của vũ trụ tuyến nghĩa là một thứ năng lực thiên nhiên còn ghê gớm hơn nguyên tử-lực, hạch tâm lực nữa. Chừng đó chúng ta có thể làm cho những vùng băng tuyết ở Bắc cực tiêu tan đi để biến những miền đó thành những vùng phi nhiệt và nuôi sống được hằng mấy trăm triệu người... Thôi bây giờ qua viếng phòng « thực vật học » đi.

Xuân và Mai nhìn nhau kinh dị, trong đầu nêu lên câu hỏi : trên này cũng có trồng cây nữa sao ?

Nhưng cửa phòng đã mở và lạ lùng thay, trước mắt Xuân và Mai hiện ra cả một vườn hoa xanh tươi.

Mai chạy đến một chậu bông toan ngắt một cành. Xuân vội cản lại.

— Mai, đừng làm vậy.

Mai rút tay lại, thẹn thùng ;

— Mai quên mất, trông như còn ở mặt đất ! Trời ơi, trên này mà cũng trồng cây được ?

— Được chứ, nhưng phải tạo cho cây cối một khí hậu thích hợp với mỗi giống, mấy em xem kia có những thùng kiếng đựng mấy chậu cây đó : trong phòng ấy hơi nóng khác hơn ở chỗ mình đứng đây vì loài cây đó : cần có sức nóng.

Xuân hỏi :

— Nhưng mình trồng cây trên này chỉ vậy ông, theo cháu hiểu thì cây cối cũng hút dưỡng khí và sẽ làm hao dưỡng khí dự trữ của mình ?

— Phải rồi, cây cối hút dưỡng khí nhưng cây cối cũng húc hơi các bó níc và lại tiết ra dưỡng khí nữa, nếu gặp ánh sáng mặt trời, đúng hơn gặp những quang tuyến trong ánh nắng. Chính cây cối làm điều hoà dưỡng khí trong lớp không khí của trái đất, nên chúng ta đang thí nghiệm xem có thể tạo được một quả địa cầu cho một vệ tinh nhưn tạo hay không. Nếu chúng ta có cách trồng được loài cây cối trên này thì một ngày kia có thể nói là chúng ta sẽ tạo được một quả địa cầu thứ nhì có lớp không khí bao bọc tầng hoàng chớ không cần phải ở trong phòng kín như vậy nữa đâu.

Xuân và Mai đều kêu lên một lượt như vậy trước viên ảnh lạ lùng đó. Thành linh có tiếng chuông reo vang.

Ông Lê hơi tái mặt bảo :

— Tiếng chuông báo động, có biến. Phải mang ống dưỡng khí cá nhân vào, mỗi phòng đều có, trong góc kia, vì trong chốc lát là tất cả các phòng đều đóng kín lại không còn thông hơi với nhau nữa. Mau lên.

Cả ba người đều mang ống

dưỡng khí vào, mặt người nào cũng có vẻ lo âu. Liền đó tiếng trong máy phóng thanh vang lên :

— Ông Lê đang ở phòng nào đó nên dừng lại. Ban kiểm soát đã tìm được trong quần áo của Xuân và Mai một con muỗi rét không biết làm cách nào đã chui vào trong được và vẫn sống. Tất cả các phòng mà Xuân và Mai đã đi qua đều phải được tẩy uế bằng chất sát trùng, mỗi nơi phải tự làm lấy.

Ông Lê mở một ngăn kéo lấy ra một máy bơm bột sát trùng và xịt thành một làn hơi trắng. Xong, ông liền bấm một cái nút trên tường. Chập sau lại có tiếng chuông reo, ông Lê tháo mặt nạ dưỡng khí ra và ra hiệu cho Xuân và Mai cũng làm như vậy.

Ông nói :

— Cũng may, nếu không khám phá kịp thì cũng có thể nguy vì loài muỗi ấy sanh mau lắm. Cả loài rệp hay mọi thứ ký sanh trùng khác của thân thể cũng vậy.

Lần lượt Xuân và Mai đến thăm nơi phát điện cho Phòng Thí-Nghiệm, có máy chạy bằng ánh sáng mặt trời, nơi chứa nhiên liệu cho các hỏa tiễn của Phòng Thí-nghiệm, phòng ăn, nhà bếp...

Xuân và Mai đã đi giáp vòng cái « bánh xe » không lồ. Trở lại phòng của nhà bác học, ông hỏi :

— Cảm tưởng của hai cháu như thế nào ?

Xuân đáp :

— Dạ, cháu thấy thật là vĩ-đại và tân tiến. Cháu không ngờ rằng khoa học đã tiến bộ đến mức ấy. Cháu không ngờ rằng không bao lâu nữa, nhờ sự nghiên cứu của Phòng Thí-Nghiệm thượng tầng này, nhơn loại sẽ làm chủ được khí hậu ở đại cầu...

Mai tiếp :

— Phần cháu, thì thấy thêm rằng chẳng những nhơn loại làm chủ được khí hậu ở địa cầu mà còn làm chủ được không gian nữa. Cháu nghĩ rằng Phòng Thí-Nghiệm bay này có thể là một trạm đề phóng đi những phi cơ liên hành tinh...

— Đúng vậy. Một ngày kia, từ đây chúng ta có thể phóng đi những hỏa tiễn thoát luôn khỏi sức hút của trái đất, nghĩa là có thể bay được lối 40.000 cây số một giờ. Chờ mình đây, mình cũng còn nằm trong sức hút của trái đất nên mình mới bay tròn quanh trái đất mãi. Khi thoát ra khỏi sức hút của trái đất rồi thì có thể gặp những vì sao mới, những mặt trời mới và không chừng những trái đất khác nữa trên đó có loài người ở như trái đất của mình vậy.

Đoạn ông mỉm cười nói như đề kết luận :

— Nhưng trước hết phải

làm việc đã. Hai cháu đã sẵn sàng chưa ?

Xuân và Mai đồng trả lời :

— Dạ sẵn sàng rồi. Xin cụ phân công cho ngay.

Nhà bác học hài lòng gục gặc đầu :

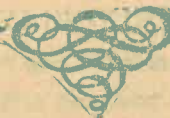
— Tốt lắm, tốt lắm. Bây giờ hai cháu hãy qua bên phòng kia đi.

Xuân hỏi :

— Thưa, chúng cháu sẽ làm gì bên đó ạ ?

— Hai cháu đi... ngủ một giấc để dưỡng sức ?

Trong lúc đó Phòng Thí Nghiệm... biết bay vẫn xoay tròn chung quanh trái đất trước muôn triệu cặp mắt hướng về nó như hướng về một vật thiêng liêng màu nhiệm nào, vì chính nó đã mở ra một mùa xuân của khoa học.



☆ CHUYỆN TRẺ CON

Ée Hồng 8 tuổi tâm sự với thằng Hùng, 10 tuổi, bạn cùng xóm :

— Mày biết không, ở nhà mới dọn lại, tao có một phòng nhỏ riêng, chị Huệ tao có một phòng riêng, bà ngoại tao cũng có một phòng riêng. Tội nghiệp ba tao quá ! Ông không có phòng riêng nên bắt buộc phải ngủ chung 1 phòng với má tao.

☆ NGÀY THƠ

Một chiều mát tại Long-Hải. Một thiếu phụ độ 50 tuổi bảo một họa sĩ :

— Này ông họa-sĩ, tôi muốn ông họa bức chân dung tôi nhưng với một điều kiện : Ông phải họa thế nào mà khi trông vào bức ảnh thấy tôi còn thật trẻ trung và ngày thơ.

Họa sĩ đáp :

— Thưa bà, tôi hiểu rồi. Vậy tôi xin họa bà đang chơi trên một đồng cát với một cái xuồng với 2 con nhé.

H.P

MỘT ĐỜI NGƯỜI

HỒI KÝ

CHƯƠNG IV

Gặp Ông Phan-Khôi, viết báo Phụ-Nữ và làm quen
với báo-giới miền Nam

(Tiếp theo P. T. số 11)

Có nghề thứ hai để yên bề kinh-tế tôi lại nghĩ tới nghề thứ nhất của tôi. Công việc vừa hơi quen quen thì cây viết của nhà văn lại quyến rũ người công chức và những đêm khuya tịch-mịch, anh chàng lại mài miệt cấu-từ và viết văn.

Lần này tôi không lấy đề tài ở trong sách mà lấy đề-tài ngay ở những nhân vật của nước mình, bắt đầu từ ông Phan-Khôi là cây viết trụ cột của tuần báo Phụ-nữ Tân văn, tờ báo được hoan-nghênh nhất lúc bấy giờ.

Tôi gửi thẳng những bài phê-bình nhân-vật của tôi đến ông Phan-Khôi và được mời tới nhà riêng của ông để nói-chuyện.

Nhà « ngự-sử trên đàn văn » lúc-bấy giờ chuyên-môn bắt bẻ

những sai lầm của bọn cầm bút, hệ đàn-hạch tôi ông nào là ông ấy nhảy nhồm, ngán ông và kiêng ông.

Tôi cũng lo ngại cho số phận của tôi khi tôi bước chun tới nhà ông hồi đó ở một ngõ hẻm ở Tân-Định. Vậy mà ông lại tỏ ra khoan-hồng dễ-dãi với tôi. Ông mời tôi ngồi, chỉ cho tôi những làm lỗi về danh từ và cả về văn-phạm trong những bài gửi đến cho ông. Nhưng ông tôn trọng tất cả ý kiến của tôi về phần tôi phải chịu hoàn toàn trách nhiệm. Sau hết ông mời bàn về lối văn phê bình nhân vật mà ông cho là mới xuất hiện trên văn đàn cần phải được khuyến khích.

Rồi ông viết bài giới thiệu tác giả, coi như một cô dâu mới được

đăng điều e-lệ sệt-sè có những nét yêu kiều diễm-lệ mà ông hàn hạnh trình diện với 2 họ hôm nay.

Lời giới-thiệu duyên dáng và trọng hậu đã làm cho tôi vô cùng cảm động, thứ nhất là người giới thiệu xưa rày rất hà tiện lời khen.

Bài giới-thiệu của ông Phan và những bài phê-bình của tôi được đăng trên một tờ báo phụ-nữ, tờ Phụ-nữ Tân-Văn vào khoảng cuối năm 1931.

Tôi long trọng được góp mặt trong làng văn miền Nam từ đây và từ đây không bao giờ tôi quên được một bức đàn anh đầy thiện chí, rất ngay thẳng và vô - tư. Nhiều người cho ông tra lập - dị.

Nhưng theo tôi biết thì ông chỉ là người có óc cầu tiến, thích cái mới, ghét công-thức và ghét hòa theo.

Ông là một nhà nho mà ghét cay ghét đắng những hủ bại của nhà nho.

Ông công-kích Tống-Nho và đã phá luôn hệ-thống luân-lý của nhà nho bằng phương - pháp luân-lý của Tây - Phương mà ông đã sở đắc trong những tàn thư của Trung-quốc.

Nhưng ông vẫn giữ luôn cốt cách và bản sắc của nhà nho là thẳng thắn với mình và thẳng thắn với người, không bưng bọ ai, không cầu cạnh ai, không coi ai trọng hơn công-lý và lẽ phải.

Sau khi loạt bài tôi được đăng

và được nhiều tờ báo nhắc-nhở thì ông hỏi tôi : « Thế nào ? Ông Nguyễn-đức-Nhuận đã trả tiền nhuận bút cho ông chưa ? » Tôi nói chưa thì ông tỏ ý giận dữ mà nói nữa : « Tôi nhắc hoài mà họ cứ làm bộ quên hoài. Bọn mình nai lưng ra viết để làm giàu cho họ mà họ không biết tôn trọng quyền lợi của nhà văn.

Tôi nhắc nữa và bắt buộc họ phải trả tiền nhuận bút cho ông ».

Quả nhiên mấy ngày sau tôi được bưu phiếu 30đ, và được ông Chủ nhiệm Nguyễn-đức-Nhuận mới ra chơi Toà-Soạn. Tôi tính ra mỗi bài người ta trả cho tôi 5đ. và 5đ. hồi đó bằng 4, 5 trăm bây giờ. Lần thứ nhất, trong đời văn của tôi, tôi nhận được món tiền thù lao to-tát như thế !

Ông Phan-Khôi chẳng những đã ủng hộ tôi về phương diện tinh thần mà còn dạy tôi một bài học thực tế là phải bảo vệ quyền tác giả của mình và của làng mình. Gần ông tôi bớt mơ mộng, bớt lãng-mạn nhưng thêm kiên-quyết khi cần phải bảo vệ công-lý, tự-do và nhân-vị của con người.

Khi nghe tin ông ở lại khu giải phóng trong suốt thời kỳ kháng chiến, tôi không lấy làm lạ vì tiết tháo nhà nho và giòng máu văn-thân không cho phép ông sống dưới sự kiểm soát và sự bảo-vệ của Pháp.

Nhưng ông đã hy sinh quá sức vì ông già và nghiện, đời sống

gian khổ đối với ông càng gian khổ hơn nhiều.

Hơn nữa ông còn phải ly-sinh cả tự-do tư tưởng lẫn thể thống của nhà văn dưới một chế độ chuyên công - thức như chế-độ hiện thời ở miền Bắc. Lời ông than : «Tôi không còn phải là tôi nữa» là một tiếng kêu thương của một tinh thần độc-lập, một nhà văn dám sống chết với tự-do.

Ông đã lãnh đạo phong-trào đổi lập trong thời kỳ «Trăm hoa đua nở».

Nhưng trăm hoa chưa kịp đua nở mà những cơn gió phủ-phàng đã làm cho chúng nó ủ-rủ tã-toi.

Phan-Tiên-Sinh, năm nay cụ đã già lắm rồi. Tôi gặp cụ cách đây gần 30 năm. Tôi coi cụ như một ông thầy và cụ coi tôi như một người bạn.

Tôi nhỏ hơn cụ trên 20 tuổi mà còn sợ nói đến ngày mai. Cụ như ngọn đèn trước gió chưa biết chết sống giờ nào. Tôi không dám ao-ước còn có ngày gặp cụ nhưng hình bóng cụ vẫn hiện ra ở trước mắt tôi. In sâu ở trong lòng tôi : hình bóng của một bạn vong niên và của một người ân-hữu mà tôi đã may mắn được gặp trên đường văn-nghiệp.

Từ nay tôi thường lui tới tòa soạn báo Phụ-nữ Tân-Văn ở chợ cũ và thường được mời tới

biệt-thự của vợ chồng ông chủ-nhiệm ở đường Massiges (bây giờ là đường Mạc-đĩnh-Chi).

Tôi phải nhìn-nhận ông bà là những người nhả-nhặt lịch-sử chẳng những đối với khách mà còn đối với những người giúp việc cho mình. Hơn đó mà tôi biết thêm nhiều ký-giả ký-cựu trong số đó có các ông Đào-trình-Nhất, Diệp-văn-Kỳ, Bùi-thế-Mỹ. Cùng với ông Phan Khôi, ba ông này là những cây viết cừ khôi trong làng báo Sài-gòn thời đó.

Ông Đào-trình-Nhất là con cụ Đào-nguyên-Phổ, một vị danh nho. Ông nhớ truyện xưa, tích cũ nhiều, thông nho và cũng đọc được sách báo chữ Pháp.

Ông có cây viết linh động, lạ-làng mà tôi chưa từng thấy. Có một lần tôi ghé thăm ông ở tiệm hút và được thấy tài ông. Ông nằm chèo ngoầy, một tay cầm cây viết máy viết lia, viết lia, hết trương này qua trương khác hoá hoàn mới bôi bỏ hay sửa chữa một vài chữ. Người làm thuốc tiệm xong một điều, đập nhẹ ống hút lên vai ông, ông nhẹ nhàng buông cây bút, cầm ống hút kéo một hơi, phả khói rồi lại cầm sang cây viết và viết tiếp một cách ngon lành, trôi chảy, nhẹ nhàng hết sức. Ông ngồi viết, ông đứng viết, ông nằm viết, viết ở đâu cũng được, dài hay ngắn tùy theo khuôn khổ tờ báo hay tùy theo ý muốn của ông hay bà chủ nhiệm.

Hồi đó ông làm chủ bút tờ Phụ nữ Tân Văn và sau đó ít lâu ông còn lãnh làm thêm một tờ báo hàng ngày nữa mà thấy ông vẫn ung dung nhàn hạ, không hề bối chứt nào. Ông không thích người ta khen ông ở trước mặt ông và đọc văn ông ở bên tai ông. Nhưng không phải là ông khiêm tốn đâu. Có lẽ ông đã qua khỏi bệnh ấu trĩ của nhà văn thích khoa trương và tự phụ. Ông chỉ cần báo ông bán chạy và ông được trả lương xứng đáng với công phu và tài trí của ông. Ông có những ngón đòn độc hiểm khi bút chiến nhưng ông chỉ kiêng nề có một người. Người ấy là ông Phan Khôi, tuy ít khả năng hơn ông khi làm báo hàng ngày nhưng chắc chắn hơn ông khi dẫn chứng tài liệu và điển cố. Sau ông có ra tờ tuần báo « Mai » ở Saigon và, bị trục xuất về Bắc ông đã tô điểm cho tờ « Trung Bắc chủ nhật » thêm khởi sắc. Ngoài sự nghiệp làm báo, ông Đào còn để lại một sự - nghiệp văn chương đáng kể : «Ba mươi năm duy tân của Nhật - Bồn», «Phan-đình - Phùng», «Vương - dương - Minh», v..v..

Ông Đào không thích thù tạc giao-du, ít biểu lộ tâm tình, nhưng ông đã để lại cho tôi nhiều kỷ-niệm về một sự nâng-đỡ tận-tình và kín đáo của một bậc đàn anh.

Tôi quen ông Diệp-văn-Kỳ khi ông làm chủ bút tờ Công-Luận,

nhưng tôi đã nghe danh ông từ khi tôi còn ở ngoài Bắc. Ông là con cụ Diệp-văn-Cương, một nhân sĩ tên tuổi ở miền Nam. Ông qua Pháp du học trở về với bằng cử-nhân luật. Ông hợp-tác với ông Nguyễn-kim-Đỉnh làm cho tờ «Đông-Pháp Thời-Báo» đương trăm-trăm bông quật khởi thành một cơ - quan ranh-đấu chánh-trị và truyền bá văn-chương. Bao nhiêu cây viết cũ-khỏi đều được mời tới để phục-vụ cho nó và được đối-xử theo tình bạn, được thù-tạc như những thượng-khách. Báo lên như điều nhưng chẳng bao lâu bị đóng cửa. Rồi ông Diệp lại kiếm thế cho xuất bản tờ «Thần-Chung» với sự hợp-tác của bộ biên-tập cũ.

Tiếng chuông buổi sáng ngân-nga vang dội khắp ba kỳ nhưng rồi lại bị thực-dàn đóng cửa nữa.

Khi ông làm chủ-bút tờ Công-Luận là lúc ông đã thất-thời và thất-thế bộn-hàng.

Ông là người hào - phóng, tài-hoa, thích quốc - văn và sành quốc-văn, nói chuyện có duyên, nổi tiếng khôi-hài tế-nhị.

Lúc hưng-thời của «Đông-Pháp thời báo», ông Diệp mền thi-tài của thi-sĩ Tản-Đà, biên thư mời cụ vô cộng-tác. Nhà thơ vô mà không chịu cộng-tác vì cụ chưa còn thiếu nợ nên không làm được thơ.

Ông hỏi cụ thiếu nợ độ bao nhiêu thi cụ nói : «Độ một nghìn». Một nghìn lúc đó đầu phải là ít, vậy mà ông dám xĩa ra một nghìn

cho cụ mượn trước và đưa thêm tiền lộ phí để cụ về trả nợ rồi vô. Cụ vô chuyển sau lãnh viết « Phụ Trương Văn Chương » của tờ báo nhưng lâu lâu lại sanh chứng làm cho ông chủ bút phải điền đầu. Có lần báo đã lên khuôn, nhà báo cho người vô tới nhà cụ ở Xóm Gà để thúc bài thì cụ cứ thần nhiên ngồi uống rượu và mắng rằng : « Viết văn có phải bửa củi sao mà muốn lúc nào là phải có lúc này ? »

Như vậy mà họ Diệp vẫn chịu đựng được và vẫn một lòng qui mến nhà thơ.

Khi ông có tiền thì tiền ông là để xài chung cho các bạn. Nhưng tới khi ông sa-sút thì tiền của người ta ông cũng cứ coi như là tiền của ông. Đó là một quan niệm sai lầm và là một tật lớn của họ Diệp. Cái tật lớn đó đã làm hại đời ông. Ông bị coi là người không phân minh, bị mất tín nhiệm ở xã hội và cả ở gia đình. Thế rồi ông buông lung và sa ngã. Ông khuất thân vào làm số Hiến Bình Nhứt bôn và kết quả là ông đã đền tội trước đồng bào ngay từ buổi đầu cách mạng.

Đời sống và cái chết của ông là một bài học cho chúng ta. Người quân tử phải biết sống theo hoàn cảnh của mình. Khi giàu sang nên có cái hào phóng của Diệp quân. Nhưng khi nghèo túng cũng cần phải biết tự trọng và giữ gìn tiết tháo. Diệp quân đã quên những cái đó nhưng tôi không thể quên được những ưu điểm của một

bậc đàn anh hào hoa phong nhã đã từng chinh phục lòng tôi.



Trong bọn « tứ-đại » hồi đó, ông Bùi-thế-Mỹ là người nhỏ tuổi hơn hết. Ông chỉ hơn tôi có 5 tuổi. Ông gần với tôi nhiều hơn và thân với tôi hơn hết. Ông không có cái bề ngoài khác-khở như ông Phan - Khôi, lạnh nhạt như ông Đào-trình-Nhất và cũng không phóng-túng một cách bừa-bãi như ông Diệp-văn-Kỳ. Ông mực-thước hơn ông Diệp và dẽ-dãi hơn ông Phan, ông Đào. Tình cảm của ông không phải chỉ dành cho chân-lý, cho lẽ phải, cho thiên-tài và khả-năng. Tình-cảm của ông còn dành cho con người. Bởi thế nên gần ông tôi thấy thoải-mãn hơn, cửa lòng được rộng mở để có thể tâm-sự với bạn lòng.

Ông có căn-bản vững-chắc về Tây-Học và cũng thông-hiểu chữ nho nên những cái ông viết ra đều chín-chắn, được sự kính-nể của bạn đọc.

Chẳng những được kính-nể mà ông còn được cảm tình vì ông biết đặt tình cảm trong sự giao-du và ngọn bút của ông nhiều khi cũng chan hoà tình cảm.

Hồi đó ông làm chủ bút tờ Trung-Lập. Rồi hết tờ này qua tờ Khác, tờ nào qua tay ông cũng được sự ủng-hộ của độc-giả đồng-bào. Ông đã cố gắng tất cả cho sự nghiệp làm báo mà

không có gì để lại ngoài cuốn sách nhỏ « Vai tuồng của nhà gỗ đầu tre » mà người ta đã quên mất lâu rồi.

Nhưng phải sống ở thời đó mới biết cái uy-tín của ông Bùi-thế-Mỹ và phải gần ông mới biết yêu mến ông.

Tôi đã sống ở thời đó, tôi đã gần ông và thành thật yêu mến ông như một người anh cả. Nhưng ông đã chết sớm (1) khi ông chưa đầy 40, chết về bệnh lao và để thương, để nhớ cho Phương-Lan nữ-sĩ là vợ của ông lúc bấy giờ.

Tôi đã viết bài khóc ông và bài đó đã làm cho nhiều người thôn-thức. Nhưng người đó nay chắc cũng không còn sống đầy đủ. Nhưng dầu còn sống, mấy ai mà còn giữ mãi một mối tình, dầu là đối với người thân yêu như. Chính tôi cũng ở trong số những người ấy. Nhưng nhờ viết Tập « Hồi ký » này mà bao nhiêu hình bóng thân yêu đã sống lại với tôi trong đó có hình bóng của bạn tôi anh Lan-Đình Bùi-thế-Mỹ.

(còn nữa)

(1) Ông Bùi-thế-Mỹ chết ngày 27-3-1943

THIỆU SƠN

★ CHUYỆN GIẢI TRÍ

ành tinh thứ 10 trong giờ Địa dư)

THẦY: Tý, trong vũ trụ có mấy hành tinh?

TỶ: Thưa thầy, có các hành tinh sau : Kim tinh, Thổ tinh, Hỏa tinh, Thủy tinh, Mộc tinh, Hành tinh Pluton, Thiên vương tinh, Hải vương tinh, Địa cầu và hành tinh thứ 10 là...

THẦY: (nổi giận) Là gì?

TỶ: Hành tinh thứ 10 này do một nhà bác học Việt-Nam vừa tìm ra đó là « Tam-tinh hải-cầu bồ-thận hoàn » !!!

THẦY: ???!!!

★ HỎI TUYÊN

Trên con đường cái nọ, có một chàng công tử đang theo tán tỉnh một thiếu nữ đang xuân, người thiếu nữ thấy chàng lịch thiệp bèn hỏi :

— Anh mấy tuổi?

Anh chàng suy nghĩ, dào được ở óc ra một câu thơ của cụ Nguyễn công Trứ và chậm rãi trả lời để tỏ ra mình là một khách văn nhân :

« giai nhân dục vấn dư niên kỷ,

Ngũ thập niên tiền, nhị thập... TỬ-HIỆU !!! »

THIỆU NỮ : ???!!!

CẢNH HOA CUỐI...

Lại lần phương nở thắm bên song
Thắm cả trời mây, thắm cả lòng!
Nghĩa bạn ơn thầy tuy giữ vẹn,
Nhưng buồn tan tác cảnh lưu-vong!

Nhặt cánh hoa rơi nén dạt dào
Đầy màu phương cuối thắm thương đóa
Ngày mai: đời đục, trong, chưa biết!
Chỉ biết ra đi giữa nghẹn-ngào!

Còn đâu hình ảnh mái trường yêu,
Những khóm hoa tươi bướm rập-riu?
Lớp học còn đâu tình quyen-luyện?
Còn đâu thầy cũ đang dăm-chiều?

Tuy biết hợp tan thế vẫn thương,
Nhưng lòng xao-xuyến mối tơ vương!
Mỗi lần cách biệt, bao thương nhớ,
Một chén ly-bôi, mấy đoan-trường...!

THÙY LINH

N. S. G. L.

★ CỜ DẦU LẠNH TRÍ KHÔN ★

Ở Trung-quốc, cách nay hơn 50 năm, tức là hồi giòng Mãn-Thanh còn ngự trị tại đó, có nhiều tục-lệ kỳ-dị mà ngày nay không còn nữa. Trong số các tục lạ này, có tục « Náo-phòng » là thú-vị đáng kể.

« Náo phòng » là khuấy rối trong khuê-phòng, một trò chơi rất thanh nhã của các tao nhân, mặc khách thời bấy giờ. Đêm tàn-hôn các thân hữu của cô dâu, chủ rể hội-hợp lại để khuấy-phá chơi, bằng cách ép họ uống rượu, làm thơ, đối-dáp những câu hỏi khó v.v... Tân lang và tân giai-nhơn, nguyệt đối không được giận đối, cau có, phải thủ tiếp và làm vira lòng mọi người, bằng trái lại sẽ bị xem là người bất nhã, thiếu lễ độ.

Một nhà văn khét tiếng thời ấy, mới cưới vợ là một nữ-sĩ nổi danh. Trong đám các văn-hữu đến dự cuộc náo phòng hôm đó, có Khang-hữu-Vi, một văn-hào đời Thanh Mạt, thầy học của Lương-khai-Siêu, mà sĩ phu nước ta từng biết tiếng nghe danh qua bộ sách « Âm bằng toàn tập ». Trong khi mọi người đang tìm đủ cách để đùa-giỡn và chế diễu cô dâu mới thì trong một góc phòng, Khang đang loai-hoai viết mấy chữ vào một mảnh giấy con. Viết xong Khang bước đến trao cho cô dâu và yêu cầu cô thêm vào mỗi chữ

một nét, cho có ý nghĩa. Tân giai nhân cầm giấy lên xem, phát chốc đỏ mặt, tia mày vì thẹn. Ai nấy đều xô đổ đến xem; thì ra trong giấy, chỉ viết vồn-ven có 8 chữ: tư nguyệt nhị đại, dán ngự trụ liễu.

司月二大旦牛住了

Không ai hiểu đó là nghĩa gì. Sau 1 phút rụt-rè, e lệ, cô dâu trấn tĩnh lại, và cầm bút, thêm vào mỗi chữ, một nét theo lời yêu cầu. Cả bọn đều xem lại mới thấy 8 chữ trước, thành ra: Đồng dụng công phu, tảo sanh giai tử.

同用工夫早生佳子

Câu này có nghĩa là: « Cùng nhau dùng sức đẻ sớm sinh được con ngoan ».

Một câu nói « tả chân » như thế, bảo sao cô dâu không thẹn đến đỏ mặt được.

(chữ tư thêm một nét sổ bên tả thành ra chữ đồng, chữ nguyệt, thêm một nét sổ ngang chính giữa, thành chữ dụng, chữ nhị thêm một sổ giữa thành chữ công, chữ đại thêm một ngang trên thành chữ phu, chữ dán thêm một sổ dưới thành chữ tảo, chữ ngự thêm một ngang dưới thành chữ sanh, chữ trụ thêm một ngang trên thành chữ giai, chữ liễu thêm một nét ngang ở giữa, thành chữ tử.)

MINH-KHA

CHIẾC

ÁO

MƯA

★ NGUYỄN . VỸ

NANG và chàng đã hẹn nhau sáu giờ chiều nay dưới gầm cầu cũng như hai mươi bốn lần trước.

Họ yêu nhau đã hơn một năm nay. Họ yêu say mê với tình yêu đầu tiên, tình yêu duy nhất, tình yêu mà họ đã thề trong một đêm hè lóng lánh trăng sao, là sẽ bất diệt như trăng sao. Chàng bảo :

— Em nhìn sao Vệ-Nữ kia...

Dựa đầu vào vai chàng, má ắp má, nàng đáp :

— Sao Vệ-Nữ là Cung Sao của hai chúng mình.

— Chúng mình yêu nhau mãi như sao sáng mãi.

— Giá sử Sao có tắt chẳng nữa, Tình yêu của đôi ta vẫn rực rỡ mãi ngàn thu.

Từ mấy tháng nay, cứ chiều thứ Bảy, sáu giờ, đôi tình-nhân gặp nhau dưới gầm cầu.

Đây là một nơi rất sạch-sẽ vắng-vẻ nhất trong thành phố, và kín đáo nhất. Ngay nơi đầu cầu, một cây phượng cao có một nhánh khê nghiêng xuống mặt nước, như để tặng cho giòng bích thủy những cánh hoa hồng ngọc của mùa Hè.

Dưới cầu có một tảng đá lớn, giữa nhiều khóm đá thấp lổm chổm và một vũng sỏi vụn rải trên bờ sông, lẫn với cát vàng. Gió mát, những ngọn sóng lăn-tăn vỗ nhẹ vào bờ.

Đã hai mươi bốn lần rồi, đôi uyên-ương đúng hẹn. Cứ sáu giờ chiều chàng đến trước, ngồi trên tảng đá, thì sáu giờ năm phút, nàng đến. Đôi bạn ngó nhau cười, ôm nhau hôn, rồi rủ-rủ chuyện trò, tay mân-mê mấy hôn sỏi trắng. Trời đã tối, bảy giờ, tám giờ, chàng và nàng chưa bao giờ nói hết những câu tâm sự, những lời hứa hẹn, những hỏi hạp vui mừng.

Trên vòm trời có bao nhiêu ngôi sao, họ có bấy nhiêu lời ân-ái. Hai mươi bốn lần gặp

nhau, đã qua, như còn chưa gặp nhau, như còn mãi đợi chờ. Còn bao nhiêu nhớ nhung lại lắng như giòng bích thủy, biết bao giờ cho cạn được ngọn suối tương-tử !

Lần này, họ cũng đã hẹn nhau từ tuần trước. Tay cầm tay, chàng đã âu yếm dặn dò :

— Thứ Bảy tuần tới, đúng hẹn sáu giờ, em nhé.

Nàng còn gục vào vai người yêu :

— Lâu quá, anh nhỉ ! Bảy ngày, bảy đêm, nước sông vẫn chảy và sông không bao giờ xa cách biển một phút một giờ, mà anh với em mỗi tuần không gặp nhau bảy thế kỷ !

— Tình yêu bất diệt không có thời gian, em à. Yêu em mãi anh sẽ chờ em mãi. Mỗi phút, mỗi giờ, anh sẽ chờ em. Cho đến bao giờ anh được gặp em, anh vẫn còn chờ. Gặp em hôm nay, anh còn chờ em hôm sau. Gặp em kiếp này, anh còn chờ em kiếp nữa. Cho đến khi anh chết, anh vẫn chờ em !

Nàng đặt môi trên môi chàng. Nàng muốn cắn cả môi chàng. Sung-sướng quá, nàng lẩm bẫm :

— Bao giờ anh chết, anh khỏi chờ em nữa. Em sẽ chết theo anh để chúng mình gặp nhau vĩnh-viễn !

CHÀNG ngó đồng hồ đeo tay : đã sáu giờ bốn mươi lăm phút. Nàng vẫn chưa đến. Hai mươi bốn lần trước, người yêu không sai hẹn. Lần đầu tiên đêm nay nàng đến trễ.

Mưa lâm tã. Nước trên trời trút xuống từ đêm hôm qua, cả ngày hôm nay mãi đến bây giờ không ngớt. Nước sông dâng lên, ngập mấy hòn đá nhỏ.

Thành phố vắng tanh, không một bóng người. Tỉnh thoảng vài ba chiếc xe hơi chạy vo vo trên đường nhựa, không dám chạy mau. Nước cống tràn lên, nước mưa đổ xuống, ngập hết các nẻo đường.

Chàng ngồi trên hòn đá thấp nơi chàng vẫn ngồi với nàng, lấy áo mưa che đầu vì nước trên cầu chảy xuống. Chàng điềm nhiên lấy điều thuốc, bật lửa châm thuốc hút, ngồi chờ. Bảy giờ năm phút. Lúc sáu giờ kém mười, giữ đúng lời hẹn, chàng đã ở nhà ra đi mặc cơn mưa gió.

Đã có một lần hẹn trước cũng vào mùa mưa, nàng đã đi phòng, dặn chàng cẩn thận :

— Thứ Bảy tuần tới, dẫu trời có mưa to gió lớn anh cũng đến đây chờ em nhé.

Chàng đã mỉm cười :

— Em khỏi dặn anh.

Thứ Bảy tuần ấy, trời mưa thật to, mưa cả ngày cả đêm. Nhưng đúng sáu giờ chàng đến. Sáu giờ cũng đã có nàng. Hai người ngồi

dưới mưa, ôm nhau hôn say sưa, hôn nhau từng sợi tóc... Rồi lúc ra về, chàng với nàng ôm nhau đi dưới mưa, ngó nhau cười say sưa, mặc cơn gió lốc...

Đêm nay, chàng ngồi đợi mãi. Tám giờ, nàng chưa đến. Mưa còn nhiều, nước sông dâng lên mỗi lúc mỗi cao. Chàng đã leo lên tảng đá lớn. Mấy khóm đá nhỏ bị ngập lụt hết rồi. Nước lũ trên nguồn chảy xuống cuộn cuộn những xoáy tròn, ào ào ạt-ạt.

Chàng điềm nhiên ngó những khúc gỗ và không biết những vật gì trôi lênh bênh trên giòng sông mịt mù lai láng. Một cây chuối trúc gốc bị nước cuốn từ nơi nào, trôi dạt vào gằm cầu, đụng vào tảng đá của chàng. Nó lại bị nước xoáy đi, quay ngọn trôi theo giòng nước lũ. Mực nước cứ lên dần, lên mãi đến hai phần ba tảng đá. Sóng đập vào chun chàng, bắn bọt trắng xóa lên cả áo quần.

Chàng đợi người yêu. Thế nào nàng cũng đến. Chắc chắn nàng sẽ đến. Nàng đến trễ thôi. Không phải nàng sai hẹn. Chỉ lỗi tại cơn mưa dầm. Nhưng trời đã muốn tạnh, hạt mưa rây-rắc đã thưa dần.

Yêu nhau là đợi nhau. Chàng ngồi dưới mưa đợi nàng. Nàng ngồi nhà chắc đợi trời bớt mưa, để đến với người yêu. Chàng đã bảo với nàng: « Tình yêu bất diệt không có thời gian em ạ. Yêu em mãi, anh sẽ chờ em mãi. Mỗi phút mỗi giờ, anh sẽ chờ em. Cho đến bao giờ anh

sẽ gặp em, anh vẫn còn chờ. Gặp em hôm nay, anh còn chờ em hôm sau. Gặp em kiếp này, anh còn chờ em kiếp nữa. Cho đến khi anh chết, anh vẫn chờ em... »

Mực nước sông cứ lên, lên mãi. Sóng đã tạt vào lưng chàng. Chàng ngồi cheo leo trên tảng đá, giữa một biển nước ào-ạt lao xao. Nước đã ngập lên cành hoa phượng ngã, mấy cánh hoa đỏ đã bị cuốn vèo tan-tác, chìm lỉm dưới thủy triều. Thành phố im-lặng như đã chết. Không còn một tiếng xe chạy, không nghe một tiếng người. Nước sông cuộn-cuộn chảy, bao nhiêu vật lù lù như những bóng ma trôi theo thật nhanh. Chàng tưởng tượng một đoàn u-binh của Hà-Bá kéo về Âm-phủ.

Chàng đợi người yêu. Đồng hồ đã chín giờ... Rồi mười giờ... Nàng sẽ đến. Đã hai mươi bốn lần, Nàng không lần nào sai hẹn: Đêm nay Nàng chỉ đến trễ thôi. Nàng sẽ đến đầu cầu, nàng sẽ gọi « Anh ơi ! » Chàng sẽ đáp « Anh đây ». Chàng sẽ bơi vô bờ, cũng nàng lên tảng đá.

Chàng điềm nhiên, móc túi quần lấy gói thuốc, để châm thuốc hút. Nhưng gói thuốc đã ướt nhẹp, rã hết rồi. Mực nước đã ngập quá đầu gối lúc nào chàng không biết.

Chàng cúi xuống nhìn nước, Nước cứ lên cao, lên cao mãi. Như dâng lên chàng hình ảnh đắm say của nguồn ân bề ái. Hình

ảnh của Nàng, của Tình yêu bất diệt.

Mười một giờ. Mưa đã gần tạnh. Trên trời khuya đã lấp lánh vài ngôi sao. Nhưng nước lũ cứ ào-ạt trút về, mực nước còn lên cao, cao mãi... Nước đã dâng lên đến ngực chàng. Chàng nghe như nước chảy vào tim chàng... Nước bọc lấy tim chàng... Chàng cảm thấy tim chàng như một chiếc thuyền mơ, một cánh buồm to, của chàng và của nàng, đang bơi nhẹ nhàng trên làn sóng mộng... Nhưng nàng chưa đến. Nàng sẽ đến. Chàng đợi, người yêu, để cùng nhau phiêu diêu trên biển tình không bến...

Chàng đã bảo nàng: « Yêu em mãi, anh sẽ chờ em mãi... Mỗi phút mỗi giờ anh sẽ chờ em... cho đến khi anh chết, anh vẫn chờ em... »

Mười hai giờ... Trời vừa tạnh hẳn. Không còn một hạt mưa. Trên vòm trời đã lấp lánh nhiều ngôi sao... Kia ngôi sao Vệ Nữ, ngôi sao của Nàng và của Chàng... Ngôi sao Vệ Nữ đã hiện ra rồi, chắc nàng sắp đến...

Bỗng một làn sóng mạnh ập vào ngọn đá chỉ còn một chỗ ngồi mỏng-mảnh. Làn sóng phủ lên đầu chàng, như một tấm khăn tang, kéo chàng trôi theo giòng nước lạnh !..

Nước ngập lụt ngọn đá cuối cùng, xoáy tròn mãi chỗ ấy như muốn vẽ một chiếc thuyền say

sống. Một chiếc thuyền mơ trên bề tình không bến, một cánh buồm to chờ người yêu đến...



Người yêu đã đến. Nàng đến đúng mười hai giờ năm phút, Nàng vừa chạy băng qua mấy nẻo đường hoang, dưới ánh đèn vàng, bóng nàng thấp thỏ, làn tóc mơ phát phơ bay theo chiều gió.

Nàng đến đầu cầu, cất tiếng gọi :

— Anh ơi !

Sóng đập vào bờ như vạng dội tiếng nàng kêu. Nàng cúi xuống nhìn dưới gằm cầu. Một vũng nước xoáy tròn trên ngọn đá của chàng, của nàng. Bóng nàng ngơ ngác thấy nơi nhánh phượng ngã nằm trên mặt nước vương một vật gì. Nàng đến gần xem : Chiếc áo mưa của chàng !

Hoảng hốt, nàng vội lấy nhánh phượng, nghiêng mình ra giòng nước lũ để vớt chiếc áo của chàng. Nhưng nàng run lên. Một làn gió mạnh, nàng ớn-ớn lạnh. Nàng trượt bước, bị làn nước lôi đi.

Làn nước cuốn trôi người yêu của Chàng, chiếc áo mưa phủ phàng đập trên thân hình duyên dáng, lênh-dênh trên bề tình ai-lãng.....

NGUYỄN-VỸ

LỊCH-TRÌNH TIẾN-TRIỂN BÁO GIỚI

Việt-Nam

từ 1861 đến 1953

NGUYỄN-ANG-CA

☆ AI LÀM BÁO TRƯỚC NHẤT Ở NƯỚC TA ?

LÀNG báo Việt-Nam đã sống gần 80 tuổi.

Báo-chí Việt-Nam khai sinh dưới thời Pháp-thuộc nên trước kia nó như là một tờ công-văn hay nói đúng hơn là tờ nhật-trình.

Người làm báo trước nhất ở nước ta là một người Pháp và tờ báo khai sinh trước nhất ở Việt-Nam là một tờ báo bằng Pháp-ngữ.

Người làm báo đầu tiên ấy chính là Thủy-sư Đô-đốc **Bo-nard**. Từ bên Pháp, ông đem

theo máy in, thợ sắp chữ, chạy máy, chữ in và cho xuất bản tờ báo lấy tên là : « BULLETIN DE L'EX-PÉDITION DE LA COCHINCHINE ». Đầu năm 1861, ông Bonard cho xuất bản tờ báo thứ hai lấy tên là « BULLETIN DES COMMUNES » viết bằng chữ Hán để biểu lộ dân tình đang hưởng ứng theo phong trào Cần-Vương chống Pháp.

✱ LẦN THỨ NHẤT NGƯỜI VIỆT-NAM VIẾT BÁO PHÁP

Năm 1864, Phó Đô-đốc **RO-ZE** xuất bản tờ báo thứ ba lấy

tên « BULLETIN DU COMITÉ AGRICOLE ET INDUSTRIEL DE LA COCHINCHINE ». Tờ báo này sống từ năm 1865 đến 1881, tổng cộng 16 năm trời mà chỉ có 21 số báo ! và chính thì tờ ký-giả Việt-Nam là ông **TRƯƠNG-VĨNH-KÝ** hồi ấy ông là một trong những biên tập viên của tờ « Bulletin du Comité Agricole et Industriel de la Cochinchine » và cũng là người Việt-Nam đầu tiên viết báo Pháp.

★ **ÔNG TRƯƠNG-VĨNH-KÝ** với tờ « GIA-ĐÌNH BÁO »

Năm 1867, ông Thống Đốc Nam-Kỳ **KERGUDA** có mời ông Trương - Vĩnh - Ký ra làm quan, Ông từ chối và xin làm báo.

Lúc ấy đã có tờ « GIA-ĐÌNH BÁO » (nghị-Định cho phép xuất bản ngày 1-4-1865) do ông Ernest Poiteau, thông ngôn Chánh phủ Nam-Kỳ xuất bản.

Mãi đến ngày 16 - 9 - 1869, mới có nghị-định của Thủy-sư Đô-Đốc Ohier giao hẳn tờ « Gia-định báo » cho ông Trương-Vĩnh-Ký. Như vậy, lần thứ nhất trong nước Việt, một người Việt chủ trương một tờ báo Việt - Ngữ.

★ TỜ « PHAN-YÊN BÁO » của ông **DIỆP-VĂN-CƯƠNG**.

Trong khoảng 20 năm, từ 1870 đến năm 1890 nhiều nhà

văn đã trước tác được nhiều tác-phẩm hữu-ích, lấy « Gia-định báo » làm cơ-quan truyền bá.

Kể đó, tờ báo thứ hai do ông Diệp văn Cương ra đời lấy tên là **PHAN - YÊN BÁO**. Ông Cương đặt tên tờ báo như vậy vì đó là cội danh của thành Gia Định là Phan-Yên Trấn. Nội-dung của *Phan Yên Báo* cũng giống như tờ *Gia-Định Báo*.

Đến năm 1901, một tờ báo quốc văn nữa ra đời tên « **MỘNG CỒ MẸN ĐÀM** » nhưng lại do một người Pháp chủ trương, ông Lannavagio, với sự hiệp tác của những ký giả tiền phong như : Dũ - Thúc, đương Khắc-Ninh, GILBERT CHIẾU, Nguyễn Đồng - Trụ, LÊ VĂN TRUNG, Tân-Châu NGUYỄN CHÁNH SẮT. Mấy ông này thay phiên nhau lần lượt lên làm chủ bút.

★ **CÔNG VÂN NGƯỜI PHÁP** LÀM BÁO TRƯỚC NHẤT Ở BẮC VIỆT.

Năm 1883, tờ báo số 1 lọt lòng ở **THĂNG LONG** (Hà-Nội) viết bằng chữ Pháp tên là « BULLETIN du COMITÉ d'ETUDES AGRICOLES, INDUSTRIELLES et COMMERCIALES DE L'ANNAM ET DU TONKIN ». Sang năm sau (13-12-1884) Ông Jules COU-

Số báo Xuân đầu tiên Bán 0\$,25 1

SIN xuất bản tờ « AVENIR DU TONKIN ». Cũng như Nam Việt, hai tờ báo này có hình thức tờ công báo.

Đến năm 1893, ông SCHNEIDER xuất bản tờ quan báo viết bằng chữ Hán đề là « ĐÀI NAM ĐÔNG VĂN NHỰT BÁO » sau đổi là « ĐĂNG CỒ TÙNG BÁO ». Tờ báo này có phần Việt - ngữ do ông NGUYỄN-VĂN-VĨNH biên tập, còn phần chữ Hán do ông ĐÀO-NGUYỄN-PHỒ trông nom. Báo này ra tới năm 1909 thì đình bản.

* ÔNG ĐÀO NGUYỄN-PHỒ với nghề làm báo

Năm 1905, ông Đào-nguyên-Phồ (thân sinh ông ĐÀO-TRINH-NHẤT) lãnh bút quyền tờ « ĐÀI VIỆT TÂN BÁO » của ông E.BABUT xuất bản.

Nhưng khi tờ « Đăng Cồ tùng báo » chết, tờ « Đại-Việt tân báo » cũng chết luôn.

Năm 1908, Chính phủ xuất bản tờ « NAM VIỆT CÔNG BÁO » cũng một phần quốc ngữ, một phần chữ Hán nhưng kém « Đăng Cồ tùng báo » xa.

* ÔNG NGUYỄN-VĂN-VĨNH chủ trương tờ báo toàn Việt Ngữ

Trước đó, ở « Nam kỳ » ông GEORGES GARROS xuất bản

tờ « NHẬT BÁO TỈNH » với mục đích là : « Dạy dỗ loài người An-Nam », (Theo lời tuyên bố trên nhàn báo). Công sự tờ báo này có các ông GILBERT CHIỂU, Thái-Chiến-Đình và Nguyễn-phong-Quang.

Năm 1906 trước khi « Đăng Cồ tùng báo » đóng cửa, Ông Schneider trở vào Nam, mở ra hai tờ « LỤC TỈNH TÂN-VĂN » và « NAM-TRUNG NHẬT BÁO »... được quý ông Thọ-An, Giác-Ngã, PHẠM-DUY-TỐN, Thiên-Đắc, NGUYỄN-BÁ-TRẮC giúp sức.

Năm 1913, Ông Schneider được Chánh-phủ Pháp mời ra Hà-nội lập một tờ báo để phủ-dụ dân chúng vì nước ta đang trải qua một thời kỳ nghiêm trọng về Chánh-trị như việc ném bom ở « Hanoi Hôtel ». Ông Schneider xuất bản tờ « ĐÔNG-DƯƠNG TẠP-CHÍ », giao cho ông Nguyễn-văn-Vĩnh làm chủ bút, số đầu xuất-bản ngày 15-5-1915, có sự cộng tác của các ông PHAN - KẾ - BÌNH, NGUYỄN-ĐỖ-MỤC, PHẠM-DUY-TỐN, TRẦN-TRỌNG-KIM và PHẠM-QUỲNH.

Đến tháng 6 năm 1910 « Đông-Dương tạp-chí » đổi thành « HỌC-BÁO », chuyên về sự

* ÔNG PHẠM-QUỲNH với tờ NAM-PHONG.

Lúc ông Nguyễn-văn-Vĩnh rời « Đông-Dương tạp-chí », ra chủ-trương tờ « TRUNG-BÁC TÂN-VĂN », được hai ông HOÀNG - TĂNG - BÍ và DUƠNG-BÁ-TRẮC thay phiên nhau viết bài xã-thuyết và ông Nguyễn-đỗ-Mục lựa chọn những truyện vô-hiệp kỳ tình Trung-Hoa dịch cho độc giả xem.

Nhưng về giá-trị ta phải công-nhận tờ NAM-PHONG của ông PHẠM-QUỲNH xuất sắc hơn cả. Nam-Phong ra số đầu năm 1907, mục đích của ông Phạm-Quỳnh là cổ-vô phong trào « người Việt nói tiếng Việt, viết tiếng Việt, đọc sách, báo Việt ».

* Nhà văn HỒ-BIỂU-CHÁNH

xuất hiện. Lúc ấy trong Nam, hội « Khuyển học tỉnh Long-Xuyên » ra đời năm 1908 cũng đồng một chủ nghĩa với ông Phạm Quỳnh nên cho ra đời một tờ báo lấy tên là « ĐÀI VIỆT TẠP-CHÍ » do ông Hồ-văn-Trung tức là HỒ-BIỂU-CHÁNH đứng đầu bộ biên tập.

* LUÔNG GIÓ MƠI TRONG LÀNG BÁO VIỆT.

Năm 1925 !

Sau trận đại chiến hoàn cầu thứ nhất và nhờ có phong trào hai cụ PHAN-BỘI-CHÂU, PHAN-CHÂU-TRINH và việc đến rước ông BUI-QUANG-

CHIỂU nên làng báo từ Bắc chí Nam đã có mỗi số nổi.

Kế tiếp cuộc biến động ở Việt Nam do nhóm Quốc-Dân-Đảng gây ra đã có dịp xúc-tiến làng văn làng báo nước nhà. Làng báo Việt Nam đã bước qua thời kỳ thứ nhất !

Độc giả đã tăng thêm rất nhiều. Đề kịp trào lưu tiến-hóa ở Huế, năm 1928, cụ HUỖNH-THỨC-KHÁNG xuất-bản tờ TIẾNG-DÂN... và mãi đến năm 1945, lúc cụ Huỳnh ra Bắc, tờ Tiếng-Dân mới đình bản.

Sau tờ Tiếng-Dân là các tờ THẦN-KINH TẠP CHÍ, TRƯỜNG-AN, TƯƠNG-LAI, SÔNG-HƯƠNG, ẢNH-SÁNG, VĂN-HỌC TUẦN-SAN....

Ở Bắc-Việt, nhà kỹ-nghệ BẠCH-THÁI-BUỒI cũng bước chân vào làng báo với tờ KHAI-HÓA NHẬT-BÁO và nào là TRUNG-HÒA NHẬT-BÁO của hội Truyền Giáo, ĐÔNG-PHÁP BÁO phụ trương của tờ FRANCE-INDO-CHINE, AN-NAM TẠP-CHÍ do thi-sĩ Tân-Đà NGUYỄN-KHẮC-CHIỂU làm chủ nhiệm kiêm chủ bút.

Ở Nam-Việt, CÔNG-LUẬN BÁO, ĐÔNG-PHÁP THỜI-BÁO, TRUNG-LẬP BÁO, NHỰT-TÂN BÁO, PHỤ-NỮ

TÂN - VĂN, SỰ - PHẠM
HỌC-KHOA v.v... lần lượt ra
đời. Đó là chưa kể các báo in ở
ngại quốc đem xê như Việt-
Nam và Việt-Nam Hồn.

* TỜ BÁO XUÂN ĐẦU TIÊN Ở NAM-VIỆT.

PHỤ NỮ TÂN VĂN mở
một kỷ nguyên mới mẽ cho làng
báo Việt Nam, xuất-bản số báo
xuân ngày 30-1-30. Tập báo
xuân ấy, in hai màu, giá bán
0\$25.

Bìa báo xuân *Phụ-Nữ Tân-
Văn* không hề hình thiếu-nữ như
bây giờ mà lại có một bài thơ, có
nhiều người cho rằng của ông
Phan-Khôi.

Đây là bài thơ bìa báo xuân
đầu tiên trên nước Việt :

XUÂN...

Vui Xuân vui khắp xa gần,
Lòng Xuân phơi phới, chén
Xuân tăng tăng.

Đốt hương nguyện với
Xuân hoàng :

Sao cho nước cũ ngày càng
thêm Xuân ?

Xuân tới Xuân đi, Xuân chẳng
ở ;

Có yêu Xuân xin chớ phụ ngày
Xuân.

Chợ đình hoàn đương giữa lúc
chen chân,

Chức Xuân mới quốc dân mau
tấn bộ.

Bấm đốt tay, Xuân đã ngoại
bốn ngàn,
Non nước ấy, biết bao tuần bị
thái.

.....
Khuyến nhau trọn đạo làm dân.

Vì trong năm ấy, ở Việt-Nam
có nhiều cuộc khởi-nghĩa của
chiến-sĩ Việt-Nam Quốc-Dân-
Đảng nên báo chí bị kiểm duyệt
gắt-gao. Bìa Xuân Phụ Nữ Tân-
Văn cũng bị ngắt hết 4 câu.

* VỤ ÁN CENDRIEUX và NGŨ-VĂN-BẰNG

Theo đạo luật ngày 29-7-1883,
chúng ta được tự-do ấn-loát, xuất
bản nhưng...

Vào khoảng năm 1936 - 1937,
vì bị xuyên-tạc, chánh-phủ Blum
(chiến tuyến bình dân) đã truyền
lệnh cho phủ Toàn quyền Đông
Dương thẳng tay đàn áp. Vì báo
chí cầm đầu phong trào Đông-
Dương Đại-hội, nên từ tháng 6
đến tháng 9 năm 1936, 6 tờ báo
bị đóng cửa.

Lúc ấy cũng là lúc ở Sài-gòn
các ông DIỆP-VĂN-KỶ, BÙ-
THẾ - MỸ, NGUYỄN-VĂN-
TẠO, TẠ-THU-THẦU, còn ở
Hà-nội thì TRỊNH-VĂN-PHŨ,
NGUYỄN-VĂN-TIẾN bị bắt.
Tờ LE CYGNE Pháp-văn của

NGUYỄN-VỸ bị đưa ra tòa.
Nguyễn-Vỹ bị 6 tháng tù và 3000
quan tiền phạt.

Ở Sài-gòn, nhật báo DÂN-
QUYỀN của ông CENDRIEUX
và một tờ tuần báo của ông NGŨ-
VĂN-BẰNG mở đầu công việc
tranh thủ nền tự do báo chí.

Hai ông này chỉ gửi đơn cho
biện-lý của tòa sơ thẩm Sài-gòn,
khai tên tờ báo sắp xuất bản,
danh tánh người quản-nhiệm, địa-
chỉ ấn quán theo đúng luật 29-7-
1881. Khi báo phát hành bị tịch
thâu và hai ông bị truy tố ra tòa
tiểu hình và quản-nhiệm bị kết án
nhưng khi chống án, tòa Phúc Án
bác án tòa dưới. Thế là pháp luật
đã nhìn nhận nền tự do báo chí
được áp dụng.

Đến năm 1939, chiến tranh
Pháp Đức bộc-phát mà trong
nước cũng rối-rắm vô cùng, nên
báo chí Đông Dương bị đặt dưới
một chế-độ riêng.

* SAU NGÀY 23.9.1945

Cuối năm 1945, PHỤC-
HUNG và TƯƠNG-LAI một
mình một chợ, nhưng bước qua
năm 1946, các báo sau đây đã kế
tiếp ra đời ở miền Nam nước
Việt.

BÌNH-DÂN (Mỹ-tho), CỨU-
DÂN, DÂN-QUYỀN, ĐỜI-
MỚI, KIẾN - THIẾT, LÊN-
ĐÀNG, NAM-KỶ, NỮ-GIỚI,
QUẦN - CHUNG, SÀI-GÒN-
MỚI, SỰ - THẬT, TÂN -
DÂN, (Long - xuyên), TÂN-
THỜI, TÂN-VIỆT, TIẾNG-
GỌI, TIN-ĐIỀN, TIN-MỚI,
THỜI-BÁO, TRANH-ĐẤU,
TRUNG-LẬP, VĂN - HOÁ
(Ngọ báo) VIỆT - BÚT ở
Đàlat, lần đầu tiên cũng có
một tờ tuần báo ra đời, là DÂN-
CHỦ của NGUYỄN - VỸ,
chuyên về chính trị. Báo này
đến năm 1949 bị rút giấy phép
vì hăng quá.

Bắc-Việt cũng rần-rộ với :

TIỀN - LÊN, ĐỘC - LẬP,
THẮNG-TẮM, ÁNH-SÁNG,
ĐOÀN - KẾT, CỜ GIẢI -
PHÓNG, DÂN - THANH,
TIẾNG SÚNG KHÁNG-
ĐỊCH, TÂN XÃ-HỘI, SINH-
NGŨ, GIÓ - MÙA, ĐÔNG-
MINH, CỨU-QUỐC, VIỆT-
NAM CHÁNH NGHĨA.

Năm 1947, Nam - Việt đã
chiếm kỹ-lục từ trước đến nay
với các tờ báo ra đời và đóng
cửa (lẽ tất nhiên) :

ÁNH-SÁNG, BAN NGÀY, BAN

TRÈ, BÌNH MINH, CAO ĐÀI
GIÁO-LÝ, CÔNG-DÂN CỘNG-
ĐỒNG, CÔNG-LÝ, CỬU-LONG,
CHÁNH - KHÍ, DÂN-QUỐC,
DÂN-THANH, DÂN-SANH, DÂN-
Y, DƯ-LUẬN, ĐIỆN-BÁO, GIÓ-
MỚI, KIẾN - QUỐC, LÊ-SÔNG,
NAM-KỶ KINH - TẾ, NAY - MAI,
NÔNG.CÔNG-THƯƠNG, NƯỚC-
NHÀ, NGÀY MỚI, NGÀY - NAY,
NGƯỜI - MỚI, PHÁP - VIỆT,
PHƯƠNG - NAM, QUỐC - HỒN,
SANH-HOẠT, TAM - DÂN, TÂN-
SANH, TÂN - TIỀN, TIỀN - BỘ,
TIẾNG-DÂN, TIN-MAI, TIN-SƠM
TÒ-QUỐC, THÔNG-TIN, TRUYỀN
THANH, VIỆT - NAM, VIỆT -
THANH.

Tổng cộng là 43 tờ cả thảy.
Ít hơn trong Nam, hai miền
Trung-Bắc chỉ có: THỜI - SỰ,
NGÀY - MỚI, TIA - SÁNG,
HUNG-QUỐC, DÂN-BÁO,
HUNG-VIỆT.

* Ý CỐ CHA GIÀU :

Một hôm người tài-xế của nhà triệu-phủ Rockefeller nhận món
« nhâm-xà » của ông ta rồi nói :

— Hôm qua, cô nhà (con gái của triệu-phủ) cho tôi nhiều hơn
ông.

Thần nhiên, Rockefeller đáp :

— Ấy! Tại nó ỉ, mình có người cha giàu chứ tôi đâu có!

* TỪ NĂM 1948 ĐẾN 1958.

Năm 1948, sau những ngày
hồng-bột, lòng người đã dịu lại!
Đừng nói chỉ hai miền Bắc-Trung,
trong Nam là một nơi nổi tiếng
« ham ăn nói » lắm mà cũng chỉ
dè-dặt có 11 tờ báo xuất bản thôi.

Ký-giả Việt-Nam cũng bắt đầu
dè-dặt, thận trọng ngòi bút hơn
bởi sau ngày lịch-sử, bị Chánh-
phủ thuê 7 tờ báo (lúc ông Trần-
văn-Ấn còn làm Bộ-trưởng bộ.
Thông-Tin); họ viết ngập-ngừng,
và có người quăng luôn nghề cầm
viết để tìm sanh kế khác. Trong
thời kỳ này, 3 tờ báo hằng ngày có
uy tín nhứt lại bị rút giấy phép :

— DÂN TA, của NGUYỄN
VỸ.

— THẦN CHUNG của
NGUYỄN-KỶ-NAM.

— TIẾNG-DỘI của TRẦN
TẤN QUỐC.

* NGUYỄN - VỸ


Phát-họa một thời đại :

Thi - Sĩ Văn - Sĩ

VIỆT-NAM Ở HÀ-NỘI
hồi tiền-chiến 1930-1940

Lượt bài này viết để đáp lại ý muốn của đa số bạn đọc yêu cầu tôi nói về đời sống tinh thần và vật chất của các Thi-Văn-Sĩ ở Hà-nội hồi tiền-chiến. Đây tôi chỉ kể những điều tôi biết.

B. — TÂN - ĐÀ NGUYỄN - KHẮC - HIỂU

ÔI xin chép chỉ, tôi liền giả-vờ vào mua vào đây một một quyền « giấc mộng con », giai-thoại về cốt-ý là để thấy mặt nhà Thi-sĩ buổi gặp - gỡ mà mình kính-phục. Tôi bước vào không thấy ai. Nhưng sẵn tính tò-mò, tôi ngó trên một chiếc bàn giữa Thi-sĩ và tôi. Từ trước, nghe danh ông Tân-Đà và đọc các Thi-văn của ông, tôi muốn được Nhân-hạnh gặp ông một lần. Nhưng vì hồi đó tôi còn trẻ-con và mới tập-tễnh làm thơ, quả thật có đôi chút tự-ty mặc-cảm, nên không dám tìm cơ-hội đến thăm ông Thi-sĩ mà tôi rất yêu cái hình vẽ gánh văn lên bán chợ Trời, trên các bìa sách của Tân-Đà thư-cục.

Nghĩ vậy, nhưng lòng vẫn cứ vun đống gặp Thi-sĩ một lần « để xem nhất mũi ông ra sao », nên một hôm, sẵn dịp đi qua phố hàng Đa, thấy trên tường một căn nhà có treo tấm biển « An-nam tạp.

chí », tôi liền giả-vờ vào mua một quyền « giấc mộng con », cốt-ý là để thấy mặt nhà Thi-sĩ mà mình kính-phục. Tôi bước vào không thấy ai. Nhưng sẵn tính tò-mò, tôi ngó trên một chiếc bàn kê sát vách, thấy một điều thuốc lảo bẳng tre, thứ ống điếu của bình dân hay dùng, một cái đèn liu riu, vài que đóm bỏ bừa-bãi, với một mảnh giấy trắng. Tôi lên đòm trên giấy thấy hai câu thơ viết chữ loằng-ngoằng, tôi đọc thật lạ, và nhớ mãi đến bây giờ :

*Đi ra rồi lại đi vào,
Vẫn ở chỉ tồn thuốc lảo mà
thôi !*

Tôi nhin cười không được, liền cười to lên. Bỗng từ trong nhà, bước ra một ông nhà nho, mái tóc lấm râm cúp rẽ một bên,

áo lương cũ, quần trắng hơi bẩn, mang đôi giày ta cũ mềm. Nhưng đôi mắt ông sáng quắc, nhìn tôi. Tôi mỉm cười, lễ phép chấp hai tay cúi đầu chào .

— Lạy cụ ạ,

Ông gật đầu :

— Tôi không dám. Cậu hỏi gì?

— Thưa cụ, cháu muốn mua quyền... « Giấc mộng Lớn ».

— « Giấc mộng Lớn », hay « Giấc mộng Con » ? Cậu nhầm đấy, chỉ có quyền « Giấc mộng Con » chứ không có Giấc mộng Lớn.

— Dạ thưa cụ, giấc mộng gì cũng được ạ.

— Giấc mộng gì cũng hết cả !

Tôi bỏ-ngờ... hỏi :

— Thưa Cụ, xin lỗi Cụ, Cụ có phải là Thi-sĩ Tân-Đà không ạ ?

— Phải.

Tôi mừng quá, nhưng bối-rối không biết hỏi gì nữa, cúi đầu chào từ-biệt :

— Lạy cụ ạ.

Tôi đi ra. Ông Nguyễn-khắc-Hiểu đứng yên, nhìn tôi. Chắc ông cũng không hiểu là tôi muốn gì.

5 năm qua. Sau khi tuần-báo « Phụ-nữ » của bà Nguyễn-Thị-

Thảo đăng bài thơ « Gợi Trương Thu » của tôi, một buổi chiều, tôi đến chơi ở tòa báo, đang ngồi trò chuyện với cô Thư-ký quen thân, bỗng ông Tân-Đà từ ngoài bước vào. Một chiếc khăn đóng đã mòn viền, đáng lẽ đội trên đầu, ông lại đeo tròn - ten trong cánh tay. Ông vẫn mặc chiếc áo lương thâm cũ mềm mà tôi đã thấy 5 năm trước. Ông hỏi cô thư-ký :

— Có ông Nguyễn-Vỹ ở tòa báo không, cô ?

Cô bạn liền cười, chỉ tôi :

— Thưa Cụ, ông Nguyễn-Vỹ đây ạ.

Ông ngạc-nhiên ngó tôi :

— Thế hả ?.. Cái ông này, tôi nhớ... quen quen... Tôi có gặp ông ở đâu nhỉ ?

— Dạ thưa cụ, cháu chưa được hân hạnh gặp cụ ạ.

— Ông muốn đi chơi với tôi không ? Ông có rỗi không ?

— Dạ thưa Cụ, cháu rỗi ạ.

— Thế thì đi.

Ông đưa tôi lên tàu điện, dắt tôi đến một gian nhà ở Thái Hà Ấp.

Ông lấy một chai rượu trắng ra và hai cái ly. Tôi không biết uống rượu, bất cứ là rượu gì, và tôi rất ghét rượu, dù là rượu

bia. Nhưng vì xã giao, tôi không tiện nói ra, và sợ phật ý nhà Thi sĩ đã có tiếng là Lưu Linh của đất Việt. Tôi cứ đề mặc ông rót rượu ra chén, nghĩ thầm rằng cũng đêm năm ngoái được hân hạnh ngồi hầu chuyện với cụ Phan-Bội Châu trên sông Hương, cụ thì uống liên miên mà tôi cứ phải giả vờ nâng ly lên môi nhấp một chút xíu cho có lễ phép, suốt đêm chưa cạn một ly.

Ông Tân-Đà bảo con chạy đi mua hai gói lạc ran (đậu phộng) để uống rượu

Ông bắt đầu rầy tôi :

— Tôi thích bài thơ *Gởi Trương-Tửu* của ông, nên mời ông uống rượu. Trương-Tửu là ai thế nhỉ ?

— Thưa Cụ, bạn của cháu ạ. Anh ấy chuyên viết "phê-bình văn-học".

— Ông ấy biết uống rượu không ?

— Dạ, tên anh ấy là Trương-Tửu, thì cụ khỏi hỏi ! Và lại dòng-dối Trương-Phi đấy ạ.

— Hôm nào ông rủ ông ấy đến uống rượu với tôi.

— Dạ.

— Nhưng tôi giận ông lắm vì một câu trong bài thơ của ông.

Tôi định gặp ông thì tôi bảo.

— Thưa Cụ, câu gì ạ ?

— Sao ông bảo : « Nhà văn An-nam khờ như chó ? » Ông so-sánh nhà văn của chúng ta với kiếp chó, mà ông không thẹn ư ?

— Thưa Cụ, nếu cháu so-sánh Nhà-văn với chó, thì chó nó thẹn chứ sao lại Nhà-văn thẹn ?

Ông Tân-Đà làm thình, nốc hết ly rượu, rồi rót luôn một ly nữa.

Mặt ông vẫn chưa đỏ. Bỗng dưng ông phì cười, tiếng cười nổ lên đột ngột và kêu to, làm tôi dật mình. Xong, ông nói, không ngờ tôi :

— Ông làm tôi bực cười ! (Ông Tân-Đà hay nói : *bực cười*).

Rồi, ông rưng rưng nước mắt... Tôi thấy vậy, cũng tự-nhiên muốn khóc như ông... Mặt ông Tân-Đà đỏ như quả gấc.

Tôi chỉ gặp ông Tân-Đà có một lần đó thôi. Tôi không còn nhớ là năm nào tháng nào. Và lần cuối là lần tôi đi theo sau quan-tài của ông, với các bạn khác... Tôi cũng không nhớ là năm nào tháng nào!...

NGUYỄN-VỸ

MỘT TUẦN LỄ VỚI THI-SĨ

— TÀN-ĐÀ —

★ của ĐÔNG-XUYỀN

THI-SĨ Tân-Đà biết tôi bắt đầu do mấy bài thơ Đường-luật « *Buổi chiều sang đỏ* » và « *Thăm chùa Bê* » của tôi gửi đăng *An-nam Tạp-chí*, và ông có bình-luận trong mục *Thi-đàn giằng-tập*, từ năm 1930. Từ dạo ấy về sau, ông cùng tôi chỉ biết tên nhau, nhưng không gặp mặt. Mãi đến khoảng 1934, 1935, tôi mới được gặp ông. Trong mối giao-fình giữa ông và tôi, có một vài mẩu chuyện lý-thú. Vì tự nghĩ đó là tình riêng, nên bây nay, tôi không hề viết ra đăng báo, mà chỉ kể chuyện cho một vài bạn thân nghe. Thăm thoạt hơn 20 năm trời, ông TÀN-ĐÀ đã quá-cổ, tôi hiện di-cư. Ở nơi lữ-thứ, thăm ôn chuyện cũ, lắm lúc nhớ ông vô-hạn...

Nay thấp ngọn nén hồng, đốt nén hương ngát, viết lại mấy dật sự về ông, hương hồn Thi-sĩ linh-thiên, kính xin chứng-giám.

★
THI-SĨ TÀN-ĐÀ VỚI CỤ
LẠC VÀ QUẢ MẠN

Năm 193..., một chiều hè, ông Tân-Đà đến chơi với tôi ở ngõ Đức-Khánh Hà-Nội. Ông mặc áo sa thâm, đội mũ tây trắng. Dạo ấy, mặc dầu làm báo thất-bại, hoàn-cảnh quân-bách, gặp tôi, ông vẫn tươi-cười vui-vẻ như thường. Cố nhiên, được tiếp một thi-sĩ mà tôi hằng hâm-mộ, tôi rất lấy làm hân-hạnh và mời ông lưu-lại uống rượu và chơi bởi mấy hôm.

Ngay bữa chiều đó, lúc ngồi vào mâm, cất chén, ông hỏi :

— Rượu ông mua ở đâu ? Ngon nhỉ !

— Thưa, rượu lậu mới tôi, vì có Cụ đến.

— Rượu này, giá có mấy củ lạc (đậu phộng) nhỉ, thì thú nhỉ !

Rồi ông móc túi, lấy một hào (một cắc) đưa tôi, bảo cho người nhà đi mua lạc.

Tôi ngán lại, nói :

— « Đề tôi mua, hà-tất Cụ phải đưa tiền » ?

Thế là ông sầm nét mặt, nói : « Gớm, Ông khinh tôi quá lắm ! Ông tưởng tôi không có tiền sao ? Thôi, nếu ông không đề tôi chi

tiền, tôi không uống rượu với ông nữa!»

Thật-tinh, buổi đầu hội-âm, ông đối với tôi như vậy, tôi quá có ý không bằng lòng. Nhưng vốn trọng ông và coi ông như bậc tiền bối (ông hơn tôi đến 10 tuổi), nên tôi im không nói gì.

Lạc mua về, ông cười ha-hà: «Thôi bây giờ ta cộng-lạc!»

Hôm sau, tôi nhớ là ngày Thứ bảy, tôi được nghỉ buổi chiều. Buổi sáng, cơm rượu xong, ông Tân-Đà ngờ ý muốn về thăm Thầy tôi trên quê. Tôi ngần ngại vì, hồi đó, nhà tôi cũng nghèo lắm; Thầy Mẹ tôi — hai ông bà già — ở trọ-trại một túp nhà lá người hầu hạ không có, tôi e sự cùng đốn không được chu đáo. Nhưng ông nhất-định đòi đi, mặc-dầu lúc đó, ông hơi cảm-mạo và nhức đầu.

Đường từ Hà-nội về Đông-ngạc, quê tôi, dài độ 10 cây số, đi xe kéo mát hơn một tiếng đồng-hồ. Hai người ngồi một xe. Suốt dọc đường, ông kêu khó chịu vì sốt.

Khi tới cổng làng, xuống xe, tôi phải vục ông về nhà. Đến sân ông trông thấy có cây mận to, quả sai đỏ ối, liền hái một trái ăn. Tôi ngăn lại, nói: «Ấy chết! Cự đừng ăn mận. Cảm, đừng ăn của-chua, bệnh liềm, rất nguy-hiêm!» Ông gắt: «Có một quả mận, ông cũng tiếc tôi sao? — Tôi không ngờ, ông Đ ô n g - Xuyên...!»

Tôi toan giải-thích thêm, nhưng ông không nghe, cứ ăn...

Hôm ấy, Thầy tôi đi chữa bệnh vắng, chỉ có Mẹ tôi ở nhà. Đến đêm, ông sốt li-bì, nói mê. Tôi và Mẹ tôi lo quá, không biết chạy chữa thế nào? Sáng hôm sau, Mẹ tôi đành nấu cháo đậu xanh, cả vỏ cho ông ăn, ông mới dần-dần tỉnh dậy.

Bệnh đỡ, ông cười ha hã, bảo tôi: «Biết thế, tôi nghe ông không ăn mận, thì đâu đến nỗi này? — Đêm qua, tôi tưởng tôi chết, ông Đ.X. ọ!»

THI-SĨ TÂN-ĐÀ DỊCH THƠ THẾ NAO

Trở về Hà-Nội, tôi đi làm, ông vác mũ đi chơi. Chiều tối, lại về nhà tôi. Đêm ngủ, ông nằm nhà ngoài, tôi nằm trong buồng, thỉnh-thoảng tôi thấy ông dậy hút thuốc lào. Đến khuya, bỗng ông gọi tôi dậy:

— Này dậy tỳ, ông ĐÔNG-XUYÊN! Tôi đang dịch bài: «Hoàng-hạc lâu» của Thôi-Hiệu, 2 câu đầu thế này, ông nghe xem có được không? Rồi ông đọc:

*Hạc vàng, ai cười đi đâu?
Mà nay Hoàng-hạc riêng lâu còn
trơ!*

Tài dịch thơ Đường của Tân-Đà tiên-sinh, ai chả biết! Có-nhiên tôi khen hay. Ông đắc chí đi nằm.

Một lúc sau, có lẽ không đầy nửa tiếng đồng-hồ, ông lại gọi tôi dậy:

— Lại được 2 câu nữa, ông nghe nhé:

*Hạc vàng bay mất từ xưa,
Nghìn thu mây trắng bây giờ
còn bay...*

Được không?

Hôm sau là ngày tôi phải đi làm, cần ngủ, nên không nghe kỹ tôi khen bừa, và ông lại đắc-chí đi nằm.

Một lát nữa, ông lại gọi:

— Lại được 2 câu nữa, ông ọ! Tôi dịch thế này:

*Hán-Dương, sông tạnh, cây
bầy,
Bãi thôm Anh-Vũ, xanh đầy cỏ
non.*

Tôi chề chữ « Bầy », nói:

— « Bầy » đúng nghĩa 2 chữ « lịch-lịch » và hay, nhưng điệp âm với « cây ».

Ông câu:

— Thế ông chữa đi! Tôi cuộc ông chữa đây!

Chữ « bầy » của TÂN-ĐÀ làm tôi thâu đêm không ngủ được, đề nghĩ chữ chữa. Sớm hôm sau, một bà người, lại phải đi làm, vào Sở ngủ gật! Sau cũng không kiếm được chữ nào hơn, tôi thua cuộc!!

THI-SĨ TÂN-ĐÀ CỒ GIỮ TIẾT-THẢO

Như trên đã nói, sau khi thất bại về việc làm báo, sinh-kế của ông Tân-Đà rất khốn quẩn. Ông

thường than thở với tôi:

« Tôi hiện túng lắm. Túng hay nghĩ quẩn. Tôi có cậu em vợ hiện đang được đặc-dụng và ngờ ý muốn xin giúp tôi một việc phiên dịch hoặc tu-thư tại phủ Toàn-Quyền. Về việc này, tôi hỏi ý kiến ông, có nên xin không? Xem ý hình như Toàn-Quyền Robin ưng.

Sau một hồi lâu suy nghĩ, tôi đáp:

— « Chót làm đi như tôi thì không nói làm gì. Như cụ, gần chót đời rồi, nhận việc ấy là tự giết thanh-danh mình. Vậy tùy Cụ... »

Ông nghe tôi, bỏ qua việc đó và tiếp tục dịch thơ Đường, gửi cho báo « Ngày Nay », lấy tiền sinh sống.

Lần sau, ông gặp tôi, lại cười ha hã:

— « May tôi nghe ông, không đi làm đi! Hiện anh KHÁI-HUNG giúp tôi túc-tắc qua ngày... Nhân tiện câu chuyện này, tôi muốn tặng ông 4 chữ « Nhất đóa bạch-liên » (Một bông sen trắng), ông có ưng không? »

Tôi đáp:

— « Tôi đâu xứng? Nhưng cũng xin tâm-lãnh! »

Cho đến ngày nay, trải bao thế cuộc tang-thương, nhớ lại 4 chữ của Cố Thi-SĨ TÂN-ĐÀ cho, tôi không khỏi bồi hồi, lấy làm tự thẹn...



CHƠI HOA

★
NGUYỄN-TỬ-QUANG

THÚ CHƠI HOA !

IẮN có bạn sẽ lấy làm giựt mình.

Ai đã chẳng từng say sưa hoặc ngao ngán với cảnh « Chơi hoa cho biết mùi hoa », « Chơi hoa rồi lại bẻ cành bán rao » ; và cũng có người tưởng rằng : thú chơi hoa cũng như thú chơi tiên (người mỹ nữ), thú nhứt chơi tiên, thú nhì giống tiên » v.v... của khách « trăm ngàn đổi một trận cười như không » thường ca tụng.

Không. Không phải thế đâu.

Hoa, mặc dù có nghĩa bóng : chỉ người phụ nữ, chỉ vẻ xinh đẹp, chỉ sự tươi tốt, chỉ sự mong manh (phần hồng nhan khéo mong manh.— Nguyễn Du). Dĩ quyền truyện Kiều, ta thấy cụ Nguyễn-Du đã nói rất nhiều về Hoa :

« Hoa cười, ngọc thốt đoan trang ».

Hoa mà cười, người ta sẽ chạy chết. Nhưng ở đây không phải hoa cười mà nụ cười của người đẹp (nàng Thúy-Vân) tươi như hoa.

« Vì hoa nên phải đánh đường tìm hoa ».

Hoa này chỉ con người đẹp, không cứ đàn ông hay đàn bà. Lời của nàng Kiều thổ thê với Kim Trọng, tán dương con người hào hoa phong nhã, trong khi nàng vì nhớ quá mà đi tìm.

*« Dưới trần mấy mặt làng chơi,
Chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa ».*

Hoa tượng trưng sắc đẹp. Chơi hoa là thưởng thức sắc đẹp. Biết hoa là phân biệt giá trị của hoa. Và nó còn có một ý nghĩa khác nữa : hoa đây là thiếu nữ.

« Về đây, nước trước bể hoa... »

Đó là anh chàng Mã-giám-Sinh muốn chiếm hữu con người Kiều.

Vấn đề « hoa », cụ Nguyễn-Du còn nói rất nhiều. Nhưng thôi, ta hãy quay lại với Hoa theo nghĩa thông thường, thực tế của nó.

**HOAN HỒ HOA !
VẠN TUỆ HOA !**

« Việt-Nam Tân tự điển » của Thanh-Nghị định nghĩa : Hoa là phần trong cây cỏ nở ra đầu mút cành nhỏ để rồi kết thành quả ».

« Bách khoa tự điển » định nghĩa rõ ràng hơn : « Hoa là một phần của cây, riêng biệt với lá gồm có các bộ phận tạo giống, thường có màu rực rỡ và thường có hương thơm ».

Hoa này là hoa ở cây. Không phải hoa ở đời. Không phải hoa hậu trong những cuộc thi sắc đẹp.

Duyên do tự đâu ta yêu hoa, quý hoa ? Hay đó là tập quán của nhân loại ? Hay hoa có sắc, có hương ?

Giàu tình cảm, ta thương hoa, khóc hoa vì đời hoa, kiếp hoa sớm nở tối tàn !

Người ta « nâng như nâng trứng, hấng như hấng hoa », chớ ai đâu nở « đập liểu vùi hoa »... Tự ngàn xưa, cảm tình nồng nàn với hoa, con người đã có.

Cho đến nay, bất luận ở nước

nào dù lớn nhỏ, trình độ văn minh tiến nhiều hay ít, hoa đã chiếm một địa vị quý trọng trong địa hạt tinh thần của con người.

Trường hợp buồn, tang tóc hay chia ly, hoa đưa hương hay phở sắc đến để gây màu âm đạm hoặc khỏa những đau buồn. Trường hợp vui, hôn phối hay hỉ tin, màu hoa rộ mang thêm tươi thắm, mùi hương nồng nàn thêm tăng nổi hân hoan, bông bột của giọng nói tiếng cười.

Đón rước một chính khách, một thượng quan ngoại quốc đến viếng địa phương, một « trang nguyên khôi » các giới, người thiếu nữ dâng một bó hoa với một nụ cười diễm lệ trên môi hồng tươi thắm, để tỏ dấu kính trọng, hoan nghinh.

Ấu yếm cài trên mái tóc đen huyền óng chuốt hay trên bờ áo của một thiếu nữ cho con người càng thêm duyên dáng, chàng trai trẻ biểu lộ lòng sùng ái, ngưỡng mộ khách giai nhân.

Hoa đã đóng góp phần rất lớn trong việc chia sẻ tình cảm với con người* chẳng hơn có một số người nữ vui cười hỉ hạ trước đa số người khác đương đau khổ. Con người đó còn thua hoa, kém hoa.

Giá trị thay !

Hoan hô Hoa ! Vạn tuế Hoa

**Ý NGHĨA CỦA HOA CÒN
TÙY Ở MỖI DÂN TỘC.**

Tính chất căn bản của hoa là thế.

Nhưng trong cách dùng hoa, mỗi nước có một phong tục riêng. Hoa còn có ý nghĩa khác nhau tự dân tộc này qua dân tộc khác.

Ở Việt-Nam, hoa cúc với hương thơm dịu dàng ý nhị là một biểu hiệu của vui mừng và sum họp. Trong dịp tết, như là ở miền Bắc không có một nhà nào không có vài ba chậu cúc. Nhà già trưng bày những hoa to chứa đầy nhựa xuân. Nhà nghèo cũng có đôi cúc gầy, tuy kém phần rực rỡ nhưng làm tươi sáng mái tranh vách đất.

Cúc thường đi đôi trong chậu, không bao giờ lẻ loi, một năm ba... Phải chăng đó là ý nghĩa của đoàn kết, sum họp, của đầm ấm, mặn nồng.

Ở Pháp, trái lại, cúc là biểu hiệu của tư biệt. Trông thấy hoa cúc là thấy màu tang tóc. Trên quang quách, cánh cúc cuốn héo rã rời, bạc màu đượm vẻ tang thương cùng người bạc mạng, vắng số.

Riêng ở nước Nhật, hoa anh đào có một ý nghĩa đặc biệt. Đó là biểu hiệu một tinh thần võ sĩ đạo cao quý và trong sạch. Đầu đầu cũng thấy một cánh anh đào nhẹ nhàng phơ phất trong một chiếc bình thanh đạm. Và sự trưng bày hoa là cả một nghệ thuật trên đất Phù-Tang.

Nước Nhật có lẽ là một nước duy nhất trên thế giới có những lớp dạy trưng bày hoa.

HOA TRONG THI VĂN, TRONG NHỮNG GIAI THOẠI, TRONG PHẬT GIÁO...

Có nhiều thứ hoa được những nhà thơ, nhà văn dùng làm điển hình để tiêu biểu cho một đức tính, một tính chất gì :

« Hường dương lòng thấy như hoa ».

Đây là câu thơ trong « *Chinh phụ ngâm* ».

Người ta cắt nghĩa : Hường dương là hoa quỳ. Hoa màu vàng giống hoa cúc, lớn bằng cái đĩa. Buổi mai, hoa hướng về đông ; buổi chiều, hoa ngả về tây. Hoa ngả theo bóng mặt trời. Cổ thi có câu vịnh : « *Huyệnh hoa linh lạc vô nhân khán, độc tự khuynh tâm hướng thái dương* » (Hoa vàng rời rã không ai thấy, chỉ tự mình nghiêng lòng theo bóng mặt trời).

Hoa hướng dương tiêu biểu cho đức tính của một người đàn bà tiết liệt, chung thủy cùng chồng.

Tả dung mạo của Dương Quy Phi — một trong « *Tứ đại mỹ nhân* » nước Tàu — thơ của Bạch Cư-Dị có câu : « *Phù dung như điện, liễu như mi* » (mặt như hoa phù dung, mày như lá liễu).

Phù dung là một thứ hoa màu đỏ cung phấn, lớn bằng cái đĩa

trà, giống như hoa hường, là lớn bằng bàn tay. Hoa nở buổi sáng, tàn buổi chiều. Nó dễ vì vẻ đẹp của một mỹ nữ. Cụ Nguyễn Gia-Thiều, tác giả quyển « *Cung oán ngâm khúc* », có câu : « *Vẻ phù dung một đóa khoe tươi* »,

Còn ai lạ gì với hoa sen.

Nó biểu hiệu cho sự trinh tiết cao cả. Trộm nào lại chẳng nằm lòng bài « *Cây sen* » khi đặt đít trên ghế nhà trường với lớp học vỡ lòng :

« *Trong đầm gì đẹp bằng sen,*

Lá xanh, bông trắng lại chen nhị vàng.

Nhị vàng, bông trắng, lá xanh,

Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn »

Phật tính tọa trên tòa sen.

Người người dùng hoa sen dung cúng ở bàn Phật. Phải chăng vì nó có tính chất tinh khiết, vì nó dạy con người : « ở giữa trần ai chớ nhiễm trần ».

Nhắc đến « *hoa sen* », bắt nhớ đến đức Phật Thích-ca Mâu-ni « *niêm hoa thị chúng* ». Kinh Đại Phạm thiên vương vấn Phật quyết nghị có chép :

Một hôm Đức Thích-ca Mâu-ni Phật hội các đệ tử ở trên Linh thú sơn, rồi ngài niêm hoa thị chúng ; nghĩa là người cầm cái hoa sen mà trông đại chúng, không nói gì cả. Sau ngài thấy Đại-Ca-diếp tím tím

cười, ngài nói rằng : « *Ngô hữu chinh pháp nhơn tàng, niết bàn diệu tâm, phó chúc Ma-ha Ca-diếp* ». Nghĩa là : ta có nhơn chinh pháp và diệu tâm niết bàn nay truyền lại cho Ma-ha Ca-diếp. Chinh pháp nhơn là con mắt trông rõ chinh pháp ; niết bàn diệu tâm là tâm màu nhiệm hiểu rõ niết bàn.

Hoa lại còn tạo nên nhiều thiên giai thoại, nhiều bài thơ tác tuyệt, nhiều thiên tiểu thuyết điển tình

Ai lại chẳng thích ngâm câu thơ của cụ Nguyễn Du :

« *Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông* » mà bắt nhớ đến một thiên điển tình? « *Tinh sử* » chép :

Đời nhà Đường (618-904) có một nho sinh tên Thôi Hộ học giỏi, đẹp trai. Nhân tết Thanh-minh đi chơi, chàng lạc đến một khóm toàn hoa đào. Đó là Đào hoa trang.

Chàng khát nước, gõ cửa một nhà.

Bên trong, một thiếu nữ hé cửa ra, đưa nước dãi rồi đứng tựa cây đào nhìn chàng. Trai tài, gái sắc nhìn nhau bên lén mà « *tinh hồng như đã, mặt ngoài còn e* ».

Nhưng rồi, chàng nho sinh lại từ giã, bận bịu ra đi với bao tình quyến luyến.

Tết Thanh-minh năm sau, Thôi

Hộ lại tìm đến Đào hoa trang. Vườn đào xưa rụng rở, nhưng nhà xưa nay vắng vẻ, cổng khóa kín, bóng người đẹp còn đâu. Chàng buồn bã đề trên cổng một bài thơ :

«*Khử niên kim nhật thử môn trung,*

Nhân diện đào hoa tương ánh hồng.

Nhân diện chỉ kim hà xư khứ,
Đào hoa y cựu tiếu đông phong».

Tạm dịch :

«Năm ngoài ngày này vẫn cửa trong,

Hoa đào mặt ngọc đối hồng hồng.

Không trông mặt ngọc nay đâu vắng,

Chỉ thấy hoa đào cọt gió đông».

Đề thơ xong chàng trở về.

Người thiếu nữ một hôm ra thấy sinh bệnh tương tư rồi chết. Chợt Thôi-Hộ đến. Nghe tiếng khóc trong nhà, chàng chạy vào. Thân phụ nàng thiếu nữ thuật rõ cả sự tình, Thôi Hộ càng cảm động, ôm lấy thấy nàng mà khóc nức nở. Thiếu nữ bỗng hồi tỉnh rồi sống lại.

Hai người được kết thành chồng vợ.

**HOA TÀN, HOA KHÔNG
NƠ VÌ GHÉT BẠO CHUA**

Truyện «*Thuyết Đường*» có chép :

Đời nhà Tùy (587 - 617), ở Dương-châu có một ngôi chùa tên Dương-ly. Một đêm, giữa lúc canh ba, ngoài cửa chùa bỗng có ánh sáng lòa như lửa cháy. Trên không lại có tiếng nổ vang, mùi thơm nức mũi, rồi có một vật gì sa xuống như sao rời.

Người trong nhà mở cửa đồ ra xem.

Gần bên giếng của chùa có mọc một cây hoa lạ. Bè cao một trượng, trên ngọn có một cái hoa ngũ sắc cực kỳ tươi đẹp. Trên hoa chia ra mười tám cánh lớn, dưới hai mươi bốn cánh nhỏ. Người ta gọi là Huỳnh-hoa.

Lúc bấy giờ có người tên Vương-Thế-Sung ở thành Lạc-dương, nguyên trước can án giết người nên trốn chạy đến chùa trú ngụ, thấy thế mới đem giấy bút ra vẽ cái hoa ấy.

Vua nhà Tùy là Dương đế nhân một đêm nằm mộng thấy hoa, nay được tin có hoa trở tại Dương-châu mới yết bái: nếu ai vẽ được hoa ấy đem dâng cho nhà vua xem thì sẽ được trọng thưởng. Vương-Thế-Sung mang bức tranh ấy đến dâng được vua tha tội giết người và được phong chức Quỳnh hoa thái thú.

Chùa Dương-ly lại được đổi tên là chùa Quỳnh-hoa.

Vì hoa trong tranh mà còn đẹp lộng lẫy, cố nhiên hoa thực còn tăng gấp trăm ngàn lần, nên nhà vua định ngự giá ra Dương châu xem hoa.

Vì đường đất từ Trường-an (kinh đô nhà Tùy) đến Dương-châu xa xôi, nhà vua cho đi xe giá nhọc nhằn, nên truyền cho người đốc xuất tám chục muôn dân xấu khai kinh bắc cầu từ Long trì thẳng qua ải trường-bình, thông với sông Huỳnh Hà cho đạt đến Dương-Châu để ngự thuyền rồng cho tiện. Đồng thời lại truyền cho người sửa sang xây cất cung điện nơi ấy để nghỉ ngơi.

Việc lực dịch quá gian lao, bọn quan lại tham tàn nhân dịp càng những nhiều dân chúng. Nhân dân cực khổ, tiếng than oán đầy đường.

Vì hoa mà làm khổ trăm họ.

Nhưng khi thuyền rồng ngự đến đây và chuẩn bị ngày mai, Tùy đế xe giá đến xem thì khuya hôm ấy, mưa gió đầy trời, hoa rụng mất.

Vì là hoa thần, hiện ra để cho vị dân chúa xem và để chỉ rõ sự diệt vong của nhà Tùy.

Mười tám cánh tiên biểu hiệu mười tám phần vương; hai mươi bốn cánh nhỏ dưới biểu hiệu hai mươi bốn trấn khởi loạn. Cơ nghiệp nhà Tùy chuyển sang nhà Đường do cơn của vị đại thần Lý Uyên là Lý Thế Dân khai sáng. Đó là một chân chúa.

Vì thế, trong khi lãnh sứ mạng bảo giá Tùy đế ra Dương-Châu, Lý Thế-Dân đến chùa trông ngắm linh độn đẹp chuẩn bị cho

ngày mai Tùy đế đến xem, Thế-Dân nhân dịp đến xem hoa trước. Hoa nhúng lên xuống ba lần như đón chào. Rồi ngay đêm hôm ấy, sau một cơn mưa to, hoa tàn rụng.

Lại thêm một truyện.

Vũ Tắc-Thiên hoàng đế tức Vũ hậu nhà Đường (618-907) hoang dâm vô đạo. Một chiều đông lạnh lẽo, Vũ hậu ngự giá đến chơi vườn thượng-uyên, thấy cây cỏ xác xơ, liễu đào ủ rũ liền đề bốn câu thơ :

«*Lai triều du Thượng-uyên,*

Hỏa tốc báo xuân tri.

Bá hoa liên dạ phát,

Mạc dãi hiều phong xuy»

Tạm dịch :

«Bãi triều du Thượng-uyên,

Gấp gấp báo Xuân hay.

Đừng chờ cơn gió sớm,

Phải nở hết đêm nay.» (1)

Trăm hoa không dám trái mang. Một đêm, hoa bừng nở khắp vườn mênh mông, bát ngát...

Hôm sau, Vũ hậu dạo vườn thấy muôn hồng ngàn tia huy - hoàng như những vàng mây ngũ sắc phủ cả bầu trời xanh. Nhưng chỉ có hoa Mẫu-Đơn brống bình không chịu phụng mạng bạo chúa, nên trên cành khô khẳng khiu không một lá non. Vũ Tắc-Thiên bừng bừng nổi giận, giáng chiếu đầy hoa Mẫu đơn xuống Giang - nam.

Ngồi đương thời có khúc ca
«Ngọc lâu xuân tử» thương hại
và tán dương vẻ diễm lệ của
những đóa Mẫu đơn phong trần
luân lạc bị đày ải khỏi mảnh
vườn vương giả của đế đô :

« Danh hoa sức ước đông phong
lý,
Chiếm đoạn thiền hoa đỏ tại thử.
Lao tâm nhất phiến khả nhân lâu,
Xuân sắc tam phân sâu vũ tầy,
Ngọc nhân tận nhật yêm yêm địa,
Khước bị sinh ca kinh phá thụy.
Sạ lâm trang kính tự kiều tu,
Cận nhật thương xuân thấu đĩ
nữ. »

Tạm dịch .

«Mẫu đơn môn môn cánh
hồng,

Đẹp tươi say cả đông phong thuở
giờ...

Yêu hoa một tấm lòng tơ,

Gió mưa xuân đã gãy ba bốn phần

Sớm hôm nét ngọc tần ngần,
Sinh ca tỉnh giấc mộng trần băng
khuàng.

Dáng kiều e ấp dài trang,
Thương xuân hồ ngã bóng vàng
như hoa (2)»

Câu chuyện nghe cũng lý thú.

Hoa nở để bày rõ việc thịnh suy.
Hoa biết chào mừng vị thánh
chúa.

Hoa lại biết kháng mạng vị bạo
chúa mà không nở, thà bị đi đày.
Hoa là vị anh hùng, hoa là người
quần tử « uy vũ bất năng khuất ».

Xét lại đời người, có mấy người
phông được như hoa ?

Đó là câu chuyện xưa, Hoa
đối với Người. Bây giờ nói
chuyện nay : Người đối với Hoa.

TRỐT YÊU HOA, SÚYT CHỨT PHẢI ... LỤY MÌNH !...

Mới đọc qua cái tiêu đề,
có người nhẹ bóng vía, bi
quan sẽ lấy làm giựt mình.
Chao ôi ! Có biết bao nhiêu
người, bao nhiêu chàng trai trẻ
đã phải chết, phải tù vì... hoa
như vô số tin tức trên mặt các
báo hằng ngày đăng tải chẳng
khác như xe cán chổ.

Nhưng, đừng quá vội lo ngại
cho tiền đồ dân tộc, cho tương
lai của thanh niên, vì hoa ở đây
không phải hoa bằng xương,
bằng thịt với những nụ cười
say đắm, bằng những cái liếc
mê hồn... mà hoa đây là hoa
thực.

Trước thời giặc giả, ai đi ngang
nhà bác hương hào T. ở quận
Phước - long, thì không khỏi
dừng chân đứng lại trầm trở
cái vườn hoa tí hon của bác.

Không có hoa gì lạ. Vài chậu
cúc, vài chậu lan, vài chậu sừ,
vài cây phù dung, vài cây cầm

(1)(2).— bản dịch của Trần Thanh
Đạm và Nguyễn Tố-Nguyên.

chường... Nhưng chậu nào, cây
nào cũng đơm đầy hoa lá xinh
tươi rực rỡ, bát ngát mùi
hương.

Bác già. Hằng ngày, không buổi
sáng nào cũng như không buổi
chiều nào, bác vẳng mặt ở đấy.
Bác sẫm soi, bác vuốt từ lá, nâng
từ hoa. Bác nhỏ cỏ, mặc dù
không có một cọng cỏ non nào.
Bác bắt sâu, giết bọ mặc dù không
còn một con sâu, con bọ nào...

Một chồi cỏ non cũng như một
cái trứng sấu con không thể nào
ở đời được với bác trong một
phút.

Bác rất chăm sóc hoa. Đôi
khi có đồng to làm gãy một cánh
hoa thì suốt mấy hôm, bác buồn
rầu thui thủi, ăn không ngon,
ngủ chẳng yên, mặt mày đăm
đăm chiều chiều như người mắc
bệnh tương tư.

Bác rất phản đối việc bẻ hoa
cắm vào bình. Có vài nhà tai mắt
đến xin bác vài cành hoa để trang
trì trong phòng, bác nói một
mạch như đũa học trò trả bài
thuộc lòng :

— Phàm hoa mỗi năm chỉ nở
một lần. Bốn mùa chỉ chiếm
được một. Mỗi mùa chỉ nở trong
mấy ngày. Biết bao tháng ngày
trống trải lạnh lùng, vậy mà khi
nở sắc đẹp, màu tươi phồng được
mấy buổi ! Ta ngắm họa trên
cành mùa theo làn gió, cười đón
ánh trăng. Cái vẻ đẹp thiên nhiên
kiêu mi thực không bút nào tả
xiết. Vậy mà có người nở lòng
cắt bẻ để đem cắm vào viện sách,

phòng hương cung cho cảm hứng
của một bài văn hoặc giúp mỹ
nhân tăng thêm vẻ đẹp diễm
trang hồng phấn. Hoa chịu đựng
đãi dầu bao sương nắng, gió mưa
để hưởng lấy mấy ngày tươi nở ;
cũng như con người nhan sắc,
tài hoa mạng yếu giữa thời xuân
đem vào cõi tối tăm cả một trời
hy vọng. Nếu hoa nói được ắt
cũng phải ta than cho tình ích kỷ
của con người...

Người ta khen bác hay, ăn nói
lưu loát.

Nhưng sự thật, bác đọc «Kim
cổ kỹ quan thấy lão Thu công
đời Tống Nhân-Tông bên Tàu rất
say sưa mến yêu hoa, được người
đặt cho một biệt hiệu có tính
cách hài hước là «Hoa Sĩ», bác lấy
làm thích. Lời mà bác đem ra
trình trọng « điển thuyết » ở trên
chính là lời của Thu công, bác
học thuộc lòng như kết.

Nhưng thời cuộc không cho bác
tận hưởng cái thú thanh lịch,
phong nhã ấy theo ý nguyện lâu
bền.

Năm 1947, nạn binh lửa lại
trần lấn quận Phước-long. Giặc
đến đâu là giết chóc, đốt phá đến
đấy. Bác hương ngày đêm nơm
nớp lo sợ cái tàn sát duy nhứt
của bác là cái vườn hoa yêu quý
kia.

Trai tráng trong làng tổ chức
thành đội Tự vệ.

Bác mừng và hoan nghinh lắm.
Bác đãi đảng họ rất trọng hậu.
Gà, vịt luôn luôn làm thịt. Có khi
cả đến heo, Bác sốt sắn, tự

minh chạy lo cơm nước tiệp tưng. Người ta khen bác có thiện chí. Trong bữa ăn nào, bác cũng ứng khẩu một bài « đít cua ». Và bài đó luôn luôn được « bốn cũ soạn lại » bằng mấy câu thiết yếu :

— Các cháu ăn đi. Ăn đi cho no để đánh cho mạnh mà bảo vệ Tổ quốc, làng mạc. Á, mà cố gắng làm sao giữ cho giặc không được động đến một cái lá con ở vườn hoa bác, thì bác mới phục các cháu sát đất. Được thế, mới xứng đáng là nòi giống Tiên Long!

Một hôm giặc vào bố làng.

Được tin, ai cũng hốt hoảng tản cư. Riêng bác Hương chẳng chịu đi. Người ta gom góp tiền bạc, quần áo, những vật quý báu mang theo. Còn bác? Của quý là cái vườn hoa, nhưng làm sao quấy nó đi được.

Bác nhứt định ở lại.

Con cháu bác lo sợ tính mạng của bác sẽ tăng theo hoa nên năn nỉ, khóc lóc, khuyên nhủ. Bác bảo bác cương quyết ở lại hợp cùng đội Tự vệ chống giặc để bảo vệ quê hương, bảo vệ cái vườn hoa quý báu độc nhứt của đời bác.

Súng giặc nổ vài loạt thị oai ở đầu làng.

Mọi người tái mặt. Họ vừa chạy vừa lôi bác sên sệt như lôi một trẻ con. Họ bảo bác già yếu, tay không làm sao đương đầu nổi với bọn giặc dã man, đã có đội Tự vệ thì việc gì phải lo.

Trước một lực lượng mạnh mẽ lời cuồn, bác phải chạy theo nhưng thỉnh thoảng quay đầu nhìn lại vườn hoa, miệng bác mếu máo như muốn khóc.

Bác vãi Trời Phật cho nó đừng phá.

Bác cầu khẩn Đất Nước Ông Bà phò hộ cho đội Tự vệ được đại thắng.

Nhưng khốn nỗi, thế giặc lúc bấy giờ mạnh quá. Đội Tự vệ phục kích chỉ bắn được mấy phát súng lửa, rồi trước hỏa lực dữ dội của giặc, họ đành phải rút lui.

Giặc tràn vào cướp phá tung hoành.

Bắt đầu đã thấy khói lửa.

Ở xa nhìn về làng, ai nấy đều tái mặt, lo sợ cho nhà cửa, vườn tược, lúa thóc của mình. Người ta bàn tán xôn xao.

Suốt một buổi, nghe thấy cảnh làng vắng lặng, cho là giặc đã rút, người làng lục tục kéo về. Bấy giờ, trông trước trông sau, họ mới thấy mất bác Hương. Người ta lấy làm hoảng hốt, không biết mất bác từ lúc nào. Người ta kêu, hú, i. Nhưng tuyệt vọng.

Con cháu bắt đầu lo sợ. Họ nghi bác lên trốn về trước. Họ hỏi hà đi về nhà bác xem sao? Gần đến nhà, họ kêu bác tổ mờ:

— Bà ơi!

— Ba ơi!

Con cháu táo tác tìm.

Có tiếng rên hi hi ở vườn hoa.

Họ chạy đổ đến, thấy bác nằm

quần quai bên cạnh vườn hoa tan nát. Người ta giựt bác vào nhà. Bác lẫn lộn, rên rĩ, nước mắt, nước mũi chảy chầm ngoàm quần áo xốc xếch, bụi đất bám đầy trông thật bi thảm. Người ta lo lắng, tưởng bác bị giặc đánh nặng. Họ lằng xằng lật xit thăm hỏi. Một độ rất lâu, bác mới thở phào một hơi dài, nói:

— Tây nó lại bẻ hoa, tao không cho. Nó đòi bắn. Tao không sợ, cản nó. Nó thấy tao già nên đánh tao một bạt tay rồi nó bứt hái tất cả hoa ở vườn... Trời ơi! Tự vệ mình dở quá!

Nói chưa dứt lời, bác cất tiếng khóc ò ò. Người đi đường tưởng nhà bác có người bị giặc giết chết, nên thương tâm đổ vào chạt cả nhà.

Thì ra, trong lúc người ta bận lo lắng, bàn tán giặc đến đâu rồi và làm gì, làm gì... bác thừa dịp lên trốn về nhà giữa lúc giặc đơng lục lạo tìm bắt heo gà, vơ vét đồ vật... Người ta bảo bác có nhiều phúc đức ông bà để lại mới bị giặc đánh một bạt tay, chứ không thì bác phải đi đời nhà ma theo mấy cánh hoa kia rồi. Rồi họ lại trách: bác chỉ bị đánh một bạt tay mà xem như sắp chết, làm ai cũng hốt hoảng.

Nhưng có ai thấu rõ nỗi lòng của một người trót yêu hoa nên phải nặng nợ... mà sứt chết vì hoa!

Ý NGHĨA CỦA HOA CÒN TÙY THEO MÀU SẮC VÀ HƯƠNG THƠM

Hoa tùy theo màu sắc cùng hương thơm mà có ý nghĩa khác nhau.

Trước hết hoa chia làm hai loại:

— Hoa, màu rực rỡ và hương gay gắt đượm ý nghĩa nồng nàn.

— Hoa, màu và hương dịu dàng biểu hiệu những tình tình nhẹ nhàng, tin tưởng, kính mến hay đau đớn.

Trắng là màu của Ngày thơ, Trong sạch.

Đỏ là màu của Ái tình.

Lam, màu của Âu yếm, của những tâm hồn cao thượng, giữ những kỷ niệm bền lâu.

Tím, giữa đỏ và lam hòa hợp do ái tình và kỷ niệm cấu tạo nên là màu của Tôn giáo, của Quả phụ.

Xanh là màu của Ước vọng. Nếu màu vừa dịu vừa sáng là của Trẻ trung và Tương lai.

Vàng là Vui vẻ, Phú cường. Màu vàng cũng là màu của Hôn nhân có phẳng phất đau buồn.

Đen là màu tang tóc, Buồn rầu, Tởm biệt, hư không.

Nâu là màu chỉ thuộc về Quá khứ, tổ lòng nghi kỵ.

Bên cạnh những màu chính có ý nghĩa đặc biệt ấy còn có những sắc thái dễ tượng trưng.

Màu chính: **Đỏ** (tượng trưng: Nồng nàn).

Sắc lợt: thêm ý tiềm tàng, trầm mặc hay thay đổi.

Sắc tươi: bông bột, dữ dội, táo bạo.

Sắc đậm: ghen ghét bông bột,
Hầu dài, có lẫn chút buồn.

Màu chính: Tím (trọng trung):
Đau đớn)

Sắc lột: đau đớn đã qua, dịu
rời, quên rời.

— tươi: Đau đớn sâu xé

— đậm: Đau đớn cam chịu,
không phai.

Màu chính: Lam (trọng trung):
âu yếm).

Sắc lột: Yêu không tỏ ra, thầm
kín tin tưởng trong tình thần.

— tươi: Yêu nồng nàn, phát lộ.)

— đậm: Yêu phai nhạt, đau
đớn trong kỷ niệm.

Màu chính: Xanh (trọng trung):
Ước vọng).

Sắc lột: Ước vọng xa xôi, mới
nhóm.

— tươi: Ước vọng tin tưởng,
sâu xa, phát lộ.

— đậm: Ước vọng thầm kín,
đau đớn.

Màu chính Vàng (trọng trung):
Vui, Hạnh phúc)

Sắc lột: Vui nhẹ nhàng, hạnh
phúc bình thần.

— tươi: Vui nồng nàn, âu yếm,
hạnh phúc hoàn toàn.

— đậm: Vui thầm kín, phai
lạt, hạnh phúc bị khuấy rối.

Màu chính: Nâu (trọng trung):
Nghĩ kĩ.)

Sắc lột: Nghi kỵ vô có.

—tươi: Nghi kỵ dữ dội, ghen
trương.

— đậm: Nghi kỵ thầm kín,
đau đớn (1)

TỔ CHỨC INTER - FLORA .

« Inter-Flora » là một tổ chức
Hoa quốc tế. Tổ chức này hiện
giờ gồm có hơn hai mươi ngàn
nhà hàng hoa đã đem lại cho
người gửi hoa một phương tiện
rất thích hợp với thời đại.

Đó là một tổ chức quốc tế có
những phương pháp làm việc rất
tối tân.

Hiện nay, khắp năm châu,
nước nào, tỉnh nào cũng có thể
gửi hoa sang nước khác, tỉnh
khác một cách mau chóng. Thời
gian gửi hoa chỉ là thời gian gửi
một bức thư hoặc một bức điện
tin. Có khi chỉ chừng vài phút
đồng hồ, nếu nơi gửi có thể giao
dịch với nơi nhận bằng điện
thoại.

Một khách hàng tại Nữ-Ước
muốn gửi tới Ba-lê tặng hoa cho
một cô đào hát cùng với mấy
lời âu yếm, chỉ việc đến tổ ý
mình cho một hàng hoa. Đứng
giờ định, ví dụ năm phút trước
khi cô đào hát lên sân khấu,
một nhà bán hoa tại Ba-
Lê, sau khi nhận được lệnh
từ Mỹ, hoặc bằng thư, hoặc
bằng điện tín hay điện thoại, tùy
theo thời gian cần cấp, mang một

(1) — Phần này trích trong
nguyệt san « Thế Giới Thời Đàm »
xuất bản tháng Hai 1953.

bó hoa rực rỡ đúng theo ý muốn
khách hàng lại cho người nhận
cùng với những lời riêng của
người tặng hoa.

Tổ chức « Inter - Flora » đã lấy
tên chỉ:

« Hoa không có biên thùy »

Thực vậy, đến một tỉnh nhỏ
hiện nay cũng có thể nhận được
hoa theo cách nói trên. Sự giao
dịch chỉ phải lâu thêm một chút,
vì phải đi qua những tỉnh to có
chỉ nhánh chính thức của « Inter-
Flora ». (1)

Đó là những cách chơi hoa,
thưởng thức hoa sang trọng của
những nhà đài các, quyền quý,
của bậc thượng lưu.

Còn các bậc trung lưu thì dùng
hoa trưng bày, điểm xuyết cho
giang phòng, nhà cửa.

Còn các bậc hạ lưu thì dùng
hoa cúng kiến. Những hoa
thường dụng: hoa sen, hồng trang,
vạn thọ v.v... Đó là hoa bình dân.
Những ngày tết, sóc, vọng, vía là
những dịp nhà trồng hoa hết bạc.
Có nhiều người đốt phá đất
không phải để làm ruộng, lập
vườn mà là để trồng hoa. Một
công hoa, mỗi mùa hết tiền bằng
mấy chục công ruộng.

KẾT LUẬN

Hoa tươi.

Hoa đẹp.

→ Hoa đưa hương.

Hoa tượng trưng xinh đẹp,
tươi tốt, cao quý.

Hoa gây nhiều cảm hứng cho
các hạng người.

Hoa làm đề tài cho các văn
gia, thi sĩ sáng tác.

Nhiều truyện truyền kỳ, các
văn gia nhân hình họa, thần thoại
hóa Hoa, khiến người đọc thấy
say sưa, khoái cảm, khám phục
mà càng yêu hoa, thích hoa, quý
hoa... Rồi mê mệt... mà khổ sở
đau đớn vì Hoa !

Nhạc sĩ hiện thời, ông Dương-
Thiệu Trước đã buồn rầu, nhỏ lệ
trên một bản nhạc:

« Thương thay đời hoa ; kiếp
hoa sớm nở tối tàn. »

Lưu Vũ-Tịch, một thi nhân nhà
Đường đời Trinh-Nguyên đã
miêu tả tâm lý tự trị của một kẻ
già nua trước Hoa bằng một bài
thơ « Âm tửu khán Mậu đơn »
(Uống rượu thưởng hoa Mậu
đơn):

« Kim nhật hoa tiền âm,
Cầm tâm túy sở bôi.

Đản sầu hoa hữu ngữ.

Phật vị lão nhân khai »

Tạm dịch :

« Ngày nay uống rượu trước
hoa,

Cố say mấy chén cũng là khó coi.

Chỉ e hoa biết mỉm cười :

« Nở ra, đâu có vì người tuổi
cao ? » (2)

Vậy Hoa vì tuổi trẻ mà nở.
Các bạn « hoa niên » từng thưởng
thức Hoa đã hiểu rõ được chăng
tinh cách sâu kín, ý nhị của Hoa ?

(1).— Trích trong nguyệt san
« Thế giới thời đàm », xuất bản
tháng Hai 1953, Không có tên soạn
giả.

(2).— Bản dịch của Ngô Tất-Tố.—
« Đường thi . »

GIÓ

Đêm thanh vắng, bỗng lao-xao tiếng gió.
Khắp bốn phương đây đó gió tuôn về,
Trong đêm buồn giọng gió rít tí-tê,
Có phải gió từ Sơn-Kê đến viếng ?

Gió hỡi gió ! Đêm nay đừng xao xuyến,
Đừng nhôn-nhao lay-chuyển cả không gian,
Đà ngoài hiên không ngộp xác lá vàng
Chim tránh khỏi bàng-hoàng vì gió rét !

Gió hỡi gió ! Đêm nay đừng gào thét.
Hãy âm-thầm và cuốn quét bay đi,
Gió nhớ mang theo tất cả những gì
Của đau khổ, của sầu bi, tang tóc.

Gió hỡi gió ! Đêm nay đừng cuốn lốc,
Chốn cô phòng đơn độc của Thi-nhân,
Đề cho chàng yên nghỉ khỏi bàng-khuâng,
Khi tháy gió nhẹ làn qua song cửa.

Ta không muốn gió lộng về đây nữa.
Gió hãy bay ra những chốn sa trường.
Gió thổi lửa cho tan cả đau thương,
Cho nhân-loại khỏi chìm vào khổ ải !

Gió hỡi gió ! Thôi lên tình bác-ái !

BACH-YẾN

NHẬT ĐÃ CÓ LẦN ĐỔ BỘ LÊN

MỸ-QUỐC

★ SONG-AN

TRẬN Đại-Chiến thứ 2 gồm có nhiều sự-tích hi-hữu. Sau khi tiếng súng cuối cũng tạm chấm dứt tham vọng của loài người thì người ta mới vén bức màn bí-mật bao-phủ tất cả những mảnh khoé lửa đảo đê sát-hại cho dữ cho nhiều dân-tộc khác hầu dành lấy thắng lợi cuối cùng là mộng làm bá-chủ thiên hạ.

Lần đầu tiên, quân-sự Mỹ tiết-lộ rằng những vật bí-mật bỗng nhiên có một đạo đã từ trên trời rơi xuống đất Huê-kỳ : đó là những khinh-khí cầu bí-mật của Nhật-bản.

Ngày 18 tháng 4 năm 1942, Kinh-dô yêu mến của nước Phù-Tang đã bị đoàn không-quân của Đại-trưởng Doolittle oanh-tạc. Đó là một quốc-nhục đối với dân-tộc Thiên-Hoàng, cần phải báo thù cấp-tốc. Nhưng không-quân của Nhật-bồn không có căn-cứ dễ xuất-phát hòng thực-hiện một cuộc oanh-tạc Mỹ-Quốc. Phạm-vi hoạt-động của khu-trục có hạn, và lại hải-quân gồm rất ít hàng không mầu-hạm, tiêm-thủy-dĩnh cũng hầu như không có, mà Mỹ-quốc lại ở cách Nhật quá xa.

Thật ra đó cũng là một điều may-mắn cho Huê-kỳ, hai đại-dương là khu phi-chiến thiên-nhiên đã cản-trở bao nhiêu cuộc xâm-lãng bắt rết từ Nhật-bản hay từ Đức-Quốc.

Nhưng những đứa con yêu của đất Phù-Tang không vì thế mà nản lòng, họ cố kiếm tìm cách thực-hiện mục-dịch của họ. Họ liền nghĩ đến khinh-khí-cầu và họ tin vào anh-linh của các Kami-Kazé sẽ vì Thái-Dương Thần-Nữ thổi một ngọn thần-phong đưa các khinh-khí-cầu ấy qua tận nước Mỹ.

Những khinh-khí-cầu ấy mang theo một thùng chất nổ và nhạy lửa do một chiếc máy nhỏ điều-khiển, cứ hề đụng vào vật gì cứng rắn là bùng nổ và gieo rắc hòa-hoạn hay chết chóc.

Họ khởi công sau khi nghiên cứu và chuẩn bị suốt hai năm. Thật là một công-trình tỉ-mỉ vĩ-dại chỉ thực-hiện được với một lòng ái-quốc vô bờ-bến. Trong sáu tháng từ tháng 11 năm 1944 đến tháng tư năm 1945 Nhật-bản đã thả gần 9.000 chiếc khinh-khí cầu kiểu ấy.

Đó là những chiếc ba-lông

đường kính chừng 10 thước tây, được tính kỹ để có thể bay trên thượng-tầng không-khí từ 10 đến 11 cây số rưỡi cách mặt đất vì trong khoảng không gian đó, có một luồng gió rất mạnh thổi từ Nhật qua Mỹ với tốc độ từ 150 đến 300 cây số 1 giờ. Tuy nhiên người Nhật chưa tìm cách để điều-khiển những chiếc khinh-khí-cầu ấy, cho nên chỉ có độ 1/10 rơi trên đất Mỹ dọc theo bờ biển từ Alaska đến Mê-tây-Cơ. Tân các miền Tây Bắc Huê-kỳ và Gia-nã-Đại người ta cũng đã tìm thấy độ 200 chiếc đang còn nguyên vẹn. Còn 75 chiếc khác thì chất nổ đã phá nát, hoặc rơi trong các vùng núi hoang-vu hay ngay trên mặt biển. Chừng độ 100 chiếc nổ ngay ở trên không.

Dù cho phương-pháp có vẻ lạc-hậu, song thứ khí-giói ấy đã mở-màn cho một chiến-thuật mới. Lần đầu tiên, những phi-đạn được chuyên-chở một cách độc-đáo và có thể gieo rắc rất nhiều tai-họa. Ví dụ, nếu Nhật-bản cho chở vi-trùng các bệnh dịch, hay những quả bom lớn thì kết-quả sẽ không lường được.

Nhưng có một điều là dự-tính của các chuyên-viên Nhật không mấy sai lạc. Lúc chiếc khinh-khí-cầu đầu tiên rơi xuống đất Mỹ, người ta báo-động các cơ-quan Mật-vụ (FBI) và hải-quân. Ban phòng-vệ lâm-sân cũng được

huấn-thị phi báo các cơ-quan an ninh và tìm cách tịch-thâu những chiếc khinh-cầu còn nguyên- vẹn.

Tất cả các ngành kỹ - thuật đều được huy-động: viện phân-hóa-chất, cơ-quan lập đồ bản, phòng khám-nghiệm của Hải-quân ở Hoa-thịnh-Đốn, Viện Công-nghệ-học ở California v.v..

Các cơ-quan ấy khám-phá nhiều chi tiết kỹ-thuật khá tinh-xảo. Chiếc vỏ ngoài của thứ khí-giói mới ấy làm bằng giấy bản dán bằng một lớp hồ bí mật khiến cho khinh-khí không thấm ra ngoài được, còn chắc hơn cả các vỏ làm bằng vải cao-su thứ tốt nữa.

Sau khi nghiên-cứu thứ cát đựng đề làm đồ dẫn thì các nhà chuyên-môn quyết định rằng thứ cát ấy chỉ bờ biển Nhật bản mới có nhiều. Không quân được phái đi dò xét và chụp hình các miền biển liên hệ. Các hình chụp được đem về xem lại thì thấy hiện ra những tòa nhà, có lẽ là cơ-xưởng chế-tạo, và nhiều vật lùm lùm như những cái chén úp. Đó là các nhà máy chế tạo và các vật ấy là những khinh-khí-cầu đang được bơm căng.

Các nhà chuyên-môn còn khám-phá ra nhiều máy móc khá tinh-xảo. Có độ 30 túi cát đeo quanh chiếc khinh-khí-cầu. Mỗi túi nặng chừng 3 kí, có một bộ phận có một "khí-áp-biêu" điều-khiển. Để chiếc khinh-cầu hạ thấp khỏi

10.00' th, thì bật nắp cát chảy làm cho khinh-cầu nhẹ, hầu bay cao trở lên. Một bộ phận tự-động khác điều-khiển miệng chiếc khinh-cầu, nếu nó bay cao quá 11.500 th thì bật nắp, khinh-khí thoát ra làm cho khinh-cầu nặng hơn nên bay hạ thấp xuống. Mỗi chiếc khinh-cầu chở độ 3 hay 4 quả bom nặng 15 ký mỗi trái: một quả bom lửa, còn các quả kia là bom nổ.

Bộ phận thả bom chỉ làm việc sau khi các túi dẫn đều hết sạch cát. Có lẽ người Nhật tính-toán rằng lúc đó khinh-cầu đang bay trên lãnh thổ Huê-kỳ.

Một bộ phận cuối cùng làm cho trái ba lông nổ tan khi đã thả hết bom. Nhưng bộ phận này thường thường bị kẹt, nên có độ 10% khinh-cầu rơi nguyên vẹn xuống đất, tiết-lộ cơ-cấu bí mật của nó.

Cứ trong một toán khinh-cầu thả cùng một lúc thì có một chiếc mang một máy phát thanh. Theo tín-hệ do chiếc máy ấy phát ra, người Nhật nhận biết đoàn khinh-cầu đã đi đến đâu rồi.

Người Nhật cũng có làm thử một ít khinh-cầu vỏ bằng cao su song thứ khí-giói này không tốt bằng thứ làm bằng vỏ giấy.

Khi được tin chiến-thuật "khinh-khí-cầu" đã được áp-dụng tất cả dân chúng Mỹ đều tự-đề-phòng, và chuẩn bị chiến-tranh vi-trùng. Một kế-hoạch được thảo

luận và áp-dụng cấp-tốc. Tại miền rừng khô, cỏ cháy, rừng thông, nhiều biện-pháp phòng-hỏa được đưa ra huấn-luyện cho dân chúng.

Nhưng có một điểm đáng chú-ý, là tất cả đài-phát-thanh và báo-chí không-bao-giờ nói đến vụ đó, có lẽ sự kín-mòm kín-mị vụ này đã cứu-vãn-tình-thế. Trong lúc ấy các trẻ nít bắt-gặp khinh-cầu thường chơi nghịch, có nhiều tai-nạn đã xảy-ra. Có một số người chết. Nhưng những chỉ-thị cho các trường-học được ban-bổ kịp-thời và các giáo-sư, cảnh-binh cùng nhân-viên-thủy-lâm-hợp-tác rất-đặc-lực, để ngăn-ngừa dân chúng.

Bỗng nhiên tháng 4 năm 1945 Nhật-bản đình-chỉ các cuộc-phóng khinh-cầu. Lý-do là Nhật-bản không có một máy-may gì tin-tức mách-báo hiệu-quả của thứ khí-giói mới. Chính-phủ và Ban-tham-mưu cho rằng thứ khí-giói này không-thâu-lượm được-thắng-lợi nào cả nên đã-ra-lệnh đình-chỉ công-tác cho Đại-Tướng KUSA-BA, trưởng-ban-tạo-tác và phóng khinh-cầu.

Sự-thật là vì báo-chí và vô-tuyến-truyền-thanh Huê-kỳ đều nhất-luật im-hơi-lặng-tiếng về vụ khinh-cầu đã-xáo-trộn không ít kế-hoạch phòng-thủ-lãnh-thô của họ. Chỉ có một lần, lần mà quả khinh-cầu rớt xuống xứ Montana

là được tiết lộ mà thôi. Rồi từ đó bắt tin luôn.

Nên bạn tham-muru Nhật kết-luận :

• Kinh-khí-cầu của Nhật chẳng bao giờ rơi xuống lãnh-thổ Huê-kỳ. Nếu không báo-chí Mỹ đã làm rùm beng. Người Mỹ ít khi dấu kín được một sự bí-mật hay một biến-cố nào quá lâu như vậy !

Lời kết-luận sai lầm ấy đã cứu-vãn tình-thế. Nếu không, các kinh-cầu sẽ được cải-tiến, gắn thêm máy điều-khiển vô-tuyến v.v... biết đâu cục-diện lại không thay đổi ?

Sau khi đọc các tài liệu do đại tướng hồi hưu W. Wilbur tiết-lộ sau chiến tranh, kẻ viết bài này nhân dịp qua du lịch nước Nhật may gặp được một cựu tướng-lãnh của Quân-Đội Nhật-Hoàng, nhân nói đến chuyện kinh-khí cầu, tôi tò mò hỏi :

— Thế các thợ-thuyền làm

kinh khí cầu ấy bây giờ làm nghề gì ?

Ông ta mỉm cười vui vẻ đáp :

— Làm lồng đèn giấy ! Môn hàng này xuất-cảng ra ngoại-quốc khá mạnh mà khỏi cần kinh-khí. Hiện nay nó cũng tràn ngập nhiều thị trường. Nhưng công-dụng của nó thái bình hơn là ngoại-lai hóa hay thi-vị hóa những đêm liên-hoan hay góp phần vào cách trang-trí những căn nhà ấm cúng... thế thôi !

Tôi chợt nghĩ một tiểu công-nghệ nếu biết cách áp-dụng và tổ chức có thể trở nên một ngành kỹ-nghệ cứu quốc hay chiến tranh. Sự giải-thoát cần gì phải tìm đâu cho xa !

Tôi vùng cười lớn khi sức nhớ lại nước mắm và thuốc Lào, và tự hỏi các thứ « phẩm-vật » ấy có cơ biến thành một thứ khí giới cứu quốc được chăng ?

Tokyo, mùa anh đào.
28-3-1959.

* PHƯƠNG PHÁP RỬA SẠCH LÒNG THÙ OÁN

Một nhà truyền giáo đến một nơi hẻo lánh để dạy dỗ một bộ-lạc chưa biết văn-minh là gì. Dân ở đó dữ tợn vô cùng hay thù oán và giết chóc lẫn nhau.

Thời gian qua, muốn biết kết quả công việc của mình, nhà truyền giáo họp các con chiên lại hỏi :

— Trong các con người nào đã bỏ được lòng thù oán thì hãy đứng lên.

Chỉ có một ông già đứng dậy. Giáo sĩ hỏi :

— Con nên cho mọi người biết, con đã làm thế nào để bỏ được lòng thù oán ? Ông già đáp :

— Không có gì khó khăn cả, đứa nào thù tôi thì tôi giết chết hết !

Con chim trong tù

Đêm tù say bê-bối,
Rượu ai đãi nhà-thờ ?
Rượu uống thắm trong tôi...
Thơ chép thắm trong mơ...

★

Men rượu cất đây hu,
Men thơ ủ đây tim...
Lần bên tường máu ngu
trong một xó xà lim.

Đêm khuya thơ réo-rát
Muốn thoát ngục ra liền.
Tim tôi khg công sắt,
thơ tôi khg bị xiềng.

Bạn tù ngủ thim-thíp,
Nàng-thơ dậy, nao-nao,
Nghe chim kêu chip-chíp.
Nơi cửa sổ nhà-lao.

Chim đứng nhìn một lúc.
Nàng-thơ hỏi chim con :

— Em đến nơi cửa ngục
Làm gì trong đêm hôm?

Chim kêu - dăng rử - rử,
Mãng hổ nghe say - sữa:

— Em đến thăm thi - si,
Tặng cho chàng giấc mộng.
Em đến thăm thi - si,
Hát cho chàng câu thơ.

— Em quên chàng ^{từ} đâu?

— Em quên từ muôn thuở!
Từ khi nắng pha màu,
Từ khi hoa chớm nở,
Từ trời nhạc mùa thu.

Lời ~~chàng~~ chàng hát êm - êm,
Điêu - ous ca tê - tê?

Chàng là chim, như em.

Em như chàng, thi - si.

Em ca - hát liêu - lo
Trong mây ngàn gió nội,
Chàng say - sữa từ - do
Trong cuộc đời gió - bụi.

Em vẫy - vùng non - nước,
Chim của trời muôn phương;
Chàng mãi - mê cắt bước,
Ngồi cửa gió muôn hương.

— Em vắng chàng bao lâu?

— Em vắng chàng từ thuở?
Chàng bị đầy phương nào,
Từ khi lên Hoa No?

Không thấy bóng chàng đâu!
Đã bao lần nắng thâu,
Không nghe tiếng chàng ca,
Đã bao rừng núi thâu
Không thấy chàng Kông - pha!

— Chàng đang nằm ngục tối,
Rét không chiu, không mền...

— Chàng không ai an - ủi
Trong giấc sâu cô - miên?

— Trông khó vào ngục - thất,
Gió thoảng ngoài Kà - lim.
Đồi vách tường cao - ngất
Mù - mịt trong thâm - nghiêm.

Đêm đêm chàng tỉnh giấc,
nghe lệ trào trong tim;
Ngày ngày chàng reo rất
Vất giọng buồn như chim...

★
Bỗng một tiếng súng nổ!
Vút bay biến chim con,
Đế rơi trong cửa sổ
Mờn-mờn mây lông non!

Ngoài trời mưa sao-xát,
Cây đổ lá trên sân.
Tiếng chim kêu bi-đát,
Còn muôn gọi thi-nhân.

Sáng ngày gió hieu-hắt,
Một bụi cỏ đơm bông;
Xác chim nằm lạnh ngắt,
Một vết máu trên lông!

★
Chim ơi! Đợi nghe-sĩ,
Chết, mang hận nghìn thu!
Đây chút tình tri-kỷ;
Mây vẫn tho hoang-vu!

(1940)

Ng. H.

THẾ NÀO LÀ GIỜ QUỐC-TẾ G.M.T.?

★ N.H. HIỀN

HÙNG ta thường
nghe nói đến giờ
quốc-tế. G. M. T.
Vây «giờ quốc-tế»
khác «giờ địa
phương» như thế

nào. Nhiều bạn thắc mắc câu vấn
nạn đó. Chúng tôi xin mạo muội
giúp bạn giải đáp thắc mắc ấy
trong mục báo này.

Trước nhất, ta hãy nói đến giờ
giấc áp dụng tại Việt-Nam
trong những năm qua.

Kể từ năm 1941, thì giờ ở Việt-
Nam đã thay đi đổi lại nhiều lần:

— Năm 1941, vắn nhanh lên 1
giờ.

— Tháng 3-1945, lại vắn nhanh
thêm 1 giờ nữa. Cộng là 2 giờ.

— Tháng 9-1945, người ta lại
thấy giờ giấc chậm lại 2 tiếng
(như cũ).

— Năm 1947, nhà cầm quyền
quân-sự Pháp ở đây lại cho vắn
nhanh lên 1 giờ.

— Rồi Chính-Phủ Việt-Nam
Cộng-Hòa hủy bỏ quyết định ấy,
lấy lại giờ như cũ.

— Có lẽ do «sự thích hợp»
riêng mà thì giờ bị đảo lộn như
thế. Vì nếu chỉ muốn lấy giờ đúng
mà phải thay đổi như thế thì
chưa chắc giờ nào là đúng. Vây
chúng ta cần tìm hiểu thế nào
là giờ đúng.

Ngày xưa người ta có thói quen
lấy giờ ở bóng mặt trời. Các ngày
Xuân-phân, Thu-phân (équinoxes
de Printemps et d'Automne) khi
mặt trời đứng bóng trên kinh-
tuyến không (zéro). Lúc đó đồng
hồ phải chỉ 12 giờ.

Khoa học tiến triển, người ta lại
thay đổi cách lấy giờ theo độ-số
địa cầu, bằng vào sao Trinh-Nữ
là ngôi sao đứng yên. Hàng năm,
do kinh-tuyến không, thiên-văn
đài đo lường sự thay đổi góc
cạnh của sao Trinh-Nữ, của địa
cầu và của mặt trời, rồi đối chiếu
cùng kinh-tuyến vũ-trụ để lấy
giờ mặt trời cho đúng.

Vì thế người ta phải đặt thiên-
văn đài trên một địa điểm ngay
giữa kinh-tuyến không, như vậy
mới lấy được giờ đúng theo
mặt trời.

Trên thế giới hiện có một đài gần kinh-tuyến không. Đài này của Anh-quốc được coi là gần kinh-tuyến không nhất. Đài này có tên là « Greenwich Meridian Time » (viết tắt là G.M.T.). Do đó người ta có thói quen gọi giờ G.M.T. để chỉ giờ quốc-tế.

Nói thế giờ G.M.T. đã hoàn toàn đúng chưa ?

Theo thiên kiến người viết những giòng này, giờ đó cũng chưa thật đúng hoàn toàn, nhưng tương đối phải nói giờ của đài này đúng hơn giờ các đài khác.

Bây giờ ta thử tính « giờ địa phương » với « giờ quốc-tế » cách nào cho đúng.



★ DƯƠNG PHU !!!

Trong một buổi họp thân mật giữa nam sinh và nữ sinh, và sau khi hoàn tất xong việc hoạt động hiệu đoàn, không khí khôi hài buổi họp lại nổi lên...

Một nam sinh ranh mãnh đứng dậy đưa ý kiến :

— Tôi đề nghị B.Q.G.G.D. bỏ môn Dương Nhi, các chị có đồng ý chẳng ?

Một nữ sinh phản đối :

— Việc chúng tôi, can gì đến các anh ?

Anh nam sinh cãi bướng :

— Và thay thế vào đó môn « DUỠNG-PHU », vì chúng ta thấy, người con gái trước khi có con phải có chồng. Vậy nữ sinh trước khi học Dương Nhi phải học DUỠNG-PHU !!!

« Vị » nữ sinh lúc này cũng không kém :

— Các ông lớn « sàm-sàm » như thế mà bảo chúng tôi « dưỡng » đây ? ? ? !!!

(Cả phòng họp cười ồ lên).

Chúng ta thấy Saigon ở trên kinh-tuyến 107/ Đông, như vậy mặt trời mọc ở Saigon trước Greenwich 7 tiếng tròn (cứ cách nhau 15 độ trên kinh-tuyến không là khác nhau 1 giờ).

Ví dụ : Khi chúng ta lấy giờ Saigon lúc 1 giờ trưa thì giờ tại đài G.M.T. là 6 giờ sáng. Hoặc giờ Saigon chỉ đúng 7 giờ tối thì giờ tại đài G.M.T. chỉ đúng 12 giờ trưa.

Đó là cách trình bày đơn giản về giờ quốc-tế G.M.T. vậy.

THI THOẠI VỀ NGUYỄN - CÔNG - TRỨ

★ của SONG LINH

Nói đến Nguyễn-công-Trứ không ai còn lạ gì. Tôi chỉ xin kể trong bài này một vài giai-thoại về nhà thơ ấy mà thôi.

Theo một vài đoạn dật sử thì vào triều vua Minh-Mệnh có ông Hà-tôn-Quyền là tay văn tài nổi tiếng, thuở nhỏ người ta thường gọi tên là thần đồng. Khi ra làm quan ông thường chơi thân với NGUYỄN-CÔNG-TRỨ. Một bữa hai người gặp nhau, HÀ-TÔN-QUYỀN đọc một câu rằng : « Quán tử ô kỳ văn chi TRỨ ». Ông Trứ liền xuất khẩu đọc ngay : « Thánh nhân bất đắc dĩ dụng QUYỀN ».

Lại một hôm trời mưa, đường trơn lầy lội, ông cùng đi với một vị quan là Tổng đốc Lê-văn-Đức, chẳng may bị trượt chân ngã, mũ mũ bắn tung, áo quần bê bết những bùn. Vị Tổng-dốc thấy vậy không nhịn được cười rồi hỏi ông làm sao vậy : Ông cứ nằm ngửa ở đất bùn mà xuất khẩu đọc rằng : « Dang tay với thử trời cao thấp. Đuối cổ do chơi đất vắn dài ».

Câu ấy đến nay vẫn còn truyền tụng.

Có lần ông về hưu dừng đình trên lưng bò vàng, có mấy tiểu đồng đề chòm cầm bình rượu túi thơ và điếu đóm theo hầu ông. Ông gặp mấy ông cử ở ngoài Bắc vào kinh thi hội, đang nghỉ ở một cái quán bên bên đường, và đang bàn luận về thơ văn. Ông cũng vào quán nghe rồi tự xưng là người quê mùa, nói :

— « Lão có bài văn mới làm xin đọc hầu các quan nghe, nếu có dở xin các quan chỉ giáo cho »

Mấy ông cử nhìn nhau cười, đoạn đáp :

— « Ông lão quê mùa mà cũng biết làm văn ư, ừ thử đọc nghe nào ».

— Ông bèn đọc : « Sông nhị-hà sâu 35 trượng rươi, cá ăn cá béo, chim chẳng ăn đặng chim bay về đậu núi chí Hoàng Sơn, nhớ thuở xưa vua Thần-Nông giá sắt, vua Đế-Thuần canh vắn... Cùng quẳng, cùng quẳng, cùng quẳng, tổng bắt ngoại bò vàng chi liếm là... »

Bài văn đọc nghe xôm mà văn chương lại nhịp nhàng khiến mấy ông cử gật đầu tặc tặc khen hay không ngớt, nhưng thực ra không hiểu nghĩa là gì, mà cũng không si dám nói ra chỉ sợ nhờ các bạn chê mình dốt. Thực ra ông đọc bừa một bài vô nghĩa chỉ cốt ý diễn cái lối văn thôi sao văn vẻ mà rỗng tuếch của các quan cử nhà ta.

Còn nói đến tài kinh bang của ông, thì triều đình ai cũng phục cái công nghiệp của ông. Duy có ông Cao-bá-Quát là không phục mà vẫn có ý chê là tầm thường, không có gì đáng để được khâm phục.

Khi đó Nguyễn-công-Trứ đã 70 tuổi, làm Phủ Doãn ở Thừa Thiên dâng sớ về triều xin hồi hưu, bên tờ sớ ấy còn lưu dẫn một bài thơ quan triều họa lại nhiều lần. Bài thơ đó như sau :

« Nhật đối chi tào tự giải hy,
Kim Ngô bất tặc cổ ngô thì.

Tùy cơ khởi lối cung nhân liến,
Trúc ký niên hoa giới cổ hy.

Lão thực bất kham trang diện
mục.

Anh hoa an dụng nhiệm tu tỷ.
Tư tâm hào mạt hồn vô trạng

Tiểu sát Hồng-Sơn hữu thị phi ».

Nghĩa là :

« Ngày đối bày con nhích mếp
cười,

Trước sau ta vẫn hẳn hai người.

Máy xoay người chạy thân trở
rồi,
Ngira đuôi già lên tuổi bảy
mười

Mặt mắt chỉ yên phần lão phác,
Mây râu thềm phải nhuộm hoa
trôi.

Mây may công trạng gì đầu có.
Phải quấy non Hồng đáng hồ
người.

LỤC THỂ (dịch)

Riêng ông Cao-bá-Quát vẫn không phục, mà còn coi cái công ấy là chưa đáng kể, bèn họa lại thế này :

« Quán sơn nam vọng độc chi hy

Điều tường tiên sinh vị lão thì,

Tự cổ anh hùng ngộ da di,

Như Kim Xỷ đức kiến ứng hy.

Thường đa thế vị chung tu tửu,

Cấm đoạn sương ba bất thương
lij.

Vân đạo Hồng-phong dục hồi
thủ.

Khởi ứng lục thập cửu niên phi ».

Nghĩa là :

Non nam nghênh mặt vẫn cười
thâm.

Nhớ lại tiên sinh lúc nhỏ xem.

Vân gặp anh cùng chường lấm vẻ.

Người gồm xỷ đức dựng bao
lăm.

Nếm nhiều mùi thế cần pha
rượu.

Cấm hẳn hoa sương chẳng đến
cầm.

Nghè nói núi Hồng quay cổ lại.
Lẽ đầu sáu chục chín năm làm ?

LỤC THỂ (dịch)

Một người tài ba anh hùng
như ông Quát thường bao giờ
cũng mang trong lòng một hoài
bảo vĩ đại và khí phách riêng nên
không chịu phục ai bao giờ.

Nhưng cứ nhìn lại cái công
nghiệp và cái lòng kiên nhẫn của
ông Nguyễn-công-Trứ thì ta nên
noi theo cái gương sáng của ông
để lập thân cho có danh tiếng
với núi sông.

Và cũng nên giữ cái khí tiết
của mình như ông Cao-bá-Quát

để khỏi mang tiếng là kẻ đua đòi
xua nịnh.

Ở đời này điều cần tránh cho
ta là không nên vì một người
sang trọng hay có uy lực quyền
thế át được ta mà ta tăng bốc họ
quá đời để làm mất cái liêm sỉ của
mình. Mà cũng không vì thấy
người có công, có trí lập danh
khác mình mà đem pha châm biếm.

Ta hãy lấy cái công tâm của
người quân tử biết liêm sỉ mà suy
xét việc đời ở trước mắt hàng
ngày.

Gương hai ông Nguyễn-công-
Trứ, Cao-bá - Quát âu cũng là
một bài học hay cho ta vậy.

★ TẠI ĐỀ HOÀI..

Trên đại lộ Lê-Lợi, một buổi sáng chủ-nhật, hai bà gặp nhau
nơi đèn xanh đỏ :

— Ủa cô Ba, lâu mới gặp cô. Sao mà ốm tong ốm teo thế ?

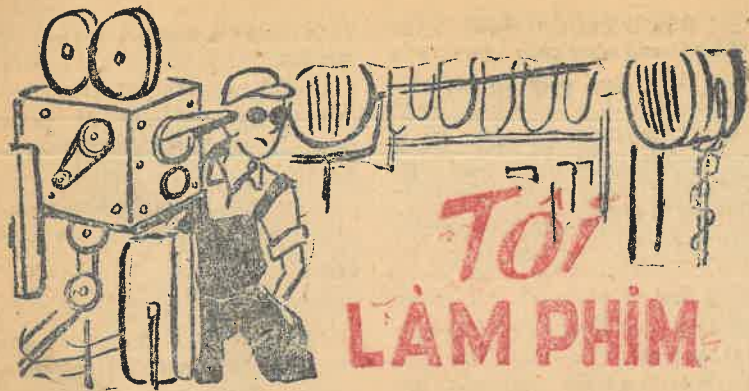
— Tại ghen hoài mà chị Hai !

— Nói chi mà kỳ cục vậy ? Ghen hoài mà năm nào cũng để sồn
sồn không dứt ?

Mặt cô Ba buồn thiu :

— Thì tại năm nào cũng để nên mới ghen chứ. Thằng chả cứ
mỗi lần đụng tới là em mang bầu liền, thế rồi chả thông thả đi bắt
bồ với các em út lu bù, không ghen chịu sau nổi.

TÚY-KHA (Thị-Nghè)



XẢO-THUẬT. — Mờ lẫn — Rõ lẫn — Màn đen và Màn trong — Hoạt phim.

(Tiếp theo P.T. số 11)

CÓ một số báo-chi, điện-ảnh đã nói rõ về các xảo-thuật của điện-ảnh, một vấn-đề khá phức tạp và đòi hỏi một trình độ kỹ-thuật khá cao.

Bên Âu Mỹ chuyên viên xảo thuật cũng quan-trọng như chuyên viên bài-tri. Và trên nhãn phim tên của các chuyên-viên xảo thuật vẫn được ghi rõ.

Nếu một cuốn phim không có xảo-thuật phụ giúp thì coi rất nhàm. Đó là những điều chấm phẩy của một câu chuyện cho thêm vẻ duyên-dáng. Những đoạn sang màn, chấm dứt, mờ dần, nối hai thời gian, nếu không có xảo thuật thì thật là quá đột ngột, nhiều khi khán-giả không hiểu nữa.

Kê ra xảo thuật đã đem lại không khí rùng rợn (như phim Planète interdite, La Mousson, Barrage contre le Pacifique v... v...) hay mê ly...

Đầu tiên, các bạn cũng biết cách vẽ đề gọi là fondu, fondu à l'iris, fondu enchaîné v...v... thực hiện bằng cách che ống kính hay khoa học

hơn bằng cách tẩy éga-tif cho hình nhạt dần. Phần nhiều loại xảo thuật này chỉ thực hiện trong phòng tối. Có máy in riêng, bạn chỉ có việc lắp từng đoạn vào những hộp riêng rồi cho máy chạy. Hình «ngược» khi in ra xuôi sẽ theo ý của bạn. Cách in hình này, hiện nay ở Việt-Nam đã làm được.

THAI-THỨC-ĐIỆN

Đây là cách in hình ngược ra xuôi và cách fondu thực hiện bằng phương pháp mờ đèn in cho ăn đậm và lọt tùy bạn. Ví dụ bạn muốn fondu rất ngắn, nghĩa là 48 vues (hình). Bạn phải mờ đèn từ sáng đến tối trong một khoảng là 48 hình. Bạn cho positif chạy lùi, dứt đoạn phim sau cho in từ tối đến sáng cũng chỉ 48 hình thôi.

Khi rửa hình ra bạn sẽ thấy những hình của đoạn trước lu mờ dần trong khi các hình của đoạn sau đi từ mờ đến rõ dần. Đó là cách in chổng, nếu bạn không muốn cho in chổng (fondu enchaîné) thì bạn cứ in nối đuôi (fondu fermeture et ouverture).

Có nhiều đoạn phim bạn thấy hình nhỏ dần rồi đổi qua màn khác đi từ nhỏ đến lớn trong một cái vòng tròn, hình vuông hay hình thuận v...v... hay hình như có chiếc que gạt ngang như cách cuốn màn đều in theo phương pháp kể trên, duy négatif hoặc đục vuông hay tròn thung ra, rồi in chổng cùng một lượt.

Bạn có thể xét hiệu vi trong máy in có những chiếc kính condensateur fixe hay réglable (có thể sửa đổi tiêu cự) và những đoạn phim négatif lắp vào cùng một lúc, chạy qua cùng một lúc sẽ rọi hình rất rõ xuống đoạn phim positif nhờ các chiếc condensateur (tụ kính). Công việc in này rất tỉ mỉ và mỗi đoạn phim cần in như vậy phải được ghi chú rõ-ràng: số ánh sáng đèn in,

fondu mấy hình, độ (degré) của gamma v...v... nơi một miếng giấy dính vào hộp phim «ngược» Nếu làm-lần, rất tai hại. Độ của gamma cần thiết nhất sẽ nói một kỷ sau.

Có một điểm bạn phải thắc mắc là tiếng, tiếng phải in thế nào? Cho đúng nhịp. Cần phải nói rõ rằng tiếng «ngược» nằm vào một cuốn phim riêng. Khi so tiếng, người thợ so đã biết trước những đoạn phải in chổng, in mờ, fondu v...v... thì cứ mỗi đoạn mất mấy hình, cộng lại ngắn đi mất tất cả là mấy hình... rồi người thợ so nhích lên nhích xuống cho đúng vào chỗ có tiếng nói, há miệng, khói súng bay ra v. v. . súng nổ, tiếng cửa đóng v...v... Xong rồi mới vô tiếng lại nơi một bande riêng. Bande này bề dài đúng với bề dài của phim positif sẽ đưa ra chiếu sau khi rửa, nghĩa là đã trừ các khoảng fondu v...v... Công-việc này rất tỉ-mỉ và phải khéo léo, nhẫn-nại, bình-tĩnh.

Nhiều phim mà bạn thấy nhai nhóp-nhép hàng giờ mới nói là lỗi tại thợ so, chứ không phải là đạo-diễn (tội nghiệp). Đầu bande tiếng và đầu băng négatif hình có đánh dấu đàng hoàng. Nếu in trật độ 6 vues (hình) là đã thấy nhóp-nhép rồi (với cặp mắt của chuyên viên).

Cho nên khi fondu mà gặp nhạc đệm, (cũng là một điều may) nhưng lắm khi đề nhạc đệm sai thành-thủ nghe rất tức cười

Ví dụ một màn vui fondu qua một màn buồn, mà nhạc đệm khi bắt đầu fondu cứ để vui mãi thì hết hay. Đây là biệt tài của anh thợ so, cắt tén, vén khéo....

Trở lại vấn đề xảo thuật, căn cứ của xảo- thuật là màn đen và màn trong.

Màn đen để không ăn vào film négatif. Màn trong để thực-hiện những bối cảnh (đường đồng, cảnh xa khó đem cả đội tới chụp tại chỗ).

Tuy nhiên có nhiều điều kiện kỹ-thuật phải tôn trọng : Về màn đen phải để ý đến bề sâu, phía ánh sáng (buổi mai, buổi chiều...) nếu không, hai hình-ảnh không ăn khớp với nhau. Cần phải để ý đến độ-sáng sự hình ảnh không đều.

Về màn trong, các bạn cũng đã rõ : một bức màn mờ phía sau có một chiếc máy chiếu một phong cảnh đã chụp sẵn từ trước. Phía trước tài-tử đóng trò. Chiếc máy quay vừa lấy hình của tài-tử vừa lấy cả hình chiếu lên chiếc màn trong.

Tỉ-dụ như hai tài-tử ngồi trong chiếc xe hơi chạy tới, phía sau có cánh cửa sổ nhỏ, chúng ta thấy hiện lên nào xe cộ đi lại, nếu là ban đêm thì có ánh đèn nhấp-nháy, thỉnh-thoảng có ánh đèn rọi sáng một lúc quét ngang qua mặt các tài-tử.

Nhưng có một điều-kiện kỹ-thuật cần phải để ý là ánh đèn rọi vào tài-tử không làm cho

bức màn trong sáng quá không đủ bóng tối để hình ảnh rọi ra cho rõ. Và lại chiều đến của ánh sáng phải y như thật và phải «mi» cho đúng để các hình ảnh ăn rõ vào mặt thuốc.

Tuy nhiên có một điều quan trọng là tốc-độ của chiếc máy chiếu phải giống như tốc-độ của chiếc máy quay và mỗi khi bấm chạy là hai chiếc cùng chạy một lần nghĩa là hai chiếc máy (quay và chiếu) phải mở con người ra và đóng con người lại y như nhau, nếu không sẽ có sự cách biệt sai chày, cái thì đóng cái thì mở, hình ảnh không thể ăn vào mặt thuốc (hình ảnh của máy chiếu mà thôi còn tài-tử cố nhiên là ăn vào mặt thuốc rồi). Bởi vậy nói thì dễ thực-hiện rất khó, phải quen tay quen mắt biết cái tật của hai chiếc máy và hình ảnh lấy từ trước phải rõ-ràng để khi chiếu lên màn trong cho rõ-rệt.

Một tỉ-dụ : Người Không-Lễ để lộ một kỹ-thuật non nớt lời cả xảo- thuật không làm cho ta thỏa-mãn.

Phương-pháp màn trong còn dùng để quay đề tựa (Titre) và làm xảo thuật cho các đoạn quảng cáo.

Bạn thấy các chữ lật lên lật xuống ; xoay qua, xoay vào, chạy ra trong khi hình ảnh vẫn rõ-rệt tài-tử diễn xuất ở sau. Nhất là quảng cáo các phim Ấn-Độ hay dùng xảo- thuật.

Các chữ ấy được viết vào từng miếng mi-ca trong đặt lên một miếng vải đen rồi chụp. Chụp xong đem ráp nối và so với những đoạn phim sẽ đem làm quảng cáo. Rồi đem in. Khi chụp phải coi chừng ánh đèn chiếu không đều thành thử có chỗ đậm chỗ lợi nhiều khi lại có bóng hay run run.

Phương-pháp « mi-ca » này được áp dụng vào cách thực hiện các hoạt phim (dessins animés). Các hình đều vẽ lên mi-ca, đặt theo từng plan trước sau cho có cảm giác bề sâu. Ví dụ

con Mickey đi dạo chơi.

Người ta vẽ con Mickey trên một tấm mi-ca. Phong cảnh vẽ lên một miếng mi-ca khác, nhả cửa lên một tấm khác...v.v... Cứ mỗi cử chỉ lại thêm một tấm.

Khi chụp thì chụp từng hình một (vue par vue) mất công và lâu lác lác. Phải thay theo thứ tự. Cứ mỗi động tác là thay một tấm mi-ca. Căn-bản là 24 hình trong 1 sao.

Về cách chụp tit, sẽ nói kỹ trong một kỳ sau.

(Còn nữa)

★ ĐỘI HƠN TRUNG-SĨ CHỮ !

Trong lúc ngồi đợi xe lô chạy, hai bà hành-khách nói chuyện đặng giết thì giờ. Hết chuyện người đến chuyện mình, một bà hỏi bà bạn mới:

— *Bác giai nhà ta làm gì nhỉ ?*

— *Nhà tôi đóng Đội, thế còn bác giai bác ?*

— *Nhà tôi đóng Trung-sĩ.*

Bà vợ ông Trung sĩ thắc mắc hỏi :

— *Trung sĩ có bằng Đội không nhỉ ?*

Bà vợ ông Đội vênh mặt :

— *Đội hơn chứ !*

★ ĐẠI HAY KHÔN ?

TÚY-KHA (Thị-Nghè)

BA : *Thằng Mít nó lấy cắp chiếc Mô bi lét của mày. Mày biết rõ là nó gửi ở hiệu chữa xe để sơn lại. Tại sao mày không cầm hóa đơn xe đến Cảnh sát mà trình ? Xe mô bi lét có đúc số ở khung máy, do đó mày sẽ lấy lại được xe dễ dàng. Sao mày còn chần chờ đợi đợi thế ?*

NÂM : *Ông nội ơi ! Bộ tao mà còn đại hả ? Sở dĩ tao chần chờ chưa đi báo Cảnh sát là tao còn đợi để nó sửa lại bộ đèn và thay hai cái vành bánh tám lốp đã !*

VÀI DÒNG

SỬ VIỆT

★ HUỖNH THANH-TÔNG

CHIẾN tranh lan tràn các tỉnh miền Đông Nam-kỳ do quân Pháp chiếm đóng. Người dân lâm than đau đớn. Sĩ phu căm hờn uất hận trước cơn mất nước nhà tan.

« Tò le kèn thổi tiếng năm ba,
Nghe lọt vào tai dạ xót xa.

Uốn khúc sông rồng mù mịt
khói,
Vẳng ve thành phụng ủ sầu
hoa.

Tan nhà căm nỗi câu lý hận,
Cát đất thương thay cuộc

giảng hòa.
Gió bụi đời cơn xiêu ngã cỏ,
Ngậm cười hết nỗi nói quan ta.

(Cử nhân PHAN-VĂN-TRỊ)

Miền Đông lúc bấy giờ rối rắm, ngày ngày tiếng súng nổ vang rền như thúc giục, như kêu gọi quân, tướng lãnh ta đầu hàng.

Đạn súng giặc dù thép nhưng tinh thần yêu nước của dân Việt có 4 nghìn năm lịch sử cũng bao phen cầm cự đến phút cuối cùng của thành thất thủ trong khói đạn ngút trời.

Sĩ phu ngày đêm toan tính. Nào Võ-duy-Dương, Trương - công-Định, Nguyễn-trung-lực, Thủ-khoa-Huân, Phao-thanh-Giản thà chết còn hơn đầu giặc.

II— Tướng Rigault de Genouilly tấn công thành Gia-Định.

Trung tướng thủy quân Pháp là Rigault de Genouilly đã đánh Đà Nẵng tháng Giêng 1859 (Kỷ Mùi) tức năm Tự-Đức thứ 12. Tướng Pháp thấy đã đánh mấy

ngày mà chưa lấy thành Đà Nẵng, mới hội các tướng lãnh bàn nghị sự đem binh vào Gia Định để dễ tiến ra Huế bắt vua Tự-Đức ký hòa ước nhường đất cho Pháp.

Tiến vào cửa biển Cần Giờ ngày 10-2-1859 tàu Pháp và Y-pha-Nho gồm tất cả là một đội trong số ấy có 2 chiếc Phlé-gé-ton, Primauguet yểm trợ bắn phá.

Súng đại bác bắt đầu từ sáng tinh sương nả đạn vào đồn Vũng-Tàu của Thống chế Trần-Đông.

Phải biết lúc bấy giờ ta cũng có đại bác vậy nhưng thô-sơ cũ kỹ. Tầm đạn đi không xa thì trong lúc ấy Pháp quân lợi dụng lúc súng ta không có tầm đạn xa, cẩu tàu xa nả vào. Biết tình thế nguy ngập Trần-Đông tay cầm gươm đốc suất quân binh chống trả nên chẳng may bị đạn bỏ m nh. Thế là quân mất tướng tựa rạn mất đầu, không còn qui cũ giặc đồ bộ tràn vào chiếm thành.

Tàu giặc vẫn tiến dưới lệnh của tướng Rigault de Genouilly vào sông Đồng Nai bắn phá liên tiếp các đồn đóng theo ven sông. Tàu tiến sâu vào nội địa với lực lượng hùng hậu dễ vây riết thành Gia Định vào ngày 15-2-1859.

III— Sáu tỉnh miền Nam.

Thời bấy giờ miền Nam có

Sáu tỉnh tục gọi là Lục Tỉnh.

1— Gia Định, 2— Biên Hòa, 3— Định Tường, 4— Vĩnh Long, 5— An-giang (Châu Đốc), 6— Hà Tiên.

Các thành này do quan Tổng Đốc cai trị và trấn thủ theo sắc vua ban.

Các tướng lãnh trấn thủ sáu thành có :

1— Gia Định quan Tổng Đốc Võ-duy-Ninh.

2— Biên Hòa quan Tổng Đốc Nguyễn-đức-Hoan.

3— Định Tường quan Tổng Đốc Nguyễn công Nhân.

4— Vĩnh Long quan Tổng Đốc Trương-văn-Uyển.

5— An-giang quan Tổng Đốc Phan-khắc-Thân.

6— Hà Tiên quan Tổng Đốc Nguyễn Đình.

VI— Gia Định thất thủ :

Võ duy Ninh tử trận. Định-Tường, Biên Hòa kế tiếp mất luôn.

Tổng Đốc Võ duy Ninh giữ thành Gia Định đã biết trước thế nào giặc cũng đánh thành, nên ông cho người sửa sang lại thành trì, đắp thêm chiến lũy, sửa lại vũ khí, luyện tập quân binh ngày đêm, phòng ngừa các nơi hiểm yếu.

Nhưng sức mạnh của giặc như vũ bão, đánh mau đánh mạnh nên thành thất thủ vào ngày 17-2-1859 sau hai ngày Việt quân chống trả anh dũng Chiến hào đẫm máu, tay kiếm lăm-lẻ, miệng hét quân binh chống trả nên Võ-duy-Ninh tử tại trận tiền. Thế là Gia Định thành mất một tướng lãnh cương-kiên, nước Việt mất một người dân dũng lược

Pháp quân tràn vào như nước vỡ bờ, hai bên đánh xáp lá cà nhưng ta núng thế rút lui. Lấy được thành quân Pháp đồn trú tại đây một mặt sửa sang lại thành quách, một mặt dụ hàng.

Quân nghĩa đông hay tin thành thất hợp lại cùng nhau, hay từng đội một đánh cùng Pháp quân. Có lúc họ đánh ra mặt, có lúc dùng chiến-thuật du kích cho nên Pháp quân dù chiếm đặng thành nên lòng dân chưa thuận nên cũng không làm chi được với vòng vây âm thầm của Việt quân nghĩa đông bủa rảo-riết suốt từ tháng tư năm 1859 đến tháng 3 năm 1861 dương lịch. Họ vẫn cố thủ chờ viện binh, ta cứ đánh cố làm cho họ lui, hai bên dần co chiến đấu. Tang tóc đau thương trùm lên miền Đông, tiếng hòan đêm đêm

lẳng vọng sông Đồng, sông Cửu, đất Tháp như than van, như kêu gọi lòng ái quốc.

Đêm tháng 4-1861 viện binh do Trung tướng Charner đem qua với 68 tàu chiến, 474 đại bác trong số ấy có tàu **Espérance**, thủy quân là 12 đại đội và 3.500 thủy quân lục chiến.

Họ hạ được đồn Chí Hòa và các đồn đóng quanh thành Gia Định vì họ được lợi thế Pháp xuống chiến thư bắt buộc triều đình ta phải bãi binh và bồi thường chiến phí, nhường đứt Gia Định, Định Tường, Biên Hòa cho Pháp và cho phép các Giáo Mục truyền đạo Thiên Chúa v.v... Quá nhục nhã với những điều kiện trong chiến thư nên triều đình ta một mực chối từ. Thế là tướng Charner dùng toàn quân chủ lực tấn công Định Tường, Biên Hòa vào ngày 14-4-1861 sau 3 ngày kịch chiến dưng liệt.

V— Xuống chiếu Cần Vương.

Vua Tự-Đức xuống chiếu Cần Vương. Một mặt chiêu nạp những người nghĩa đông, giục thúc lòng yêu nước của toàn dân.

Vua ngày đêm toan tính, mất ăn, mất ngủ, chờ đợi các đạo Cần Vương hưởng ứng, nghĩa đông ra tay hầu lấy lại thành xưa giết giặc dữ.

Ngoài chiến lũy Ngải còn phủ dụ thêm :

— Ai chiêu được 10 người 50 người thì được làm đến Bá Hộ, Suất Đội.

— Ai chiêu nạp được 100 đến 200 người hay 500 người thì được làm Phó vệ hoặc tùy theo phẩm tước triều đình.

— Ai bắt dặng 1 tên Pháp sẽ lãnh 4 nén bạc.

— Ai giết được 1 tên Pháp sẽ lãnh được 2 lượng bạc.

— Ai giết được 1 tên dân Annam theo giặc sẽ lãnh được 1 lượng bạc. (1)

Trương công Định, Nguyễn trung Trực, Võ duy Dương hay vua xuống chiếu Cần Vương bèn nổi dậy chiêu binh mãi mã rất đông. Họ thề một lòng chống Pháp. Các đội quân chuẩn bị kéo ra Huế thì Định Tường, Biên Hòa cũng vừa mất cho nên mỗi người kéo mỗi ngã.

Trương công Định về Gò Công Nguyễn trung Trực về Tân An. Võ duy Dương về Đồng Tháp.

Pháp thấy lòng dân chưa đon nên xin nghị hòa.

VI— Hiệp-ước 6.2.1862 ra đời.

Trong Nam tình hình chưa êm mấy, thì ở Bắc giặc giả nổi lên

nào Tạ văn Phụng, Cai Tổng Vàng khuấy phá khắp nơi. Triều đình lúc bấy giờ có kẻ khà thì vì ngoại xâm nội loạn nên bằng lòng hòa cùng Pháp để phải đem quân ra Bắc dẹp các giặc cướp Văn Phụng Cai Tổng Vàng.

Vua Tự-Đức sai Phan-thanh-Giản, Lâm duy-Hiệp vào Nam để thương nghị và ký hòa ước mồng 6-2-1862 (Nhâm Tuất) với những điều kiện sau đây :

— Việt-Nam phải bồi thường tất cả chiến phí cho Pháp là 4 triệu đồng.

— Nhường đứt ba tỉnh miền Đông.

— Khôngặng buôn bán với các nước khác trừ Pháp.

Phan-thanh - Giản, Lâm-duy-Hiệp chẳng biết làm sao trước tình thế khàn trương vì Pháp dùng võ lực bắt buộc nên ký hòa ước mồng 6-2-1862 (Nhâm Tuất).

Dân chúng miền Đông biết triều đình nhường đứt ba tỉnh cho Pháp họ phản đối giữ đội-Thế là khói lửa bắt đầu ngẹt cõi trời Nam. Trương công Định, Thủ Khoa Huân, Võ duy Dương Nguyễn trung Trực chánh thức ra mặt chống giặc chứ không bằng lòng nhường 3 tỉnh miền Đông như triều đình.

VII— Phan thanh Giản sang Pháp.

Sau khi ký xong hòa ước năm Nhâm Tuất Phan thanh Giản bị khiển trách và bị đày đến thành Vĩnh Long hầu tìm phương thể lấy lại 3 tỉnh đã mất. Kết quả trong mấy lần đàm phán cùng tướng Pháp cụ Phan vẫn thất vọng. Triều thấy thế sai cụ sang Pháp đề điều đình chuộc lại 3 tỉnh miền Đông.

Sang đến Ba-Lê, cụ Phan vào yết kiến Pháp hoàng nhưng cuộc thương thuyết vẫn không dứt khoát được nên cụ trở về nước.

Triều đình thấy thế ra lệnh cho các đạo Cần Vương qui về ba tỉnh miền Tây đề phòng ngừa cuộc tấn công của Pháp.

Tình thế trầm trọng vẫn trầm trọng không tài nào cứu nguy, cụ Phan vẫn rối lòng nơm nớp lo sợ cho số phận An-giang, Vĩnh-Long, Hà-Tiên nhưng cái gì đã tới là tới.

Pháp thừa cơ hội rối rắm đó cho Cao Miên gây hấn, các đạo Cần Vương vẫn còn đột kích quân đội Pháp (Lúc ấy triều đình có ra lệnh cho các tướng lãnh Trương-Định và Võ duy-Dương v.v... ngưng chiến 8-1862).

Buồn vì cuộc đàm phán giữa

Pháp Việt do ông AUBARET đang tiến hành thì Pháp đem quân chiếm Vĩnh-Long, An-Giang, Hà-Tiên, Phan thanh Giản đau lòng giữa cơn nước mất nhà tan nên uống thuốc độc tự tiết. Ngày 30-8-1867.

VII— Thủ-Khoa Huân bị bắt tại An-giang.

Đánh Mỹ Tho, Cai-Lậy gây tổn thất nặng nề cho giặc nên Thủ Khoa Huân được lòng dân chúng ủng hộ. Đêm 6-1863 đem quân về Thuộc Nhiều vì quá tin dùng thủ hạ nên bị Pháp truy kích. Thủ Khoa Huân thua bỏ lại bài chiến vô số tử thi và chạy về An-giang nương ẩn.

Triều đình đã ra lệnh ngưng chiến nhưng Thủ Khoa Huân chẳng tuân, tấn công Thuộc Nhiều cho nên về An-giang. Tổng trấn thành là Phan khắc Thân ra lệnh nã-tróc nên cụ bị bắt ngay.

Hồi ấy quân Pháp vẫn theo dõi bất cứ việc gì của triều đình ta cho nên khi tổng trấn thành An-giang bắt được cụ Thủ Khoa Huân là Pháp bắt buộc triều đình giao cụ Thủ Khoa cho họ.

Giao cụ Huân là mất thế diện Nam Triều nên triều đình chẳng khưng. Tướng De la Grandière liền tức tốc đem đại bác và quân

lính đến uy-hiếp thành An-giang. Cụ Phan khắc Thân rất mến cụ Huân nên chối dài là không hề bắt được cụ Huân. Tướng De la Grandière kỳ cho 2 tiếng đồng hồ nếu cụ Huân không được giao nộp đến họ thì thành An-giang sẽ nát dưới cơn mưa đạn.

Cụ Phan-khắc-Thân đành giao cho Pháp cụ Thủ Khoa Huân.

Cụ Huân bị đày sang đảo Ré-union năm 1864. Sau Pháp đem cụ về thả vì nhận thấy họ đã toàn quyền miền Đông và Tây. Nếu có được thả ra cụ Huân không làm trò gì được. Nhưng người yêu nước nhiệt thành dù dưới sức nào, dưới hiểm nguy nào họ cũng vẫn yêu mến nước họ và muốn làm sao cho nước được độc lập. Cho nên năm 1875 (Ất Hợi) cụ lại nổi lên và bị bắt đem đi hành quyết ở Cailay.

Sử chép rằng, khi bắt cụ được rồi người ta bỏ cụ trên mũi tàu để chạy dọc theo ven sông cho dân chúng xem. Cụ vẫn ngang nhiên ngâm thi. Thật là đáng mặt sĩ phu thời bấy giờ.

Bài thơ lần cuối trong đời cụ người ta còn ghi lại mãi đến bây giờ :

Hai bên thiên hạ có hay không?
Một gánh can thường há phải gồng!

Oằn-oại hai vai quán tử tráo,
Lung lay một cổ trượng phu tung.
Sống về đất Bắc danh còn rạng,
Thác ở thành Nam tiếng bỏ không!
Thắng bại dinh du trời khiến chực,
Phản thần... đưa cườì ông!!

Khi Phan khắc Thân giao cụ cho Pháp thì dân chúng kéo nhau đi và ở Thất-sơn hay các vùng lân cận, bỏ trợ lại thành vì họ cũng dư biết rằng ngày nay An-giang bị hâm dọa rồi, chẳng nay thì mai cũng mất.

VIII— Thành Vĩnh Long, An-giang thất thủ.

Quân Pháp tiến mạnh. Chúng biết rằng lấy tất miền Tây là xong; nếu còn nhưng nhượng sẽ là cái bài học lớn sau này vì những nơi này — An-giang, Vĩnh Long, Hà Tiên — là những nơi có thể cho nghĩa quân nương tựa. Khi thắng là ò-ạt khi bại thì trở về nuôi dưỡng tinh-thần rèn đúc lại súng gươm, mộ lính cho nên quân Pháp đã nhứt định đặt mằm thống trị.

Ngày 20-6-1867 tướng De la Grandière thống lĩnh đội binh thuyền một lượt tấn công vào Vĩnh long đúng 7g sáng. Chúng

đưa tối hậu thư vào thành do đức cố đạo Legrand de la Liraye. Trong thư chúng buộc ta phải nhường đất 3 tỉnh miền Tây — Angiang, Vĩnh Long Hà Tiên. Bức tối hậu thư này bắt buộc ta phải trả lời xong trong thời hạn 2 giờ nếu không Pháp quân sẽ đánh thành tức tốc.

Tổng Đốc Trương-văn-Uyên thì xin đánh cụ Phan thanh Giản không cho vì cụ nói rằng đánh là làm hao tổn nhân mạng nhưng cũng thua, thà để cụ chết rồi dâng thành. Sau này sẽ đổ lỗi về cụ với triều đình.

Cụ Phan cùng quan Án Sát Võ-doãn-Thanh xuống tàu xin hội kiến cùng De la Grandière và xin hạn kỳ nhưng Pháp đã xuất kỳ bất ý tấn công rồi. Thế là thành mất.

Xong Vĩnh Long Pháp phái trung tá hải quân Galey đi Angiang bằng thông báo hạm ngày 21-6-1867.

Tàu đến sông Vàm Nao thì gặp đoàn thuyền của Tổng Đốc Hà

Tiên Nguyễn-Đình đi công cán. Trung Tá Galey mời Tổng Đốc đến và đưa thư của cụ Phan thanh Giản.

Tàu đến An-giang. Chúng neo tàu trước cửa thành. Tất cả các đại bác đều chia họng vào thành gây sự hoan mang cho binh sĩ Việt.

Tổng Đốc Phan-khắc-Thân được vời, nhưng viện cớ không đi, Ông sai quan Bố Chánh và Án Sát đi nhưng tướng Pháp không bằng lòng.

Tướng Pháp chia quân công hãm thành Angiang. Trong thành bên chủ chiến bên chủ hòa cho nên 1 giờ sau Pháp lấy trọn thành Angiang. Thành mất 12g đêm 21 rạng mặt 22-6-1867 (Đình Mão). Và đúng ngày 24-6-1867 tướng Galey lấy luôn Hà Tiên. Thế là Pháp đã nắm trọn vận mạng Nam Kỳ trong tay.

(1) Những đoạn trong này rút trong *Les premières années de la Cochinchine* (Paulin Vial).

★ — NGƯỜI MUỐN LÀM VIỆC THÌ TÌM RA PHƯƠNG THẾ. CÓN KẸ KHÔNG MUỐN LÀM GÌ HẾT THÌ TÌM CÁCH THỐI-THOÁT.
Tục ngữ Á-rập



XÃ GIAO

★ CÔ BÌNH-MINH

tôi xin thành thật thưa trước cùng ông Bạn của chúng tôi và hết thầy quý bạn đọc rằng tôi không viết văn trôi chảy được như quý vị Nữ-Sĩ. Tôi chưa viết văn lần nào, nhưng không lẽ ông Bạn của tôi đã có nhã ý bảo tôi phụ trách một công việc trong tạp chí Phổ-Thông, là một tạp chí phổ - biến Văn-hóa chung cho toàn quốc mà tôi dám từ chối ư? Tôi không tìm ra được lý lẽ gì để từ chối nên xin hoan hỉ mà nhận lời. Tôi còn nghĩ rằng «Xã giao» chính là một phép phổ diễn của Văn hóa người có xã giao là con người có Văn-hóa.

Chỉ hiếm vì một nỗi tôi chưa có nhiều kinh nghiệm, cho nên tôi chỉ ngại rằng mình sẽ trình bày không đầy đủ gọn - gàng chẳng? Tôi cũng thấy rằng xã - giao có nhiều thứ, thứ xã - giao của các giới quý phái nó phiền phức và câu nệ quá và thứ xã-giao mới bây giờ được thông dụng như ở Pháp, Bỉ, Anh v.v.. nó giản-dị hơn, «Dân-chủ»

★ GIỚI THIỆU

Cô BÌNH-MINH phụ-trách mục XÃ - GIAO của PHỔ - THÔNG tạp chí từ số này, là một Nữ Giáo-sư Trung học, và mấy năm trước đây cô du học ở Paris, Londres và Bruxelles. Cô sẽ nói chuyện với các bạn về phép xã-giao của Nam giới và Nữ giới theo kinh nghiệm riêng của cô ở Ngoại-quốc và ở trong nước. Cô sẽ chú trọng đến phép xã giao thông thường, dân-chủ và tân-tiến, gạt bỏ các lối xã-giao quý - phái, phiền phức, hoặc đã lỗi thời.

P. T.

Ông Giám - Đốc «Phổ - Thông» muốn tôi viết về «Xã-Giao» đề quý bạn đọc xem chơi lúc nhàn - rỗi, thì... vâng, tôi xin viết. Nhưng

và tân tiến hơn. Vậy tôi xin phép viết qua về lối xã-giao «bình-dân» này, hợp với thời buổi mới là thời buổi dân-chủ. Còn thứ xã-giao «quan-cách» trường giả của các giới quý-tộc thì xin gác ra một bên, sẽ nói sau. Thưa quý-bạn, theo chỗ nhận xét thường ngày của tôi trong mấy năm ở ngoại-quốc, thì tôi thấy rằng ở các nước văn minh tiên tiến, từ người bình-dân đến các lớp trưởng-giả ai cũng lịch-sự, nhã nhặn, lễ-phép hết thảy. Một anh thợ mỏ, một anh tài-xế taxi, một chị bán hàng, đều «nói» lịch-sự, theo một phép xã-giao truyền thống của gia đình và xã hội có giáo-dục căn-bản.

Một chi-tiết rất tầm-thường mà tôi đề ý thấy rõ cái lối giáo-dục công-dân của họ rất là tốt đẹp. Thi-dụ như bên ta ít người kêu một người đàn-bà nghèo-khò rách-rưới bằng «bà». Bên Âu-Tây, hễ là đàn-bà có chồng rồi dẫu là nghèo hay là giàu đều được gọi là «Madame» (Bà) ngang nhau hết, chớ không có phân biệt giai cấp. Một hôm tại một thành-phố nhỏ ở nước Bỉ (Belgique), ở phía Bắc nước Pháp, tôi thấy một chị đàn-bà nghèo-nàn, có vẻ ngờ-ngàn, đi bằng qua một đại-lộ, nhưng vì xe hơi chạy qua lại tấp nập nên chị đứng lại giữa đường, không dám đi. Tức thì một viên cảnh sát đến gần, lễ phép nói: «Circulez, madame» (Thưa bà, bà

cứ đi). Chị đàn-bà ngờ-ngàn và rách-rưới kia trước khi đi cũng mỉm cười đáp lại: «Oh! excusez!» (Ồ, Xin ông tha-lỗi).

Chứng-kiến một cảnh nho-nhỏ như thế, tự-nhiên tôi có cảm-tinh với họ liền.

Trong số Phò-Thông vừa rồi, ông bạn Nguyễn-Vỹ có nói về cách bắt-tay đề chào. Ở nước mình, tôi cũng thấy rất nhiều người ưa bắt tay như thế. Lúc đầu tôi cũng ngạc-nhiên, nhưng thấy nhiều người bắt tay như kiểu đó rồi cũng quen. Nhưng chỉ quen với mình thôi, chớ người ngoại-quốc thấy thế họ cho rằng người Việt-Nam không biết phép lịch-sự. Tôi đã trông thấy tận mắt một bạn thanh-niên Việt-Nam có học, đã đỗ Tú-Tài, nhưng có lẽ bạn ít giao-thiệp nên một hôm bạn ấy nhờ tôi giới thiệu giùm đến một giáo-sư Anh để đạ xin việc làm, người bạn trẻ ấy bước vào, tôi vừa giới thiệu thì bạn đã lanh lẹ chia tay ra để bắt tay ông Giáo-sư. Ông Giáo-sư Anh đã không đưa tay ra bắt tay bạn, mà lại còn tỏ vẻ bất bình. Người bạn trẻ Việt-Nam của chúng ta mắc cỡ thụt tay vào. Tôi cũng mắc cỡ như bạn. Mặc dầu người bạn trẻ nói tiếng Anh khá trôi chảy và trước đó ông Giáo sư cũng đã hứa với tôi sẽ đưa bạn ấy vào làm một sở nợ của người Anh, nhưng vì cử chỉ bất lịch-sự kia mà người ta không

đứng anh bạn ấy nữa.

Theo sự hiểu biết sơ-sài của tôi, thi học thức của mình là một việc, mà giáo-dục xã-giao của mình lại là một việc khác. Một người có học thức mà kém xã-giao chắc chắn là được ít người quý mến bằng một người ít học hơn nhưng lễ-phép hơn và lịch thiệp hơn.

Tôi thấy một số bạn ta ngày nay hình như không chú tọng đến xã-giao. Một số bạn khác không cần đến xã-giao. Có lẽ các bạn ấy cho rằng «thời buổi tự do» ai muốn giao thiệp thế nào cũng được chẳng? Thưa quý bạn, người Âu-Tây rất là tự-do, họ tự-do hơn mình nhiều về các phương diện, thế mà chính họ lại rất trọng xã-giao và rất là lễ-phép.

Các bạn đồng-nghệp của chúng tôi bên Nam-giới thường phân-nàn về tư-cách của học-trò đời này. Theo tôi, cũng không nên vơ đũa cả nắm. Với nhận-

xét ở trong nghề giáo-sư, tôi cũng thấy một số đồng các bạn Nam Nữ-sinh đời nay thiếu lễ-độ. Nhưng cũng còn một số rất đông các bạn trẻ vẫn giữ được nền-nếp văn - minh Việt - nam. Các bạn ấy thật là lễ-phép hiền-lành, cũng như bên nữ-giới đại đa số các bạn Nữ-sinh đều có tinh-nết đoan-trang và rất khả-ái.

Nhưng, tôi nhận thấy rằng khi các bạn ấy ra khỏi trường và tiếp-xúc với đời hầu hết đều bỡ-ngỡ, do đó có nhiều cử-chỉ vụng-về. Vả chẳng trong sự tiếp-xúc với xã-hội, xã-giao là một môn cần-thiết vô cùng. Cho nên, sẵn viết bài này, tôi cũng xin mạn phép đề-nghị lên bộ Giáo-dục nên mở thêm một môn học-tập xã-giao tại các lớp lớn.

Tôi thấy ở các nước Âu-châu, như ở Pháp, Anh, Bỉ, Đức, có những trường dạy về Hường-dẫn nghề-nghiệp, trong đó có dạy cả về môn Xã-giao nữa.

* NHỜ PHÉP LẠ

Một du-khách người Âu từ Phàp đến Sàigòn. Nhân-viên quan thuế bảo mở va-li ra xem thì thấy một chai đựng một thứ nước trắng. Người du-khách giải thích:

- Tôi ở Lourdes, nên có đem theo một chai nước «phép lạ» Nghi-ngờ, nhân-viên quan thuế khui chai ra, nói:
- Nước đựng trong chai chính là rượu Champagne mà!
- Bình tĩnh, người du-khách trả lời:
- Có lẽ là nhờ phép lạ, chai nước Thánh đã hóa ra rượu Champagne đấy?

• LÊN ĐƯỜNG

Ngày mai Tôi lên đường
 Như ngựa đi không quay trở lại
 Như những người con gái đi lấy chồng
 Không nghĩ tới người con trai thứ hai

•• TRĂNG GIÓ

Tình cờ đôi môi hé mở
 Khi trăng vừa sáng tỏ
 Tôi nhìn em bằng cuộc đời theo trăng gió

••• ĐƠN SƠ

Nhớ mấy hẹn hò năm xưa
 Đời tôi bỏ ngõ
 Gió trăng vào tâm sự buồn rất đơn sơ

•••• EM

Em có phải là Tiên
 Là Thơ là Gió
 Cho đời Tôi siêu đờ mấy say sưa ?

VĂN THẾ BẢO

Truyện dài của cô VĂN-NGA

(Tiếp theo P.T. số 11)

ANH chớ vội bi quan, những bất đồng chánh kiến anh vừa nói sẽ được chấm dứt hẳn trước tình thế trọng đại mà Đất Nước đang cần dùng tất cả thiện-chí của toàn dân.

— Tao không mong mỗi gì hơn, và tao cũng ao ước rằng: nếu tao có chết, tao cũng được quyền chết như những đứa con anh dũng của Đất Nước, trước giờ lịch sử đã đến.

Anh tôi đi vào nhà. Bóng tối bao trùm lấy dáng người hiên ngang của anh. Tôi khe khẽ thở dài và cảm thấy có gì nặng trĩu-trịu bên lòng.

Tiệc heo quay, bánh hỏi linh đình đã dọn ra. Khách mời có gần ba mươi người đang lóng nhóng chờ những người đến trễ.

Anh Khanh ra vào, sốt ruột:

— Họ có quên ngày hẹn không?

Trung nhanh nhẹ trả lời, tiếng nói nọ như dính liền với tiếng kia:

— Không đâu, tụi nó hứa chắc lắm mà, điều là không biết có chuyện gì bất ngờ xảy ra không. Bọn mình thử chờ chút nữa tụi nó không đến thì cứ vào tiệc chứ hơi đâu mà đợi hoài đợi hũy để bực lòng bao nhiêu người khác nữa.

Có tiếng của Thúc đứng dưới đầu cầu nói giống lên:

— Kìa kia, có đồ chèo vô vàm... Phải rồi, tụi nó tới đó!

Anh Ba tôi chạy xuống cầu trong khi chiếc đò rẽ vào rạch và ghé bến cầu. Trên đò có hai người, một thì cao lớn và vạm vỡ, tóc hớt cao, miệng lơ lơ, mặc một bộ đồ « sọt », giày da, vô trắng đến gối; một nữa: tác người trung bình, tóc hớt dài chải tằm sau ót, trán cao, cằm hơi lẹm điềm thêm chút duyên cho khuôn mặt đen ngăm ngăm, mặc áo sơ-mi trắng dài tay và chiếc quần trô-pi-can màu sậm.

— À, thằng Trịnh Lương với thằng Hùng, con Phủ Hát.

— Còn Thanh đâu? Sao Thanh không có đi? — Anh Ba tôi hỏi trở xuống đò.

Người cao lớn bước nhảy lên cầu và bảo :

— Thanh đi Sài-gòn rồi, đi liền hôm thặng Khanh về nhà.

— Việc gì vậy ? Mày biết không Lương ?

Lương đưa tay cho Hùng nắm bước lên, và nói với giọng oang oang của một con người rồi rào sức khỏe :

— Chút nữa hẳn nói chuyện đó. Thôi ta vào nhà kéo khách khứa lóng nhóng khó chịu.

Mọi người đều vào nhà. Thử trách nhỏ Hùng :

— Tụi bây sao vô trễ quá vậy ?

— Tại mắc hỏi thăm nhà và đồ chèo lộn một khúc sông quá xa.

Anh Ba giới thiệu hai người bạn mới đến cho khách ngồi trong bàn tiệc xong, liền theo lời yêu cầu của bạn đưa họ vào nhà trong chào má tôi. Lương nhìn tôi và hỏi Khanh :

— Em mày đó phải không Khanh ?

— Ừ, nó đó.

Lương chào tôi và quay lại nói với má tôi :

— Thưa bác, tụi tôi xưng hô mày tao như vậy có lẽ bác nghe không được êm tai, nhưng nếu bác biết rằng chúng tôi thân thiết nhau còn hơn ruột thịt, thì bác thề tình cho. Đã chung sống trong cảnh khổ, từng gần cái chết với nhau, gian-nan cùng chia gánh, đau khổ cùng chia

lo, đời sống chúng tôi như buộc liền thặng này với thặng nọ và không đũa nào trong bọn, sau này, lại có thể quên những kỷ niệm đã khắc sâu trong tâm khảm. Trong tù, những khi nhớ nhà và thân quyến, chúng tôi tỏ bày hết gia cảnh cho nhau biết, nên thưa bác, tuy mới được hân hạnh thấy được bác hôm nay, chứ kỳ thật chúng tôi đã thương mến và kính phục bác từ lâu rồi.

Tôi không ngờ Lương nói oang oang như lệnh võ là cái đức tánh của người thặng ruột ngựa mà lại có những lời văn hoa và cảm khích như thế. Má tôi vui lòng lắm và bảo :

— Đời bây giờ ít có những tình bạn như vậy.

— Đó là tình tri kỷ và tình đồng chí, thưa bác.

— Năm nay cậu bao nhiêu tuổi, có gia đình chưa ?

— Thưa tôi 27 tuổi, có vợ và một đứa con gái năm tuổi. Hồi tôi bị bắt, con mới biết nói đồ đẽ, bây giờ liếng thoắng như một con sáo con.

Má khen ngợi vài lời và hỏi tiếp :

— Hôm nay không có cậu con của ông Thầy Thuốc vô chơi ?

— Anh Thanh mắc đi Sài-gòn đề lo công việc cho hết thấy anh em chúng tôi. Không dám dấu gì bác, chúng tôi trong thời gian bị mất tự do đã được gần gũi và học tập bên các nhà chánh trị lão thành, được mở mang thêm

kiến thức, cũng muốn đem cái thân hữu dựng ra phụng sự cho Quốc-gia và Dân-tộc, cảm bằng sanh mạng được sống thêm một lần nữa và hiến dung trọn vẹn cho Chánh-nghĩa, dù phải hy sinh mạng mình; nhưng khi về đất liền, chúng tôi lại bị coi như một hạng người nguy hiểm, và người ta lại dùng những tên điềm chỉ khả ố của sở Mật-thám xưa kia từng theo rồi làm hại chúng tôi để mà tiếp tục do thám chúng tôi với một bản hiệu mới : Quốc gia Tự vệ cuộc.

— Vậy sao ? Tôi tưởng chánh quyền phải trọng dụng các cậu.

— Ban đầu thì có vậy, nhưng chúng tôi không thể theo xu hướng chánh trị của họ được... và họ tìm đủ cách để xử tệ với chúng tôi.

— Vì lẽ nào ?

— Nguyên khi vừa về đến tỉnh Rach-giá, anh Thanh có tiếp một người bạn học cũ tên là Ngọc, ở Cái-Bàn, hiện là một nhân vật thân tín của Tỉnh bộ Việt Minh. Ngọc mời anh Thanh đứng ra đảm nhận một tổ chức Thanh-niên, mà nếu anh Thanh bằng lòng thì người ta sẽ đưa cho anh đủ phương tiện : tiền bạc, xe hơi công thự và súng ống không thiếu chi. Anh Thanh là người có uy tín với thanh niên toàn tỉnh nên nghe nói đến việc tổ chức thanh niên thì anh rất vui lòng. Ngọc cho Thanh biết : Ngọc đến là do anh Tiếng con người đang nắm trọn quyền hành chánh và quân sự ở tỉnh

Rachgiá sai đến và Thanh nên đến gặp anh Tiếng vào 4 giờ chiều hôm ấy tại trụ sở của Sở Mật-thám cũ để cụ-thể vấn đề.

Má tôi nghe Lương kể đến đó liền gật đầu và hỏi :

— Như vậy người ta cũng có thiện chí thu nhập nhân tài. Cậu Thanh có đến chỗ hẹn không ?

— Có, thưa bác, anh Thanh đến trước năm phút. Nơi ấy hội họp gần đủ mặt những nhân vật cao cấp trong chánh quyền. Trước khi khai mạc buổi hội người ta chào cờ, và một lá cờ Búa Liềm được treo lên to tướng.

Má tôi ngạc nhiên :

— Cờ đó là cờ gì ?

— Cờ đó là Đảng kỳ của Đệ Tam Quốc-Tế Cộng Sản Đảng. Anh Thanh miễn cưỡng đứng lên, và khi chào cờ xong, anh xô ghế bước ra và bảo rằng : « Kính thưa cử tọa, tôi đến đây là vì một sự ngộ nhận đáng tiếc mà không phải lỗi ở tôi, và tôi cũng tưởng nơi đây, vào giờ này, quý anh họp lại để bàn định những việc ích nước lợi dân, chứ không đề là buổi nhóm riêng của đảng Đệ-Tam Quốc Tế, Tôi thành thật xin lỗi và cáo từ. »

— Vậy hé ?

— Thưa bác, anh Thanh chỉ nói có vậy và bỏ về. Anh thấy ở tỉnh còn nặng nề không khi Đảng phái và chia rẽ nên anh lên ngay Sài-gòn đề liên lạc với các nhà ái quốc chân chánh đang tham dự chánh quyền trên ấy. Không

chừng rồi đây, các cháu cũng sẽ lên hết trên ấy, vì dù sao, không khí trên ấy vẫn còn dễ thở hơn.

Mà tôi trầm ngâm không nói gì. Tôi hiểu người cũng vừa trải qua một thất bại như tôi hồi đêm hôm. Anh Ba tôi mời bạn lên nhà trên. Tiệc rượu bắt đầu khai mạc. Mọi người đều vui vẻ hỏi thăm những chuyện lạ mà cả một đời người ít có người được biết đến.

Tiệc vui kéo dài ngót 2 tiếng đồng hồ mới sắp chấm dứt. Khách khứa đã kéo về lần và nơi bàn giữa chỉ còn các anh bạn của anh Ba với vài thanh niên khác trong vùng.

Anh Trung cầm một đĩa không bước xuống bếp trong khi tôi đang chiên bánh phồng tôm để các anh ăn nhắm nhai nói chuyện cho vui. Anh hỏi tôi :

— Anh Khanh có nói gì với cô không, cô Tư.

— Nói chi, anh ?

— Nó thiếu nợ tôi nhiều lắm...

Tôi mỉm cười, đỏ mặt lên và vờ cúi xuống thổi lửa :

— Điều ấy tôi không rõ.

— Nó có hứa... đôi chuối với tôi. Trung lém lỉnh bảo và tưởng là tôi không hiểu ngụ ý của anh.

Tôi vờ phủ bụi than bay vào đầu và nói :

— Chuối chín cây ở ngoài vườn có nhiều, anh muốn thứ nào cứ ra chọn.

Thứ vừa bước xuống bếp, là lên :

— Thăng Trung tiêu lòn hỏ, đi lên mây !

Trung trở bước và chữa thẹn :

— Tao lo tiếp tế đồ ăn cho mà cự nợ cái gì.

Vừa khi ấy, có tiếng mấy em tôi gọi ngoài hè :

— Anh Ba, có ai vô kiếm nữa kia.

Mọi người trong bàn tiệc nhìn ra và só ghé bước ra cửa :

— Ủa, thằng Tỷ, con «chia» Mến.

Anh Tỷ là người ở tỉnh Rạch-giá, cha làm quản lý một chành lúa, cũng là bạn đồng chí với Ba tôi, nhưng trốn khỏi vượt Mặt thám cũng như các anh Khải, và Thứ nên không bị đài Côn-đảo chuyển ấy với anh tôi.

Tỷ giờ hai tay lên chào mừng các bạn và nói :

— Thanh ở Sài-gòn về rồi và biểu tao vô cho tụi bây hay gấp đề trở ra tỉnh có chuyện.

— Gì mà coi bộ quan hệ quá vậy ?

— Sài-gòn đã kháng chiến. Tiếng súng bắn địch vừa nổ vào đúng mười hai giờ trưa hôm qua, trong khi các lính tập của Pháp trà trộn theo quân Anh đến chiếm đóng lại các bót cảnh-sát và các trụ-sở quan trọng. Ủy-ban Nhân-dân Nam bộ rút lui khỏi Saigon và tuyên bố tình trạng chiến-tranh.

Các anh sửng sốt trước tin bất lành, đứng im một chốc. Sau cùng Lương bảo :

— Cái gì phải đến đã đến, thực

dân Pháp có bao giờ buông bỏ một miếng mồi béo bở đâu. Nhưng rồi chúng sẽ ân hận...

Anh Ba tôi gạt đầu và tiếp :

— Và đây mới đến lúc những thanh-niên như chúng mình trả nợ núi sông và nêu cao gương tranh đấu cho những kẻ đi ngược lại sự văn-minh và tiến hóa của nhân loại thấy rằng: thà con người chịu chết oanh liệt vì tự-do hơn là cam sống nô-lệ.

Văng vẳng đầu đó và vang rền trong nhạc gió réo rất qua cành lá, một tiếng hát hợp đoàn vang dài ra, cao lên, cao vút lên...

V

MÙA THU KHÓI LỬA.

Anh Ba tôi ra chợ Rạch Giá đã được một tháng rồi...

Những tin tức về tình hình biến động trong nước không còn khả quan như ban đầu có người làm tưởng, và mỗi ngày trầm trọng thêm, bi đát thêm...

Sài-gòn Chợ-lớn Gia-định hoàn toàn bị chiếm !

Pháp đổ bộ ở Cấp!... Pháp đánh lấy Tân-An!... Pháp vào cửa Gò-công!... Mỹ-tho bị mất. v..v...

Toàn đều những thất bại đau thương mà người thanh niên Việt say cuồng Tự Do đã đổ máu ra chiến đấu một cách anh dũng vẫn không ngăn nổi súng đạn tội bời của những người. Mĩa mai

thay, mới ngày nào kia cũng đã lăn mình chiến đấu cho Tự-do của Đất nước yêu quý của họ mà họ đã khóc nhục biết bao lần...

Khắp miền Hậu-giang còn vắng bật tiếng súng đồng, nhiều từng lớp thanh niên được huấn luyện rầm rập khắp các nẻo đường để sẵn sàng đổ máu trên chiến trường với cây tầm vông vạt nhọn, với mớ tóc xanh yêu đời, với một lòng quả cảm vô bờ bến, và với cái tuổi thanh xuân thơm ngát hương đời chưa có gì quyến bện nơi lòng... Cái hăng hái của người dân bị trị, ngót tám mươi năm tiêu tan nhân phẩm mà vẫn còn có chín cái đầu rơi nơi Yên-bái, một Phạm Hồng Thái nằm ở Hoàng Hoa Cương, một Nguyễn An-Ninh giữ xương tàn cốt rụi ở Côn-đảo, và hàng xâu người anh kiệt khác đã rũ xác ở Lao-bảo, Kom-tum, Côn-nôn, Bà-rá, v..v... nay tự mình gỡ lấy được ách nô lệ cho mình, lòng cởi mở vui mừng trọn vẹn và sự hy sinh để bảo vệ kỷ cùng những gì của ông cha đã bị cướp mất trong uất hận, thuở ấy lên cao đến cực độ: một lòng, một chí, một con tim trong 25 triệu phần đồng nhau!

Tất cả cho Đất Nước. Tất cả cho Dân-Tộc. Thanh niên đi ra chiến đấu và phòng thủ tự vệ, phụ nữ hết mực tuyên truyền ủng hộ. Những bậc lớn tuổi hơn tình nguyện phục vụ tùy năng lực. Ôi, những lời nhắn nhủ giết giặc sa trường,

những câu tiễn biệt khảng khái của người chinh phụ gương sâu làm vui, với những đòn bánh tét triều mến áp ủ cả một niềm tin do nhiều bàn tay già nua buột lạt bỏ thờ, những chiếc áo len còn ấm áp mùi khuê các gối tặng người chiến sĩ vô danh lướt mình qua lửa đạn, đã nói lên không hết ý thức giác ngộ của toàn dân. Người ta tổ chức lạc quyền kháng chiến. Người ta lại hô hào tuân lễ vàng. Khắp nơi, không ai kém thiện chí tham gia vào việc ủng hộ họ.

Hôm ấy, anh Ba tôi trở về nhà rút lấy vàng của tôi để khởi hồ mặt chẳng dự phần đóng góp với bạn bè. Tôi nhìn anh ăn mặc chững chạc trong bộ quân phục bằng ka-ki nội hoá: áo quai cầu cut tay, dây nịt bản to tương, quần sọt, dờ cao, giày đinh lốp cốp, xem anh mạnh bạo và hùng dũng chưa khi nào bằng. Nhất là chiếc ca-lô màu đỏ anh đội trên đầu là biểu hiệu riêng của đoàn Cẩm-tử quân vừa thành lập ở tỉnh, và khẩu súng mọt của linh thuộc địa cũ anh mang một cách đường vệ bên vai đã làm cho bao thanh niên thiếu nữ trong quận phải lác mắt ra.

Tôi bảo anh :

— Má và tôi đã đóng góp nhiều rồi, còn anh là phận sự làm trai anh cần gì vàng chứ ? Anh phải hiến dâng những cái khác hơn và cũng là thiết yếu hơn.

— Nhưng bạn bè ai cũng có phần này, lẽ nào tao không ngờ ?

Mày ráng hy sinh cho tao một chiếc cà-rá vàng đi, cái nào nặng nặng ấy...

— Đề anh làm bánh với phụ nữ tỉnh chứ gì ? Nội cây súng này chưa đủ sao ?

Anh tôi nghiêm động :

— Đừng cà-rôn, sắp được ra tiền tuyến đây.

— Vậy sao ? — Tôi kinh ngạc hỏi.— Anh sẽ đi về đâu ?

— Biên giới Miền Việt, vùng Hà Tiên.

Tôi trao cho anh chiếc nhẫn vàng năm chỉ :

— Chừng nào anh đi ?

— Chưa biết, còn tùy ở anh Thanh thương lượng với ủy ban Quân sự về quân nhu, đạn dược. Nhưng thật ra, có người cần dẫn dắt diên trì việc ấy lại vì chưa tin bọn tao và người ta chờ khi nước sắp đến trón mới đẩy tội tao vào chỗ hiểm.

Tôi khe khẽ thở dài. Đoàn cẩm tử quân của anh Thanh và các bạn lập lên là một lực lượng bán quân sự đã được thành hình một cách rất khó khăn và chật vật. Đã bao nhiêu lần người ta từ chối một cách rất khôn khéo sự tình nguyện tham gia hoạt động của các anh. Những ý kiến rất hay của các anh được người ta thoả thuận trên nguyên tắc đề rồi đến giờ chót lại có một sự thay đổi ý kiến vì vừa có người khác được đề cử ra làm công việc ấy. Các anh xoay sở cũng dữ lắm, vượt cái này bầy cái khác, nhưng

công việc cứ những nhằng đằng dai không đầu đến đầu thấy mà rầu. Cho đến khi bỗng xảy ra một vụ tranh dành quyền hạn và âm mưu lật đổ nhau giữa hai yếu nhân của hai chánh đảng chấp chánh, là một động cơ thúc đẩy công việc bề tấc của các anh tự nhiên tiến triển được phần nào.

Đấy là chuyện anh Luận Chủ tịch ủy ban Nhân dân tỉnh bộ Rạch Giá, bào chế sư và là người của đảng Dân-chủ, bị thanh niên cứu quốc của anh Trần văn Tiếng, Phó chủ tịch và là cán bộ nông cốt của đảng Cộng-sản, ngang nhiên bắt trói lại trước trụ sở Phước-Long trong khi anh này đi kình lý qua ngang. Các ông thanh niên cứu quốc làm việc bất chấp cả luật lệ và giấy tờ, vì đúng ra, các ông không ra gì chứ nghĩa mấy !

Các ông ấy trả lời đàm hợng người ta như thế này :

— Từ khi cải tổ ủy-ban tỉnh-bộ đến giờ, hơn một tháng nay, tội tôi cũng chưa thấy giấy tờ gì ở tỉnh gửi về và đến con dấu trên giấy chứng thư này tội tôi cũng không biết giả hay thiệt nữa.

Anh bi-thơ Ứng câu gắt lên :

— Vậy sao các anh bắt giữ chúng tôi ?

— Vì các anh có mang súng. Các anh chịu phiền đề tội tôi giải ra tỉnh cho anh Tiếng định liệu.

Các ông thanh niên cứu quốc kháng kháng không chịu nghe một lời phân giải nào khác hơn nữa. Vụ ấy làm sôi nổi dư luận trong

tỉnh và tiếng xấu lan tràn qua đến Cần-thơ, Long-xuyên, Hà-tiên.v.v. Các đoàn thể có cảm tình với anh Luận làm biểu tình ủng hộ anh, trong ấy có các anh tham dự nhiệt liệt. Tỉnh bộ Dân-chủ đảng mới thấy rằng cần phải liên kết với nhiều người có tâm huyết để gây thêm hậu thuẫn.

Đoàn cẩm-tử quân được thành lập dưới sự chịu trách nhiệm của anh kỹ sư Châu, ủy viên quân sự tỉnh bộ Rạch-giá. Mới đầu các anh chỉ có quyền quy tập một đại đội và tự đảm nhận lấy sự sinh hoạt của nó. Anh Khải dùng nhà anh hiến làm trụ-sở, anh Thanh quy tập các cựu chiến binh của Pháp và Nhật để huấn luyện toàn thể đại đội, anh Thử, anh Ca-vang lo việc hành chánh, anh Khanh, anh Trung, anh Hùng biên soạn tài liệu quân sự.. v.v.. Các anh ăn uống thanh đạm, làm việc tận tâm và cũng chịu sự tập luyện khắc khổ hơn bất cứ ai trong đoàn, nên dần dần được nhiều người chú ý và khuyến khích. Nhiều cán bộ được công cử đi huấn luyện thanh niên các quận, các làng...

Khi ấy, tình hình biên giới Việt Miền có một khẩn trương, Pháp quân có mặt ở Chùa Tháp đang rần rộ mộ thêm 2 tiểu đoàn lính Miền và lăm le vượt giới. Ủy-ban kháng - chiến tỉnh bộ Rạch - giá được thành lập do Trần văn Tiếng cầm đầu, ban quân-sự bãi bỏ và anh Nguyễn văn Châu được đưa qua Hà-tiên

chỉ huy chiến tuyến. Anh Châu là một đảng viên Dân-chủ cương quyết và tài giỏi nhất trong tỉnh nên người ta hồi hã tổng anh đi xa, và trước khi rời châu-thành Rạch - giá anh có tâm sự với anh Thanh là người bạn mới mà anh có nhiều cảm tình và tin tưởng :

— Các anh ở bên này không làm gì được đâu, chỉ bằng kéo qua áng ngữ biên giới với tôi, sống chết cùng có nhau. Mặt trận Hà-tiên đang cần dùng nhiều người gan dạ và biết chiến đấu để bảo vệ xứ sở, anh có thể mộ thêm một, hai đại đội huấn luyện kỹ càng rồi đưa qua giúp tôi.

Anh Thanh đưa ngay một đại đội cảm-tử quân qua Hà-tiên và đang huấn luyện thêm hai đại đội nữa. Vì vậy mà anh Ba tới mới nói đến ngày ra đi sắp đến của anh.

Thanh niên trong vùng tôi, những người mang hai giòng máu trong mình, lúc bấy giờ đang bị bỏ quên hay là phải nghi kỵ đều hàng hái gia nhập cảm-tử-quân cũng khá đông. Họ được thấy nơi ấy không có gì phân biệt ở huyết thống, ở chánh kiến, ở bè phái mà chỉ chú trọng đến tài và đức mà thôi.

Anh Ba tới về buổi sáng hôm ấy, chiều lại đi liền. Tối đến, khi tôi đang ngồi đọc tài liệu huấn luyện cán bộ trước đèn, anh Thuận hơi hải bước vào, mặt mày chao vao rất lạ.

— Gì vậy, hĩa Suối ?

— Khanh còn ở nhà không ?

Anh Thuận vừa nói vừa rút khăn lau mồ hôi trán.

— Ảnh đi rồi ? Có việc gì không ?

Anh Thuận nhìn tôi như cầu cứu :

— Phải ngăn cản đừng cho nó làm việc ấy !

— Sao ? Ngăn cản ảnh đi Hà-tiên à ? Tôi lạ lùng nhìn sừng vào anh.

Thuận lắc đầu, nói nhanh :

— Không, việc nó định cho người bắt ba của anh kia.

— Ai nói với anh vậy ?

— Nghe Chín Miên nói lại với người khác như vậy.

Tôi dính chánh liền :

— Anh Ba không bao giờ làm vậy, anh cứ tin tôi.

— Chú Chín Miên nói quả quyết, thiên hạ đồn um xùm lắm rồi, nên bà nội và cả nhà lo sợ ăn ngủ không yên. Anh phải gặp Khanh để nói với nó, và nếu cần, nó phải về đây dính chánh lại tin ấy mới được, chứ đám thanh niên trong làng đã tính chuyện giải ba anh ra trụ sở cảm tử quân rồi.

Tôi ngẫm nghĩ một lát rồi nói :

— Bây giờ anh nên ra ngoài ấy gặp anh Thanh là hơn cả. Anh có biết anh ấy không ?

— Nó là bạn học cũ với anh, nhưng anh thân với anh của nó là Tám Long nhiều hơn.

Tôi nhớ lại lời nói của cô Sáu ở nhà bảo sanh hôm nào kia, và

tầm tầm mỉm cười : Cô Sáu đã bàn với cô Năm đi hỏi tôi cho người mà anh Thuận vừa nhắc đó. Tôi chưa được biết mặt hai anh em nhà ấy : tám Long và chín Thanh, nhưng tôi hằng nghe mấy em tôi thường ra trụ sở, bàn tán với nhau về hai anh. Có một bạn, em Năm tôi nói với tôi :

— Anh Thanh vậy mà cũng bảnh trai, hiem gì có sún mất một cái răng.

Tôi không lấy làm lạ tại sao khi không em tôi lại nói như vậy trước mặt tôi, vì các em tôi bị vắng tình che chở của một người anh quá lâu nên mến các bạn của anh như anh mình vậy. Tôi hỏi một câu không cố ý gì :

— Còn anh Tám ?

— Anh Tám hơi đen và có duyên lắm. Tánh anh giống như anh Ba mình, cũng tử tế với phụ nữ lắm... Nghe nói anh Tám đã có hĩa hôn ở Sài-thành rồi...

Nghe vậy biết vậy, giờ được anh Thuận nhắc lại, tôi bất giác nghĩ đến những đã thú đồng quê đã ăn sâu vào tâm hồn tôi và tôi sẽ phải khổ sở lắm nếu bị đứt lìa vĩnh viễn nó.

Anh Thuận lại bảo cùng tôi :

— Anh muốn em cùng đi Rạch giá với anh : em sẽ thuyết phục Khanh, còn để anh nói chuyện với Long và Thanh.

— Đi liền bây giờ ?

— Liên bây giờ.

Tôi nhận thấy cũng cần đi thăm

anh Khanh, anh sắp sửa đi xa mà buổi về viếng nhà ban sáng của anh bị lu bu khách khứa, nên hai anh em chưa nói gì được nhiều lắm.

Sáng hôm sau, anh Thuận và tôi có mặt ở chợ Rạch - giá. Trụ sở của các anh chiếm hai căn phố rộng cạnh cầu sắt, có sân cỏ rộng rãi, có đoàn viên hồng súng gát nghiêm trang, và trong văn phòng, tầm tắp hai hàng bàn ghế đều có nhân viên chăm chú làm việc, tiếng máy chữ gõ lốc cốc liên tai, xem rất phải thể là một cơ quan hệ trọng của chính quyền. Nhiều cán bộ quận đã làm nơi ấy là Ủy ban kháng chiến tỉnh bộ.

Các anh đã có vào nhà tôi thấy tôi mừng lắm, hồi han lẳng xằng. Hôm ấy, anh Thanh vắng mặt ở tỉnh vì anh lãnh sứ mạng đặc biệt đi Cần-thơ liên lạc với quân nhân Nhật để mua súng đạn. Anh Thuận hỏi lại anh Ba tôi về tin chú Chín Miên loan truyền, Anh Ba rất mực chững chững và cam đoan không bao giờ nghĩ đến chuyện trả Nữ hên hạ như vậy. Anh giữ anh Thuận ở tại trụ sở chơi chờ anh Thanh về, còn tôi thì một mình người bạn là chị Thành, con ông Phan Bàu làm ở đường đường Rạch Giá.

Ba giờ chiều hôm ấy, chị Thành và tôi đến trụ sở. Anh Thanh vẫn chưa về. Chúng tôi vào phòng riêng của anh Khai thay áo và chợt nghe lóm được một câu chuyện bàn lén của mấy anh

không biết sự có mặt của chúng tôi khiến cho tôi đỏ mặt, thẹn thẹn hết sức.

Bên ngoài, anh Thức kêu anh Cà-vang :

— Ê, Cà-vang, nàng Thơ đâu rồi ?

— Không biết. Hỏi chi vậy ?

— Thăng Khanh trúng mối rồi. Trong bọn mình nhiều thằng cảm Nàng Thơ ghê, tội nó o-bế đãi thằng Khanh nhậu thả cửa.

Có tiếng nói như là tiếng anh Hôn, con cháu khách, bạn lâu đời của anh Ba tôi :

— Việc đó tội tôi đã bàn kỹ với nhau rồi trong một đêm đi công tác ở quận về. Trong anh em mình, muốn kết chặt thêm tình thân hơn nữa, nên khuyến khích việc... đôi chưỡi và lúa với nhau như theo điệu thằng Khanh nói...

— Vậy mấy thằng không có em gái như thằng Nguyễn, thằng Cửa, thằng Kim v.v.. phải bị thiệt thời sao ?

— Đó là một cách nói, nhưng đúng ra, chúng mình phải lựa đào nào kếp nấy cho xứng để kết thành cho họ. Cứ có lời hứa đi đã cho đành lòng người chiến sĩ đi về phương trời loạn, đến khi tàn giặc sẽ nói đến hôn sự. Anh em có tán đồng không ?

— Ý kiến tốt lắm. Nhưng nàng Thơ phải để phần tôi.— Tiếng của anh Trung nhanh nhẩu nói.— Thằng Khanh bồi trong tù cũng đã có hứa...

— Nó hứa với một trăm đũa chứ không phải một mình mày. Nhưng

trường hợp của em nó lại khác và đáng cho tội mình chú ý đến đề nữa sau khỏi ân hận là đã có chút trách nhiệm trong ấy. Thằng Khanh phải xa nhà lần nữa, gia đình nó cần có một cột trụ thay vào và có thể làm những gì hơn nó khi nó ở nhà, đề mà dòm ngó đến đàn em đại của nó, gánh đỡ trách nhiệm cho má nó hay tin người và bị lợi dụng, cùng diu dắt nàng Thơ đang sâu khổ lắm mà chẳng hé môi ra !... Trong bọn mình có đứa nào làm được việc ấy ? Trung, tao muốn hỏi mày có đứa nào xứng đáng hơn hết.

Trong phòng, chị Thành cười rúc bèn vai tôi và bảo nhỏ :

— Trung nhé ?

Tôi nguyệt chị một cái. Anh Trung mặt đẹp trai đó, nhưng vấp phải cái tật nói nhanh, nhiều khi mất duyên.

Bên ngoài, tiếng người rì rầm tiếp :

(Còn nữa)

DÍNH CHÁNH

Trong tập Phổ-Thông số 10 nơi cuối trang 9 có đề một câu « ý tưởng đẹp » của NGUYỄN-THÁI-HỌC, xin đọc lại là của NGUYỄN-BÁ-HỌC



L.T.G.— Các nhân vật trong bài này nếu có trùng tên với quý vị nào, chẳng qua chỉ là tình cờ. Chúng tôi tuyệt nhiên không có ý ám chỉ một ai.

Mong quý đọc giả hiểu cho.



★ NGUYỄN - THU - MINH ★

(Tiếp theo P. T. số 11)



G H E vậy, Alice Lan mỉm cười, người đôi mắt sâu mơ muốn thuở nhìn tôi rất triu mến đầy niềm tin

vào cuộc sống ngày mai mà nàng đang nghĩ đến, khẽ nói với tôi :

— Anh nghĩ thế nào, có mừng cho em không ? Em sẽ về quê, tìm lại một ít rơi rớt của ngày xưa !... Cuộc đời của em lúc đó

có lẽ bình thản nhiều, và em hy vọng nhờ đồng quê sẽ xoá nhoà được tất cả... những đen tối, lỗi lầm vừa qua đã đến với em ở thị thành, anh ạ.

Tôi nhìn nàng lòng vô cùng cảm động, đáp nho-nho vừa đủ nàng nghe :

— Anh rất mừng cho em lắm ! Anh đang nghĩ đến một ngày mai đang bắt đầu đối với em. Đồng quê sẽ cho em lắm an vui trong cuộc sống, tin vào mình. Con đường em bước đi sẽ ngập tràn

ánh sáng, chim hoa đón mừng.

Alice-Lan đưa tay lên vuốt nhẹ vào má tôi âu yếm, sung sướng qua từng nhịp điệu con tim.

Chúng tôi đã say sưa, ngày ngắt nhất của lòng mình hôm ấy và chờ đợi... chờ đợi ngày mai hứa hẹn với nàng bằng muôn ngàn ánh sáng tin yêu của cuộc đời.

Thế rồi ngày mai đẹp ấy đã đến với nàng thật như nàng và tôi thầm mong. Cuộc đời không còn là bóng tối đối với nàng.

... Hôm tôi tiễn nàng ra xe về quê, Alice-Lan mừng mừng tủi tủi không ít! Nàng muốn tôi cùng về với nàng cho bằng được. Nhưng khổ thay cho cái thằng tôi của tôi vô cùng. Đường đờng một đấng « nam nhi », vai ba tất rưỡi, thân một thước bảy cao thì làm sao chịu nhượng cho kẻ liễu yếu đào tơ như nàng cấp đờng được! Mà còn như muốn làm thì làm cái gì ở quê nàng đã chứ (?) cần bút nhện cơm ư? Nghĩ vậy nên sau một hồi do dự, tôi nhìn nàng mà mắt rưng rưng hai dòng lệ, kể lễ với nàng muôn điều muôn sự về thị thành đang đè nặng cả hai vai, tôi khó mà rời. Nếu rũi thay nàng không may có chết đi sống lại năm lần bảy lượt, khi ấy tôi sẽ cố gắng tìm đến mộ nàng mà thấp vai cây hương gọi là sống thác có «thủy chung»! Rồi tôi sẽ đến các Bar nốc vài ly rượu mạnh hoặc la-ve mà độc tấu cho các bạn tôi hoặc mấy con bạn đồng hành thuở nào của nàng nghe cuộc đời ly-

ký đau thương của nàng như một cánh hoa đại đồng quê lạc bước đó thành vi... vi... đủ thứ. Như ai kia đã biết, ngày trước trăm người đón rước cầu khẩn thế mà bây giờ vậy đó! Có buồn thương cho nàng không (?) Nhưng trừ ra chuyện của tôi và nàng « thương nhau » thì tuyệt đối không kể.

Alice-Lan nghe xong, đã buồn lại buồn thêm cho sự phân ly này. Nàng biết không thể nào « ép buộc » tôi được, nên chỉ thăm ước có một ngày gần đây tôi và nàng sẽ được sống bên nhau trở lại như buổi đầu gặp gỡ... ái ân trọn vẹn.

Chưa bao giờ tôi thấy thương yêu nàng bằng lúc này — một tình thương yêu chân thật vô bờ — khiến tôi đến nghẹn ngào đứng lặng nhìn nàng như một pho tượng.

Mãi đến khi nàng mở xách lấy ra một gói đồ trao cho tôi và bảo tôi hãy giữ lấy vật này gọi là chút kỷ niệm nhỏ mọn của nàng trước lúc xa nhau, tôi mới nhớ là tôi và nàng sắp từ giã — mỗi người sẽ đi về mỗi hướng mà cuộc đời đã định sẵn. Nhận món quà tặng mà lòng chua xót vô cùng khi nghĩ lại tôi chẳng có gì đền đáp cả, dù một vật rất tâm thương đi chăng nữa.

Thấy tôi băn khoăn nàng lại tưởng tôi lưỡng lự không chịu nhận nên nói :

— Anh hãy nhận đi cho em vui lòng, vẫn biết là món quà

này không đáng giá gì, nhưng vì em, ngoài ra cũng chẳng có gì hơn. Em cũng nên nói trước để anh rõ là hai mặt gối trong ấy đấy. Của người ta cho em, nhưng không vì thế mà anh không nhận.

Té ra nàng đã tặng tôi hai mặt gối do một người khách đã tặng nàng qua những tháng ngày dài vay mượn thế xác nàng, và nàng đã chịu nhận để đổi lấy hai mặt gối để rồi trao tôi làm quà!

Đau đớn, mỉa mai làm sao!

« Cuộc đời với đồng tiền. Cuộc đời với hai mặt gối! Người ta có thể đổi chất nhau một cách dễ dàng như hít một hơi khói thuốc vậy sao (?) »

Trời ơi! tấm thân bèo bọt của người con gái đôi mươi như nàng. Liệu tôi có xứng đáng với tấm tình của nàng không? Hai mặt gối ấy giá trị đến thế nào?

Tiễn nàng về quê xong, lúc trở về nhà tôi đã suy nghĩ không ít, tôi với lòng vào ngay hai chiếc gối thay thế cho hai mặt gối cũ kỹ trước để mà chiêm ngưỡng vẻ đẹp, hít lấy hương vị chua cay của nàng sót lại. Tôi ấp vào má để tận hưởng hơi nàng trao gửi!

... Chiều ngày sau, Thành đến chơi nhìn thấy hai chiếc gối mới liền đùa hỏi, tôi đã không ngần ngại kể rõ lai lịch của nó cho Thành nghe và hy vọng Thành sẽ cảm thông, cùng chia sẻ nỗi lòng với tôi thì Thành thản nhiên cười đáp :

— Ô, chuyện ấy là thường, hơi đâu cậu băn khoăn, suy nghĩ

cho một óc, đề thi giờ nghĩ đến những cái gì thực tế hơn! Bây giờ chúng mình phải làm việc gì cho có nhiều tiền, chơi gì cho vui đây này. Còn như nghĩ thì chán gì chuyện đời đáng nghĩ gấp trăm thế nữa. Quên mẹ nó đi cho được việc. Cô em có cho tôi cứ việc dùng cho sướng thân chứ tội gì.

Con Alice-Lan với cậu cho lâu lắm cũng chừng hai tháng là cùng, mọi sự sẽ quên hết. Giờ nào hãy trở về với giới ấy là tốt nhất. Cậu trở về với cậu, cô em trở về với cô em.

Nói xong, Thành cười lên ha hả ra chiều đắc ý lắm.

Trước những lời nói, ý nghĩ của Thành như thế, tôi đã bèn vực nàng, tranh luận với Thành vô cùng sôi nổi nhưng cuối cùng đành xử huê vì mỗi người đều có một lý riêng.

Và chỉ có thời gian cùng sự việc mới định rõ được.



Ba tháng sau, tôi nhận được lá thư của Alice-Lan gửi thăm và muốn tôi về quê nàng chơi một chuyến. Trong thư, nàng đã kể lễ rất tha thiết, đại ý :

« Em đã tìm được đời sống thích hợp như em hằng mong muốn — có lẽ anh cũng đã biết — Ba má em, các em em đều mạnh vui cả. Và em cũng có kể chuyện anh cho Ba má em nghe, ba má

em cứ hỏi thăm anh luôn và có ý mời anh về chơi; một chuyện cho biết. Anh nhận lời mời chứ? Gắng thu xếp công việc về chơi ít lâu đi anh, em mong gặp anh lắm đó. Liệu có cô nào cảm chùn anh lại không. Thế nào cũng về chơi anh nhé ! v.v... »

Cuối thư nàng còn tái bút dặn tôi : Khi về chơi nếu Ba má nàng có hỏi gì về công việc làm của nàng thì tôi cứ nói là nàng làm thư ký cho một hãng buôn ở Saigon, chứ đừng cho ba má nàng hay biết gì những việc đã qua của nàng.. Tôi giữ đúng lời.

Thế là ngày hôm sau tôi lo thu xếp công việc làm ở tòa soạn đến một tuần lễ sau mới đi về quê thăm nàng theo lời đã hứa. Mà kể ra, ở đời tình nghĩa là phải vậy mới được.

Ngày tôi về, nàng ra tận bến xe đón tôi vì nàng sợ tôi mất công hỏi tìm nhà, lại thêm đường xá xa xôi mệt nhọc, nắng nôi nữa. Thoáng thấy bóng tôi bước xuống cửa xe, Alice-Lan đã vội kêu lên mừng rỡ chạy lại ôm chầm lấy tôi một cách sung sướng tỏ vẻ chẳng khác gì những đôi vợ chồng mừng ngày trở lại quê cũ, trong quãng đường về nhà, nàng vừa hỏi thăm sự đi đường vừa trách yêu rất đậm đà ý nhị, không để cho tôi kịp hỏi han, nhắc nhở đến những chuyện Saigon.

Điều đáng chú ý và làm tôi ngạc nhiên hơn hết là lối phục sức, vẻ đẹp thay đổi ở con người nàng mau lẹ không thể tưởng. Nàng

đã biết hòa đồng lối ăn mặc của người đồng quê dịu hiền, nhu mì... để mến ở nàng. Những nét đẹp kêu gọi, quyến rũ, nhìn đời nửa mắt của thị thành đã biết đi đâu mất cả.

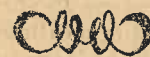
Bước vào nhà nàng, không khí gia đình đã cho tôi những cảm tưởng hay, đẹp của tình người, như là nơi đã từng quen thuộc. Các em nàng chạy lại vòng tay thưa chào ngoan ngoãn, dễ thương lạ lùng, và cũng chính vì chỗ đó mà sau này đã bắt tôi chú ý, yêu trẻ nhỏ. Mẹ nàng đi vắng, chỉ còn lại ông thân nàng. Tôi chào đáp lễ xong, vào buồng riêng — căn buồng mà Alice Lan đã dọn dẹp sẵn từ bao giờ — để thay đồ đạc. Nàng thật chu đáo săn sóc cho tôi đủ thứ khiến tôi cảm động vô cùng.

Nhà nàng cũng tạm gọi là trung bình — cái vẻ trung bình của bề ngoài — vách tường, mái ngói, như những ngôi nhà cùng xóm ở nơi này.

Sau một lúc nghỉ ngơi, trò chuyện với nàng, tôi mới hỏi ôi khi biết ông thân nàng bị mù và bại hơn ba năm nay, thuốc thang chạy chữa tốn kém đã nhiều vẫn không hiệu quả. Và cũng từ ngày đó nàng đã phải dấn thân vào cuộc đời gió bụi đó thành để cứu vãn tình thế !...

(Còn nữa)

Một hiện tượng kỳ lạ trong Âm-nhạc MOZART



(Tiếp theo P.T. số 10)



TRONG một cuốn sách dày cộm viết về Ông gây được nhiều tiếng vang nhất thời đó có đoạn miêu-tả Ông như là một tên « quái-gỗ, không biết ái-tình là gì ». Nhiều đoạn khác cũng có những nhận-xét tương-tự. Nhưng theo ý tôi, tôi không tin những điều mà tôi xem như những chuyện vu-không ấy. Trước hết, tác-giả tập sách ấy không ai khác hơn là anh chàng Nissen người chồng thứ nhì của Constance, đã vô tài lại tự cao tự đại; ngoài cái mã đẹp trai ra,

hắn không có một kiến-thức khả-dĩ nào. Đã đành rằng đa-số tài-liệu về Ông đều do Constance cung-cấp, nhưng chúng ta thử hỏi : Constance là một người vợ thế nào mới được chứ? Bởi thế những điều vu-không trông-tượng của Constance và người chồng kế sau khi Mozart mất đi thay vì làm tôn-thương danh-tiếng của Mozart, lại tố-cáo sự ngu-dốt, hèn-hạ của một người vợ bất-chính và một « kẻ đến sau » nhỏ mọn, vô học. Ở đây tôi không có tham-vọng vạch ra từng điếm một những điều vô-lý đầy đầy

NGUYỄN-TRẦN-GIANG

trong cuốn sách trên 700 trang ấy mà chỉ xin kể một việc, một chi-tiết nhỏ, ngay ở trang đầu cuốn sách đã giúp ta hiểu rõ giá-trị cuốn sách đó: ấy là bức ảnh toàn thân in trước « lời nói đầu ». Bức ảnh ấy không phải của Mozart mà là của Nissen trời ạ! Anh chàng đứng vênh vênh, mặt hớn-hở, huy-chương (huy-chương gì? tôi xin chịu) kín cả ngực, bụng phệ tròn quay. Và Nissen biểu-diễn như vậy trước đầu một tập sách nói về một thiên tài kỳ-diệu nhất của nhân-loại mà lúc chết thì-thể đã bị vứt vào một xô-xĩnh nào, bà vợ quý hóa của Ông chỉ tìm kiếm cho có lệ và mãi mãi không còn ai biết được!

Mozart không phải là một người chịu khuất phục trước nghịch cảnh. Định mệnh càng khắc-nghiệt với Ông, Ông càng gấn bó tha thiết với âm nhạc. Để tránh cái nạn sớm thăm tối viếng của thừa-phát-lại và chủ nợ hàng thịt hàng cá, Ông tổ chức hết cuộc hòa nhạc này đến cuộc hòa nhạc khác. Và cứ mỗi lần, Ông lại sáng tác được một tác-phẩm mới. Thường đến phút chót giờ trình bày Ông mới viết xong nhạc bản. Những tấu khúc vĩ-đại nhất của Ông, Ông đã viết xong trong những điều kiện đó, nghĩa là độ chừng vài ba hôm.

Người ta thường kể chuyện một mùa đông nọ, có người bạn đến viếng Mozart thấy Ông đang ngồi vợ khiêu vũ. Thật là một điệu luân vũ đẹp! tuyệt đẹp! theo

lời người bạn. Nhưng sự thật là cả hai vợ chồng vì thiếu-thốn, bị vét làm cho té liệt đến nỗi Mozart không nhấc nổi cung đàn, nên ôm lấy nhau mà cà-rịch cà-tang cho ấm đấy thôi. Hiểu được chuyện thương tâm đó, người bạn nọ hối hả mang tiền bạc giúp đỡ Ông.

Đọc những lá thư Mozart gửi cho bạn để yêu cầu giúp đỡ, đôi khi người ta ngỡ Ông đã tự-hạ đến chỗ đi xin xỏ, van lơn. Chính ở Prague, thủ-đô xứ Tiệp-khắc người ta mới hiểu rõ Ông. Lúc đó Ông khởi soạn nhạc-kịch (Opera) DON GIOVANNI. Trước buổi trình diễn một hôm, phần mở đầu cũng chưa viết xong. Mãi đến tận lúc đèn sân khấu đã bật lên, người ta mới mang đến những phần khúc của phẩm cho các nhạc sĩ. Tiếng nhạc vang lên, sự hoan hô cuồng nhiệt đã làm buổi trình diễn kéo dài gấp đôi, thời gian đã dự tính. Số tiền thu được đã cứu giùm đốc rạp hát khỏi phá sản nhưng phần Mozart chẳng được là bao.

Năm 35 tuổi vào lúc Ông đang soạn thảo bản nhạc kịch thần tiên nhan đề: « La Flûte Enchantée » thì bệnh hoạn bắt đầu đến với Ông. Một Ông bầu gánh đưa vở « La Flûte Enchantée » lên trình diễn trên một sân khấu đồ nát và xác-xơ ở ngoại ô. Nhưng công chúng thành Vienne đổ xô đến và « ông bầu khó » hốt một đêm thừa tiền để xây một rạp hát mới. Riêng Mozart được trả một khoản vừa vặn trang-trải cho mấy anh hàng thịt!

Mùa hè năm 1791 bà hiền-thê của Mozart đòi chồng đưa đi chơi gió ở Bade (hay Baden. Baden nổi tiếng về những suối nước nóng). Mozart không biết đâu đâu ra để chi-tiêu cho cuộc du-lich. Chỉ còn một cách là vay và nai lưng ra làm việc bất kể ngày đêm. Để có thêm vài florins(1) Ông nhận bất cứ việc gì miễn là có tiền quan tới Âm nhạc. Chẳng hạn Ông soạn những vũ khúc cho những cuộc khiêu vũ công-cộng viết hòa-âm cho khẩu cầm, tấu khúc cho đại phong cầm v.v. Những tên cha-chài, chú-chóp nào buồn thua bán lỗ, muốn xoay qua dùng âm nhạc để gỡ gạc cứ việc đến với người nghệ sĩ tưng quần đó. Và Mozart mà tài nghệ đã phát triển đến tuyệt đích đã hiến cho những tên buôn bán nghệ thuật những tác phẩm thật hoàn toàn chan chứa nỗi hoan hỉ, lòng hy-vọng, niềm tin yêu và ánh sáng. Có gì đâu, Mozart chỉ muốn giữ nổi thống khổ cho riêng mình thôi. Ôi! một tâm hồn như vậy mà có lẽ dám bảo là « quai gở và không biết ái tình là gì » ? !

Thất vọng trong hôn nhân (vợ Ông không đáp lại tình yêu của Ông xứng đáng và chính Constance đã không thể hiểu được cái nghĩa của Ái-tình như Mozart quan niệm. Constance thường làm tình làm tội Ông, trách oán Ông đã không cung cấp đủ cho nàng sống một đời sống xa hoa hơn)— bị công chúng hát-hủi, phải vùi đầu vào những công việc bất đắc dĩ thế mà lúc nào

Mozart cũng giữ được mình thanh cao, trung-hậu, thân ái và dịu hiền. Ông trả lời nghịch cảnh bằng những tuyệt-phẩm nóng hổi tình yêu.

Cuộc đời của Mozart có những nổi thăng-trầm khiến ta không khỏi đau lòng, vừa vĩ-đại vừa phù du, vừa huy-hoàng vừa tội nghiệp. Ông đã thành-công hoàn-toàn rồi chính Ông cũng bị công-chúng hoàn-toàn hiểu lầm. Ông đã lên thâu tuyệt đỉnh tiền-tài và danh-vọng rồi lại sống trong khổ-cực não-lòng. Ông đã sống một thời thơ-ấu thần-thánh rồi lại chết trong đau-thương. May thay, một niềm tin vô bờ bến đã giữ Ông bền bờ vực thẳm. Ông đã từng viết: « Chết, thật là mục-dịch cuối của đời ta. Đã từ mấy năm nay, tôi quen với cái chết mà tôi xem như một người bạn chân-thành và quý-hóa đến nỗi cái chết không có gì đáng sợ hãi đối với tôi nữa. Chết là nguồn an-thái và xoa dịu vô biên. Tôi cảm ơn Thượng-đế vì Ngài đã gia tôi ân-huệ đó mà tôi xem như một diễm-phúc. Tôi không bao giờ đi vào giấc ngủ mà không có cái ý nghĩ rằng (dầu tuổi trời chưa hưởng bao nhiêu!) Ngày mai tôi sẽ không còn nữa » (1787-31 tuổi).

Năm 1791, Mozart vừa 35 tuổi; Ông cảm thấy cái chết đã gần mình lắm. Tháng mười hai năm đó, hoàn-toàn suy-kiệt vì làm việc quá độ, Ông mất thình-lình. Trong những giây phút cuối

cùng đó, Mozart vẫn còn hiển cho đời những tiết-diệu thanh-thoát : một ngũ-đoạn-khúc ở cung mi thứ (le quintette en mi bémol) gói-ghém những thồn-thức của con tim đang hướng về Thượng - đế : bản « Ave verum » hay là một giấc mơ Lưu-Nguyên trời Âu. Trong bức thơ viết cho một người bạn, Ông thú nhận : « Tôi cảm thấy cái chết đã gần lắm. Tôi sắp tắt hơi rồi đây, tắt hơi trước khi đem hết tài tôi mà hiến cho đời. Tôi sẽ hiến nó cho Thượng-đế. Chắc Ngài sẽ vui lòng ».

Một đại-tấu-khúc đã đánh dấu những ngày chót của đời Ông : « Messe de Requiem ». Tuyệt-phẩm này Ông soạn để cho một ban đồng ca hỗn-hợp và ban đại-hợp-tấu trình bày. Trong nhạc-phẩm này ta thấy Mozart đã vượt đến một kỹ-thuật cao siêu hòa với một nỗi xảm-xúc mãnh mang như một tia sáng vụt lên báo hiệu một điềm suy tận. Với một mãnh lực kỳ dị, âm ba của bản nhạc thoát tiên làm vang động trong những đáy sâu thẳm của linh hồn chúng ta nỗi dày vò của đau khổ và hối hận; ở đoạn giữa tiết-diệu len lỏi vào những chân trời xa vắng của lòng ham muốn được trường-sinh bất tử của thể nhân đề rồi tắt cả chấm dứt trong niềm hoan hỉ của lòng tận.

Mozart đã chết, chết « với một tâm hồn cay đắng vì đã không bộc lộ cho đời rõ hết sở đắc của mình » (Wagner).

Trên quan tài ông một Lễ Mi-sa đơn sơ được cử hành, và người bạn muốn theo đưa ông tới nghĩa-địa (bà vợ quý đang ốm!) nhưng một cơn giông tố nổi lên, họ phải quay về, đám tang tiếp tục làm-lũ đi trong mưa, gió, cô đơn. Rồi trong một cái huyết công cọng, giữa những thầy ma lạnh ngắt, tòi tàn của đàn du dương, gái giang hồ, người ta ném chung vào cái thân thể gầy còm từng chừa đựng một linh hồn đẹp đẽ nhất của địa cầu.

Sau đó Constance cũng có tìm kiếm thi hài ông, nhưng chỉ qua loa cho có chuyện rồi nàng hối hả quay về với đời sống xa-hoà đời trụ của mình. Cuộc sống của Constance trong mấy năm về sau là một lời lăng mạ ác độc đối với sự cao cả của người đã từng thương yêu Constance vô bờ bến. Bởi vậy chúng ta không có lý-do để tin những điều vu khống mà Constance với tên đồng kế đàng-diếm gán cho ông. Chúng ta nên căn cứ vào những bản tự thuật do chính tay Mozart viết ra (không phải những điều ông nói mà chính cái động lực nó thúc đẩy ông nói những điều đó).

Chúng ta hãy lắng tai nghe tiếng nhạc dịu dàng xiết bao, thanh thoát xiết bao của ông ! Nhạc của ông là nhạc của tình thương và thuần khiết. Những bản thánh ca của ông chứng tỏ rằng niềm tin của ông đã phát xuất từ đáy lòng sâu xa và thành thật nhất.

Phân-tích nhạc-bản « Couron-

nement de la Vierge » ta thấy âm-độ đang từ cung trưởng(majeuve) lỏng nhiên chuyển sang cung thứ khi lời ca gọi đến nỗi thống-khổ của đấng Cứu thế. Trong nhạc Ông ta lại thấy bằng-bạc cái nhuệ-cảm bác-ái, bản-thể của tinh-thần Thiên Chúa Giáo vậy. Vui-tươi và khoái-hoạt là một đặc-điểm khác của nghệ-thuật Ông. Bất cứ thuộc hạng tuổi nào, bất cứ đang ở vào trạng-thái tinh-thần nào khi nghe nhạc Ông cũng thấy lòng lâng-lãng một niềm vui lai-táng. Chỉ cần lắng tai và buông thả cho tâm-hồn đi theo nhạc điệu... « Ôi Mozart, Mozart bất tử. Người đã làm nảy sinh trong tim ta biết bao nhiêu quan-niệm tốt tươi về một cuộc sống an lành ! » (Schubert)

Với một cuộc sống ngắn ngủi (35 năm) đầy dẫy những bận bịu sâu xé, Mozart đã để lại cho chúng ta một gia tài đồ sộ gồm hơn 700 nhạc phẩm đủ các thể. Một điều đáng cảm phục là sự đồng nhất nghệ - thuật và thẩm mỹ trong nhạc-phẩm của ông thật là hoàn toàn. Nếu có thể nói rằng Beethoven có 3 « giọng » nhạc thì Mozart chỉ có một giọng độc nhất đã được hoàn hảo theo thời gian. Có điều là sự hoàn hảo này tế nhị đến nỗi

chúng ta khó lòng cảm thấy được nếu thiếu kiên nhẫn và tinh tâm trong lúc nghiên cứu, (có thể phân tích bản hợp ca 4 giọng « Ave verum ». Tác giả bài này sẵn sàng trao đổi ý kiến với các bạn mến nhạc, bằng thư riêng cũng được).

Tôi định chấm dứt bài này ở đây thì mới sự nhớ ra rằng chưa giải quyết được một thắc mắc chung của các bạn khi tìm hiểu Mozart, đó là vấn đề : « Mozart yên nghỉ nơi đâu ? ».

Đề trả lời câu hỏi đó, tôi xin cúi đầu trước anh hồn Mozart, xin nghiêng mình trước thiện ý của các vị ân nhân đã và đang cố công tìm kiếm để đưa ra ánh sáng một nghi án bi-thương nhất trong lịch sử nhân loại, chân thành mách cho các bạn rằng : Mozart yên nghỉ trong lòng bạn, lòng tôi đó ! Còn nghi ngờ gì nữa ! Hơn 200 năm, anh linh vẫn chói rạng. Thế thì sá gì một nấm xương tàn ! Phải không các bạn.

Mùa kỷ-niệm MOZART
NĂM THỨ 203

(1) Trị giá của flovin thay đổi luôn. Ở đây thì có thể xem độ vấp chực đồng bạc ta.

* DANH NGÔN

Tình yêu như một hạt sương mai, ở xa ta tưởng là hạt kim cương, lại gần hóa ra hạt nước mắt.

X.X.



★ **GIẢI NHÂN KỶ NGỘ của CỤ PHAN CHÂU TRINH** do con gái Cụ là Phan thị Châu Liên sao lục.

(Nhà xuất bản *Hương Dương, Lam-Hồng* tổng phát hành, 5-7-9, đường Ngô đức Kế — Saigon).

Đặc điểm văn phẩm này là một quyển truyện bằng thơ dài trên 4.000 câu thơ lục bát, có tính chất sưu tầm tài liệu lịch-sử quốc tế.

Hồi 1926 cụ Ngô đức Kế đã in ở Hà-nội những sách bị tịch thu và thiêu hủy. Chỉ còn một bản thảo, mà con cháu cụ Phan-Tây-Hồ dấu kỹ 30 năm nay mới công bố cùng với bài giới thiệu của cụ Huỳnh thúc.Kháng: « Phan Tây Hộ tiên sinh lịch sử ».

Phần bình giải và chú thích do Lê văn Siêu chủ Bút báo *Cách Mạng Quốc Gia*. Sách dày 276 trang — Giá 70đ.

★ **TÂN LIÊU TRẠI của PHONG NGÂN.**

(Nhà xuất bản *Bến Nghé*).

Gồm 40 chuyện ma quỷ, hồ ly tinh « tân thời », cự thời, ma-đa, ma rùa, ma rừng, ma heo v.v...

Toàn chuyện ma, nghĩa là chuyện có thật trong tưởng tượng. Ai thích chuyện ma và có thì giờ rảnh cũng nên đọc qua cho vui.

Dày 228 trang — Giá 48đ.

★ **PARLONS-FRANCAIS Tome I của HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HIẾU.**

Sách giáo khoa, luyện về Pháp văn. Gồm các câu ngắn. Thông dụng bằng tiếng Pháp và Việt. Mỗi tập 9 bài — Dày 228 trang — Giá 6đ.

HÁN HỌC PHỔ-THÔNG của ĐINH ĐÌNH HÒA và THÍCH GIẢI MINH

(Nhà xuất bản *Yên-Son*)

Dạy về môn Hán tự, biên soạn công phu, giản dị và dễ hiểu. Sách dày 64 trang — Giá 30đ.

★ **LA-QUÉ-CHÂU của LIÊN-CHỚP.**

Truyện dài bằng thơ, kể lại mối thù độc địa của một vị vua và vị Tân-Trang-Nguyên, trước kia vẫn là đôi bạn thâm tình song vì một khúc mắt u huyền, một nụ cười quyến rũ của mỹ nhân mà hai người trở nên thù ghét rồi sanh ra chiến tranh tàn khốc. Rốt cuộc không ai chiếm được tình yêu vì nàng đã hóa ra người thiên cổ. Cốt chuyện rất đơn sơ, giản-dị, song với thi tài của tác-giả, chúng ta hy vọng còn đọc được nhiều bài xây dựng và đặc sắc hơn. Sách dày 47 trang — Giá 15đ.

★ **TÌNH CA — thơ của CUNG TRÂM TƯỜNG** nhạc của **PHẠM DUY**, họa của **NGUYỄN CAO UYÊN.**

Tập thơ gồm 17 bài vừa thơ vừa nhạc — In trên giấy đẹp — Dày 37 trang — Giá 35đ.

★ **LUYỆN THI QUANG HỌC tú tài I của ĐOÀN LUYỆN** giáo sư khoa học Huế (*ZIÊN-HỒNG* phát hành)

Gồm 169 bài toán có lời giải kỹ càng giúp cho học sinh hiểu rõ ràng về môn toán quang học. Biên soạn rất công phu — Rõ ràng — In trên giấy Blanc-fin rất đẹp — Dày 280 trang — Giá 62đ.

★ **SỰ TÍCH NGƯỜI KỶ-MÃ CỤT ĐẦU của ANH THU, KIM-ĐÌNH, HÀ-CHÂU và MAI-ANH.**

(Thời-dại xuất-bản)

Là một trong 7 đoản thiên trong «Loại Song Ngữ Anh Việt», do các vị giáo sư Kim-Đình, Hà-Châu, Anh-Thu và Mai-Anh dịch thuật những đoản thiên của các Văn hào danh tiếng của Anh — Dày 320 trang — giá 48đ.

BONJOUR TRISTESSE, CỦA F. SAGAN

Buồn ơi, Chào Mi!

(Xem P.T. từ số 1)

DIỆU-HUYỀN dịch

TÓM TẮT CHƯƠNG VII, VIII, IX.

Một người bạn của ông Lê-Môn tên là Webb mời cả gia đình ông, Ánh-Lệ và cô con gái Mộng-Linh đi dùng cơm ở Saint Raphaël. Đến nơi, lại gặp Tuấn-Sinh và Yến-Hoa. Trong lúc Mộng-Linh say rượu, Ánh-Lệ nghiêm trang, bà Webb ra nhìn bọn thanh niên đẹp trai thì Lê-Môn và Webb ngắm nghía Yến-Hoa.

Xong bữa, Ánh-Lệ thấy Mộng-Linh say, liền đưa cô về với ông Lê-Môn

Sáng hôm sau Mộng-Linh nằm dài trên giường, dưới tia nắng ấm chiếu vào cửa sổ.

Mộng-Linh vẫn tìm cơ hội lén lút gặp Tuấn-Sinh để trao đổi tình yêu, và cô vẫn tiếp tục bày đặt mưu mẹo để cho Yến Hoa quyến rũ Ba của cô, ô. Lê-Môn, với mục đích là xui Ba cô từ bỏ bà Ánh-Lệ.

CHƯƠNG X



Tôi say mê đóng vai trò người đàn cảnh trong tấn tuồng ấy, và tôi đã thành công mấy lần rồi. Vì rằng, mỗi lần Ba tôi và tôi gặp Tuấn-Sinh và Yến-Hoa, cặp thanh niên này

giả vờ như yêu nhau, nhưng ai không biết thì tưởng họ yêu nhau thật...

Tuấn-Sinh nghiêng đầu kẻ sát vào Yến-Hoa... Cảnh-tượng ấy làm tan-tác trái tim tôi, và chúng tôi đã sắp-đặt với Tuấn-Sinh và Yến-Hoa như thế nhưng không ngờ nó lại có mãnh-lực đến thế! Nói thì dễ, nhưng đến khi tôi thấy khuôn mặt của Tuấn-Sinh, cái ót bị cháy nắng và dịu-hiền của chàng nghiêng trên gương

mặt ngoan-ngoãn của Yến-Hoa, thì tôi lại tức-giận, không muốn trông thấy chuyện đó. Chính tôi là người đàn cảnh mà tôi đã quên đi, còn bị xáo động như thế, huống chi là Ba tôi. Mỗi khi trông thấy cảnh tượng như trên, ông tái mặt, như tôi cũng tái mặt, Nói rằng xót xa trong lòng thì không đúng. Còn tệ hơn thế nữa : đây là lòng ham muốn cướp lại người yêu của mình.

Ngoài những việc xảy ra đó làm tràn lấp cuộc sống hằng ngày, thì còn có sự tin tưởng sự dịu hiền, — tôi dùng danh từ này nhưng nghe nó làm sao ấy! — và hạnh phúc của Ánh Lệ...

.....

Dần dần rồi tôi cũng quyến luyến bà ấy, sự quyến luyến êm đềm và lời cuốn như bản nhạc của nhà binh.

Một buổi sáng, chỉ ở có về bởi rồi đưa tôi một mảnh thư của Yến Hoa có mấy giòng sau đây : « Mọi việc đều xong cả. Mời cô đến ».

Tôi trông trọng như một tai nạn đã xảy ra tôi không thích tấn kịch đã hạ màn.

Tôi gặp Yến Hoa ngoài bãi biển, bộ mặt đặc chi :

— Tôi vừa nói chuyện với Ba của cô., nghĩa là mới một tiếng đồng hồ đây.

— Ông nói gì với cô ?

— Ông bảo với tôi là ông rất

tiếc những việc đã xảy ra., là ông đã cư xử với tôi như một kẻ đều giả... không đúng à ?

Tôi chỉ biết gật đầu. Nàng nói tiếp :

— Rồi ông khen tôi, ông nói khôn khéo lắm !.. Cô biết không cái giọng nói mơ màng... rừ rừ... của ông có vẻ đau khổ... Cái giọng..

— Ừ, nhưng rồi sao nữa ?

— Chẳng sao cả ! Nghĩa là... rút cuộc, ông mời tôi chiều nay đi vào trong làng uống trà với ông, để tôi tỏ cho ông thấy rằng tôi không có oán trách gì ông, tôi có lòng quảng-đại... thế thôi !.. Theo cô thì tôi nên nhận lời đi với ông hay không ?

Tôi định trả lời cho Yến-Hoa rằng việc đó không ấu thua gì tôi tôi, Nhưng rồi tôi sực nghĩ rằng cô ta cho tôi là kẻ phải chịu trách-nhiệm về cuộc mưu mô đã thành công: Dù sao chẳng nữa, tôi cũng thấy khó chịu, tôi bảo :

— Yến Hoa à, tôi không định liu gì tới chuyện của cô. Tùy cô quyết định Tại sao cô cứ hỏi tôi phải hành động cách nào, người ta sẽ tưởng rằng tôi xúi cô..

— Chờ chuyện này không phải là do tự nơi cô sao ? Chính là nhờ cô tôi mới được...

— Vàng thì do nơi tôi, nhưng mà xin cô thương hại tôi một

chút, từ nay đừng nói với tôi chuyện ấy nữa!

— Mộng Linh à, tội mình phải rút ông ra khỏi cái con mẹ đó chớ!

Tôi chạy biến mất. Mặc kệ Ba tôi, ông muốn làm gì ông làm! Mặc kệ Ánh Lệ muốn ra sao thì ra! Và chẳng tôi có hẹn gặp Tuấn Sinh sáng nay. Hình như chỉ có tình yêu là rút tôi ra khỏi cơn hoảng sợ tê tái của tôi lúc này.

Tuấn Sinh ôm chàng lấy tôi chẳng nói một lời, và đưa tôi đi. Bên cạnh chàng tôi thấy dễ-dàng hơn đầy hăng-hái khoái-lạc. Một lúc sau, tôi nằm, ôm lấy chàng, ôm cái ngực rục-rờ như ánh vàng ấy, ướt nhẹ mồ-hôi, chính thân thể tôi cũng ra rọi, chìm đắm như một kẻ chết trôi. Tôi bảo với chàng là tôi tự ghét tôi lắm. Tôi vừa bảo vừa mỉm cười, vì tôi nghĩ như thế nhưng không phải đau-khổ, mà thật ra là thấy chịu đựng êm-đềm. Chàng bảo:

— Anh không cần. Anh yêu em quá rồi, em phải nghe theo anh. Anh yêu em, anh yêu em nhiều lắm...

Câu nói ấy còn văng-vãng mãi bên tai tôi như một nhịp-điệu, suốt bữa ăn trưa: « Anh yêu em. Anh yêu em nhiều lắm... »

Ba tôi cười, coi bộ khoan-khoái lắm: chắc ông đã dàn xếp xong công chuyện rồi. Lúc ăn tráng miệng, ông bảo chiều nay ông có công việc phải đi vào

trong làng. Tôi cười thăm. Tôi đã mệt dừ, cho rằng việc gì cũng do định-mệnh cả. Bây giờ tôi chỉ thích có một việc: đi tắm:

Bốn giờ chiều, tôi xuống bãi biển. Tôi thấy Ba tôi ngồi nơi tiệm trà, vậy mà ông nói ông có việc phải đi vào trong làng! Tôi chẳng nói gì với ông cả. Tôi cũng không dặn ông phải coi chừng.

Nước biển dịu dàng và ấm. Ánh-Lệ không đến, bà ấy ở nhà lo cái tủ áo của bà, vẽ các kiểu áo trong lúc Ba tôi ngồi ở đây tĩnh-tự với Yến-Hoa. Hai giờ sau, trời hết nắng, tôi lên phòng trà, ngồi trong chiếc ghế pho-tôi, mở một tờ báo ra xem. Thì vừa lúc Ánh-Lệ bỗng đứng bước tới. Bà ở trong rừng thông đi ra. Trông thấy Ba tôi ngồi với Yến-Hoa, bà quay lưng vụt chạy. Bà chạy rất vụng về, hai cùi chỏ dính vào hai bên hông. Bà muốn ngã. Bà chạy biến ra phía sau nhà, thẳng đến ga-ra. Tôi hiểu liền và lật đật chạy theo bà.

Bà đã ngồi trong xe, đang rờ máy. Tôi vừa chạy đến kịp, chụp được cánh cửa xe hơi. Tôi bảo:

— Ánh-Lệ, Ánh-Lệ, bà đừng đi. Bà đừng hiểu lầm... đó là lỗi tại tôi, để tôi nói rõ cho bà nghe.

Bà không nghe tôi, không ngó tôi. Bà cúi xuống buồng cái thẳng xe.

— Ánh-Lệ, chúng tôi cần có bà!

Bây giờ Ánh-Lệ mới ngánh mặt lên ngó tôi. Bà khóc. Đột nhiên tôi hiểu rằng từ trước đến nay tôi đã tấn-công một người có tâm-hồn, biết cảm-xúc, chứ không phải là một trừu-tượng vô tri. Bà đã bốn-mươi tuổi, ở một mình, yêu một người đàn ông, và hy-vọng có hạnh-phúc với ông trong mười năm có lẽ làm gì bà? Cái gương mặt đau khổ kia... Chính là công-trình của tôi đó! Tôi như người chết điếng, đứng run cầm-cắp, dựa vào cánh cửa xe. Bà làm-bầm, bảo tôi:

— Các người đâu có cần đến tôi, cô cũng thế mà Ba của cô cũng thế.

Xe vẫn rờ máy. Tôi tuyệt vọng, tôi không thể để bà ấy đi như thế được:

— Bà tha lỗi cho tôi... Tôi năn-nỉ bà...

— Tha lỗi cô cái gì?

Nước mắt vẫn chảy ràn-rụa

trên mặt bà. Nhưng bà vẫn thản-nhiên:

— Tôi nghiệp cho cô bé của tôi!

Bà thoáng đưa bàn tay ra vuốt má tôi, rồi phóng xe đi. Tôi nhìn theo chiếc xe biến mất sau góc nhà. Tôi ngo-ngác, bàng hoàng: như người mất trí. Chuyện xảy ra quá nhanh chóng! Và cái gương mặt đau khổ kia... Cái gương mặt...

Tôi nghe tiếng bước sau lưng tôi: Ba tôi đến. Ông đã cần-thận, chùi vết son của Yến-Hoa dính trên môi trên má ông, và phủi những cọng lá thông dính trên áo quần ông. Tôi quay lại, nhảy vào tới ông:

— Bà thôi lắm! Bà thôi lắm!

Tôi òa ra khóc nức-nở.

— Cái gì vậy, con?... Có chuyện chi?... Ánh-Lệ phải không?... Mộng-Linh, ...Mộng-Linh nói cho. Bà biết...

(Còn nữa)

★ KỶ SAU:

Chương XI và XII — HẾT

★ CHIẾC NÓN CỦA NGƯỜI ĐẸP

Một bữa sáng trời tốt, một thiếu nữ xinh-đẹp cùng một bạn gái đi dạo trên đường Tự-Do. Thành linh một cơn gió mạnh bốc lên làm bay chiếc nón của nàng xuống bên lề đường. Nàng sắp chạy theo lượm chiếc nón thì người bạn giữ lại.

Thật vậy, chừng vài phút sau 1 chàng ăn mặc bảnh bao đem chiếc nón lại cho thiếu-nữ, miệng mỉm cười, mặc dầu chàng có vẻ hơi mệt vì phải chạy theo chiếc nón.

HẢI-PHƯƠNG

VIỆT-NAM



☆☆☆☆☆ BA TÈO ☆☆☆☆☆

(Xem P.T. từ bộ mới số 1)

☆ của THANH-TÂM, Saigon

2642.— Một miếng trầu là duyên
là nợ,
Một miếng thuốc diệp vợ
nghĩa chồng.

Khen ai khéo lập vườn
hồng,
Anh ăn trái chín lạt lòng
bổ em.

2643.— Nền thì giường ngà chiếu
ngọc,
Không nên ở vậy cho cha
mẹ nhờ,
Công cha trọng lắm anh
oi,
Nghĩa mẹ bằng trời, mang
nặng đẻ đau,

2644.— Xe vu-vi chạy về Cầu-Hậu.

Bạn Lòng-son nhất nhất
đơn quy.

Chàng ơi hỡi chàng thương
thiếp làm chi,
Thiếp về ai thiếp biệt-ly
hai đàng.

2645.— Áo đen con bộ cũng đen,
Muốn chơi bạn lạ, bạn quen
thiếu gì.

2646.— Song - Thanh nước chảy
chia đôi,
Ai về Phan-Rí cùng tôi thì
về,

2647.— Song-Thanh gió cuốn bụi
mờ
Dáng ai đứng chờ như
dáng em tôi.

2648.— Dòng Song - Thanh nước
trong lại mát,

Mái tóc thề thơm ngát
hương hoa.

2649.— Làng Hà-Thủy có cầu cao
quá,
Xe đã về nhưng không thể
qua.

2650.— Làng Hà-Thủy ở kẻ Phan-
Rí,

Ai có về nhớ ghé qua chơi.

2651.— Anh đến nhà em, giường
ngà chiếu ngọc,

Bánh in bột lọc anh kêu
rằng bánh in phong,

Chè Ô-Long nấu nước ấm
đồng

Đồ vô bình tích-thủy dãi-
dàng lang quân.

2652.— Song-Thanh ơi hỡi Song-
Thanh !

Sao mi nữ đành ngăn cách
đôi ta ?

2653.— Song-Thanh nước chảy đôi
dòng,

Em đã có chồng anh chớ
vội thương.

2654.— Ngồi buồn nhớ nước nhớ
nhà,

Nhớ anh đi lính bỏ mẹ già
không ai nuôi.

2655.— Chiều chiều ra đứng rầy
khai

Trông về quê mẹ ruột tấm
đoài con.

2656.— Em buồn vì đã lỡ duyên,
Anh buồn vì chẳng được
yên gia-đình,

2657.— Ngon gió thổi qua lá đào
rơi rụng,

Đôi ta không nợ không
duyên, không nên vợ nên
chồng thì chung-đựng nhau
chi.

2658.— Mới bao lắm tuổi đôi chồng,
Mẹ cha không gả, xách áo
quần theo trai,

2659.— Con ơi chớ lấy vợ giàu,
Com ăn chẻ hùm, cá kho
bầu nó chẻ tanh.

2660.— Con ơi gia - cảnh mình
nghèo,
Ham chi vợ đẹp vợ giàu cho
nó khinh.

2661.— Một là em lấy chồng quan,
Hai là chồng lính, ba là
chồng dân.

Nhưng em không chịu lấy
thằng dân,

Về nhà cha mẹ chửi, ra
đường chửi bạn khinh.

2662.— Cô kia xách giỏ đi dâu,
Cho tôi gửi trầu cô xách
giùm tôi.

Trầu anh trầu đắng, vôi
nồng,

Em không dám nhận, sợ
chồng em ghen.

2663.— Gió chiều nào bay theo
chiều này,

Trước kia em nói rằng em
nói rằng em lấy chồng quan.

Sao bây giờ em chẳng
hưởng giàu sang,

Mà đi phợi nắng bán than
đen sì.

- 2664.-- Chim kêu chip chip trên
mái nhà,
Đầy ta không muốn, sao
đỏ dà cứ xuống lên.
- 2665.-- Thân em anh chớ hỏi làm
chí,
Lo bề gia-thất kéo lối nghi
với mẹ cha.
- 2666.-- Ai về Hà-Thủy xứ Đường
Cho tôi nhắn gửi một nguồn
thơ duyên.
Thơ rằng tôi nhớ bạn hiền,
Nhưng buồn vì nỗi hai
miền cách xa.
- 2667.-- Bến Hà-Thủy ghe thuyền
thường đậu,
Bến Song-Thanh chẳng có
chiếc nào;
Làng Hà-Thủy có nhiều
người đến,
Làng Song-Thanh chẳng
mến được ai.
- 2668.-- Song-Thanh buồn lắm ai
oi,
Đừng về nơi ấy mà đòi dỡ-
đang!
- 2669.-- Song-Thanh nước chảy
lờ-dờ,
Con đi lấy chồng, mẹ biết
nhờ ai?
- 2670.-- Song-Thanh có sắc có màu,
Có người em gái tìm trâu
dợ anh.
- 2671.-- Song-Thanh có núi có đồi.
Có người đứng đợi, mở
hôi ướt đầm,
- 2672.-- Buồn buồn, nhớ nhớ,
thương thương,
Nhớ người áo trắng đi
đường cái quan.
- 2673.-- Hôm qua em đi trên đường,
Nghe ai kêu gọi, em cứ
trưởng là tiếng anh.
- 2674.-- Chiều chiều ra đứng cổng
làng.
Nghe trống bãi tràng em
chạy đón anh.
- 2675.-- Gió đông em sợ lạnh-lùng.
Đêm đông em sợ chiếc
mùng cô-dơn.
- 2676.-- Em nhớ ngày nào bên ao
cá lội
Anh chỉ anh thề không lội
nghĩa keo sơn.
Mà giờ đây anh đã sang-
giàu,
Anh quên đi lời hứa buổi
ban đầu cùng em.
- 2677.-- Hôm qua anh đứng cổng
làng.
Chờ em chẳng thấy, thấy
nàng áo xanh.
- 2678.-- Trống sang canh giờ này
sao vội điếm,
Lệ lưng trông chàng hỏi
có biết không?
- 2679.-- Canh khuya trăng khóc
trên đời.
Khóc cho chiếc bóng hết
ugôi lại đi.
Nhớ chàng lắm chàng ơi,
Sao chàng không tới để
một mình em lẻ-loi?

ĐÁP BẠN

B Ồ N

PHƯƠNG



- ★ **Bạn Lâm Phước Lễ — đường Trương Minh Giảng—Saigon**
Duy Linh : thiên về thần linh, linh hồn,
Duy Tâm : thiên về tình cảm.
Nhóm *Bút Việt* chúng tôi không được biết rõ, và chúng tôi
không có ở trong nhóm ấy.
- ★ **Cô Huỳnh Thị Hoa — Kiến Hoà**
1) Cái cặp gấn **PHỒ THÔNG** thành bộ như các bộ cũ, hiện nay
không thể làm được, vì có nhiều điều bất tiện. Chúng tôi
rất tiếc. 2) Nữ sĩ *Tương-Phổ* là người Bắc-Việt hiện ở Saigon
- ★ **Em Lê ngọc Trí — trường Trung học Kỹ Thuật — Huế**
Em có thể viết thư ngay lai trường « Quốc Gia Âm Nhạc »
số 112 đường Nguyễn Du Saigon để biết nhiều chi tiết hơn
- ★ **Cô Thu Hồng — trường Huỳnh thị Ngã — Saigon**
Vấn đề « cầu cơ » rất phức tạp. Chúng tôi sẽ cho viết một
bài về chuyện ấy trong một số sau.
- ★ **Bạn Đức Lạc — K.b.c. 4888**
Xin bạn vui lòng gửi cho chúng tôi 40đ. bằng tem, chúng
tôi sẽ gửi báo đến cho bạn.

★ **Cô Thanh-Nhung — Nha-trang.**

Theo chủ-trương riêng của tạp-chí Phổ-Thông chúng tôi không đăng những bài thơ *đề tặng riêng* cho một người một nhóm nào. Chúng tôi chỉ chú-trọng đến phương diện văn chương của bài thơ ấy mà thôi.

★ **Ông Huỳnh-thanh-Tông. — Long-Xuyên.**

Xin Ông cho biết địa chỉ rõ-ràng.

★ **Bạn Nguyễn-văn-Thường — đường Lê-thái-Tổ. Quảng-Trị**

Bài bạn gửi cho chúng tôi tựa là « Phong cảnh tỉnh Quảng-Nam » ở Trung-Việt nhưng bên trong bạn lại viết về tỉnh Quảng-Yên ở Bắc-Việt và hình thi lại là phong-cảnh Đà-Lạt và Vịnh Hạ - Long

★ **Bạn Huỳnh đình Chánh — (k. b. c. 4.710)**

Bạn có thể viết thư lại nhà in Phước Sơn số 165, đường Trần bình-Trọng Chợlon để hỏi mua tập thơ ấy.

★ **Em Nguyễn việt Phan — Đà Nẵng.**

Chúng tôi rất sung-sướng và sẵn-sàng nhận tất cả các thư từ và bài vở của các bạn bốn phương. Thư gửi đến toà soạn chúng tôi đều nhận được không lạc mất cái nào cả. Trong PHỔ-THÔNG vẫn thường đăng bài của học sinh, đó chứng tỏ rằng chúng tôi không bao giờ bỏ rơi các bạn học sinh cả.

★ **Bạn Phan văn Vy — Đà Nẵng.**

1— *Phạm Hồng Thái* là người thanh niên cách mạng Việt-Mam đã ném quả bom vào viên Toàn quyền Merlin, tại Sa điện (Tàu) năm 1923.

Alexandre de Rhodes là vị cố đạo Pháp đã làm ra quyền tự điển Việt-Nam đầu tiên năm 1651 đời chúa Trịnh.

Phan văn Trường là một vị trạng sư Việt-Nam ở Saigon hồi 1925, bạn thân của cụ Phan Châu Trinh, tác giả quyển « Une Histoire de Conspirateurs Annamites à Paris ».

2— Xin xem bài trong PHỔ THÔNG số 12.

3— Câu của vua Minh Mạng ra đối .

Nước trong leo lẻo, cá dớp cá.

Câu của Cao-bá-Quát đối lại :

Trời nắng chang chang, người trói người.

4— « Chử Tết » do chữ « Tiết » mà ra. Tiết xuân.

Chữ « Giêng » (tháng Giêng), do chữ « Nguyên » (đầu) Tháng Giêng : tháng đầu.

Chữ « Chạp » : đầy mả. Tháng chạp : tháng đầy mả.

5— Quả đất cách mặt trăng 370.000 Kilômét.

Quả đất cách mặt trời 150.000.000 Kilômét.

Ngôi sao gần quả đất nhất là Kim tinh (Sao hôm) Vénus.

6— Thi sĩ Việt-Nam chết, hồn nhập vào bà vợ, bà vợ bỗng nhiên làm thơ hay như chồng, đó là *bà Bang-Nhân*, người Quảng Nam. Bài thơ được truyền tụng nhất của bà là bài « *Núi Ngủ Hành* ».

★ **Ban Nguyễn đăng Chơn — trung học kỹ thuật Cao Thắng Saigon.**

Mỹ Nhân là người đàn bà đẹp, không thể giảng nghĩa là « ông vua » được.

TRẢ LỜI NGÀY THÁNG ÂM VÀ DƯƠNG LỊCH

★ **Ông Lê văn Hoành — 52 Bạch Đằng — Huế**

Ngày 19 Janvier 1926 tức là ngày mùng 6 tháng chạp năm Ất-Sửu tức ngày Mậu thân, tháng Kỷ-Sửu năm Sửu.

★ **Ông Trần văn Phước — 7 đường Chi Lăng — Huế.**

Ngày 1 Juin 1942 tức là ngày 18 tháng 4 âm lịch, ngày át dậu tháng ất tị năm Nhâm Ngọ.

★ **Trung Ủy Nguyễn kim Ba — k. b. c. 4.188.**

1) Ngày 20-4-1934 tức là ngày mùng 7 tháng 3 âm lịch, ngày Tân dậu, tháng Mậu Thìn, năm Giáp Tuất!

2) Ngày 19-9-1934 tức là ngày 11-8 âm lịch, ngày Quý-tị, tháng quý Dậu năm Giáp tuất.

- ★ Ông Hoàng Văn Trí — Trung học Nguyễn-Huệ — Tuy-Hòa
 - 1) Ngày 12-10 Âm lịch năm Quý Dậu tức là ngày 29-11 dương lịch năm 1933
 - 2) Ngày 2-8 âm lịch năm Ất Hợi tức là ngày 30-8 Dương lịch năm 1935.
 - 3) Ngày 12-4 năm Đinh Sửu âm lịch tức là ngày 21-5 Dương lịch năm 1937.
 - 4) Ngày 1-7 âm lịch năm Canh Thìn tức là ngày 4 - 8 Dương lịch năm 1940. (ngày Chúa Nhật).
- ★ Ông Bùi Văn Nhân — 17 Nguyễn Thái Học — Vinh - Long. Ngày 28-10-1936 dương lịch tức là ngày 15-10 âm lịch uất Bình tý ngày giáp dần tháng Kỷ Hợi.
- ★ Ông Ngô Văn An — k. b. c. 3047 Ngày 27-4-1937 dương lịch tức là ngày 17 tháng 3 âm lịch.
- ★ Cậu Bô Văn Vinh — Đệ Tam Nguyễn Đình Chiểu — Mỹ Tho. Ngày 15-6 1941 dương lịch tức là ngày 21-5 âm lịch, ngày giáp ngọ năm Tân tị.
- ★ Ông Văn Khoa — 397 Võ Di Nguy — Phú Nhuận. Chúng tôi không hiểu ngày «10-8» mà ông hỏi đó là D. L. hay âm lịch !
 Nếu 10/8/1937 đó là dương-lịch thì đối chiếu với âm - lịch: là ngày 5 tháng 7, hay ngày Kỷ-Tị tháng Mậu thân năm Đinh-Sửu,
 Nếu lại là ngày 10 tháng 8 âm lịch năm Đinh-Sửu thì đối chiếu với D. L., là ngày thứ ba (Mardi) 14-9-1937.
 Còn về niên - giám, giờ khắc, âm - lịch dựa vào đâu mà tính thì xin coi lại PHỒ-THÔNG số 7 từ trang 8 đến 15, bài «Thời gian và cuốn lịch» của ô. Nguyễn-văn-Trương thì ông sẽ biết một cách tổng quát về lịch pháp của Đông và Tây tự cổ chí kim ; vì khuôn-khổ trang báo chúng tôi tiếc không thể đăng vào đây những «Bảng» mà ông đòi hỏi. Trong 1 thế kỷ (100 năm) thì có 100 bảng đối chiếu, từ thế kỷ thứ x đến nay, ngoài 1.000 tờ biểu làm sao mà gửi được ! Xin đón coi quyển «âm-dương lịch-biểu Việt-Hoa trên ngàn năm đối chiếu» sẽ có thể ra đầu năm 1960 sau,

BẠN ĐỌC VIẾT...

Kính thưa ông Giám đốc,

...Chúng tôi nhờ ông chuyển lên Bộ Quốc gia giáo dục nguyện vọng sau đây.

Ở trường tiểu học, từ lớp năm tới lớp nhứt, cho mở ba lớp song song, một lớp dạy chuyên ngữ Việt, một lớp dạy chuyên ngữ Pháp, một lớp dạy chuyên ngữ Anh.

Ở trường Trung học, cũng vậy cho mở 3 lớp song song dạy chuyên ngữ Việt, Pháp hay Anh. Như vậy, nhóm nào cũng hài lòng. Ngay từ bây giờ, Bộ Quốc gia giáo dục nên ra lệnh cho phụ huynh nộp đơn chọn chuyên ngữ, đăng Hiệu trưởng sắp đặt cho kịp kỳ niên học tới 1959-1960.

Chúng tôi cảm tạ ơn ông.

Một nhóm phụ huynh Cần Thơ

AI LÀ TÁC GIẢ BÀI THƠ

·CHƠI ĐÀI KHÁN XUÂN ?·

(HỒ-XUÂN-HƯƠNG hay BÀ HUYỆN THANH QUAN)

Tôi đang thắc mắc vì trong bài «Ba hồi chiêu mộ» nơi mục xã thuyết trong Phồ - Thông số 9, có nói bài «Chơi đài Khán xuân» là của Hồ Xuân Hương ; trong khi có người bảo là của Bà Huyện Thanh Quan. Vậy ai đúng, ai sai ?

Vừa toàn thư hồi thì trong P. T. số 10, ông Nguyễn - Vũ lên tiếng hỏi độc giả tài liệu xác đáng để minh chứng ai là tác giả bài thơ ấy, Nhân đang sưu tầm tài liệu về văn học. tôi có tìm được vài bằng cứ khả dĩ chứng minh bài CHƠI ĐÀI KHÁN XUÂN là của bà Hồ Xuân Hương.

Ông Nguyễn-Vũ tìm gặp trong Quốc văn trích diển tái bản năm 1952, trang 35, theo lời ông Dương Quảng Hàm thì là của Hồ-xuân-Hương. Tôi tìm gặp cũng trong sách ấy nhưng tái bản lần 3 năm 1928, nơi trang 11, đúng như lời ông Vũ nói. Tôi tìm luôn trong vài cuốn sách, ai cũng bảo là của bà Hồ - xuân - Hương cả :

— Thành Ngữ diển tích của Diên-Hương trang 173. .

— Tâm Nguyên của Bửu - Kế trang 512 ;

và rõ rệt hơn, trong cuốn Hồ-xuân-Hương của Hoa Bằng nhà

xuất bản Bốn Phương, nơi trang 42, Hoa Bông viết :

« ...những kiến trúc vật đời Lê như Đài KHÁN XUÂN ở gần Hồ Tây và Cung THÁI HÒA ở gần chùa Trấn Quốc, nếu bà không được thấy nguyên hình thì cũng còn di tích, nên mới dùng lâu đối-trợng để ngâm vịnh được :

Êm ái. chín rở mười
(ĐÀI KHÁN XUÂN)

Ông Hoa Bông lại nhắc đến bài CHÙA TRẤN BẮC và cũng cho là của bà Hồ xuân Hương, (Hồ-xuân-Hương nhà thơ cách mạng trang 43) : trong khi các giáo sư bảo là của Bà Huyện Thanh Quan :

*Ngoài cửa hành cung cỏ dãi dầu,
Trạnh niêm cổ quốc nghĩ mà đau.
Một tòa sen tỏa hơi hương ngự (1)
Năm thớt mây phong nếp áo châu.
Sóng lớp phế hưng coi vẫn rộn,
Chuông hồi kim cổ lắng càng mau,
Ngời xưa cảnh cũ dầu dầu tá,
Khéo ngần ngọc thay lũ trọc đầu.
(Chơi cung Thái Hòa, hoài cổ)*

« Trong GIAI NHÂN DI MẶC (trang 29-30), tác giả là Ông Nguyễn hữu Tiến cũng chép bài

thơ này và có viết : « Khi nhàn, Xuân Hương thường đi dạo qua cảnh Hồ Tây, ghé chơi chùa Trấn Quốc. Nguyên chùa ấy ở cạnh Hồ Tây, xung quanh nước hồ bao bọc, hè đến thì hoa sen ngát ngào ; các triều vua Lê trước vẫn thường ngự ra chơi chùa để hóng mát, gần đây có cung Thái-Hòa của nhà Lý khi xưa, vẫn nhân đi lại du thường rất nhiều, nhưng bấy giờ thì cảnh chùa sầm uất khi xưa đã thành vắng vẻ. Xuân Hương qua chơi có đề bài hoài cổ...»

Xuyên qua lời của Hoa Bông trong Hồ xuân Hương và lời Nguyễn hữu Tiến trong **Giai Nhân Di Mặc**, ta có thể chứng minh rằng hai bài thơ trên đều do bà Hồ-xuân-Hương làm cả. Vì theo như ta biết, Hồ xuân Hương đi rất nhiều, không nơi nào thắng cảnh mà bà không đề chân đến.

Tân Châu, 11-5-59
NGUYỄN-NGÂN-VŨ (N.H.)

(1) Có chỗ chép :
Mấy tòa sen rớt mùi hương ngự...



★ — TÔI CHỈ CÓ MỘT ĐIỀM TỐT LÀ CHẰNG KHI NÀO NGẢ LÒNG.

Maréchal FOCH

PHỒ-THÔNG sẽ bắt đầu đăng từ số 13, ra ngày 15-6-59 :

CÔ GÁI ĐIÊN



MỘT TRUYỆN DÀI RẤT HẤP DẪN, RẤT LẠ XÂY RA Ở BA-LÊ

TÁC-GIẢ: TỪ-VU

Một Văn-sĩ Trung-Hoa lừng danh hiện-tại.

DO BẠN Vi-Huyền-Đắc

dịch ra Việt-Văn lần đầu tiên.

PHỒ - THÔNG

Kính Quý Phật-Tử

Muốn nghiên-cứu chân lý cao thâm của Phật Giáo
Muốn học tập đúng đường lối của Phật dạy
Muốn biết tin-tức Phật-giáo nước nhà và thế-giới.

HÃY XEM Liên-Hoa Nguyệt-San

Chủ nhiệm : Thượng-tọa THÍCH ĐÔN HẬU

với sự cộng-tác của quý Tăng - sĩ du-học tại hải-ngoại :
Nhật, Ấn, Pháp, Anh và một số giảng-sư, cư-sĩ thâm hiểu
Phật-Pháp ở Trung-phần



Có phát-hành tại chùa Xá-lợi, chùa Ấn-quang Sài-gòn, và các
chùa Phật giáo cùng các nhà sách lớn khắp các tỉnh miền Trung

Thư từ xin gởi về :

Tổng thư ký : Thầy THÍCH ĐỨC-TÂM

Số 66, đường Chi-Lăng

(Hộp thư 24) — HUẾ

Đề đón đốc kiểm soát sự học của con em.
Đề ôn lại và áp dụng những bài đã
học ở nhà trường.

Đề làm tài liệu riêng, đề dạy học, đề tự học
Các bạn công tư chức, quân nhân các bạn
vì hoàn cảnh riêng không thể đến nhà
trường đều-đều được mà muốn tự học
tự luyện thi.

Mỗi bạn, mỗi gia đình nên có đủ

Chăm Học

TỰ LUYỆN THI

★ **TIÊU HỌC VÀ LỤC CÁ NGUYỆT**

Lớp Nhì, Nhất — Mỗi tập 3đ.

TRUNG HỌC ĐỆ NHẤT CẤP

Đệ Ngũ, Tư — Mỗi tập 6đ.

★ **TRUNG HỌC ĐỆ NHỊ CẤP**

Đệ Tam, Nhì, Tú tài I — 7đ.

NHÀ XUẤT-BẢN THẾ-GIỚI SAIGON

225, Phạm-Ngũ-Lão, 225

In tại Nhà in TẤN-PHÁT — 283, Gia-Long Saigon

Quản-lý NGUYỄN-VỸ

K. D. số 113 ngày 28-5-1959

Kính Quý Phật-Tử

Muốn nghiên-cứu chân lý cao thâm của Phật Giáo
Muốn học tập đúng đường lối của Phật dạy
Muốn biết tin-tức Phật-giáo nước nhà và thế-giới.

HÃY XEM Liên-Hoa Nguyệt-San

Chủ nhiệm : Thượng-tọa THÍCH ĐÔN HẬU

với sự cộng-tác của quý Tăng - sĩ du-học tại hải-ngoại :
Nhật, Ấn, Pháp, Anh và một số giảng-sư, cư-sĩ thâm hiểu
Phật-Pháp ở Trung-phần.



Có phát-hành tại chùa Xá-lợi, chùa Ấn-quang Sài-gòn, và các
chùa Phật giáo cùng các nhà sách lớn khắp các tỉnh miền Trung

Thư từ xin gởi về :

Tổng thư ký : Thầy THÍCH ĐỨC-TÂM

Số 66, đường Chi-Lăng

(Hộp thư 24) — HUẾ

NÊN ĐỌC VÀ CỒ ĐỘNG CHO TẬP-CHÍ

VĂN-HOÁ NGUYỆT-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỔ-THÔNG
VĂN-HÓA VIỆT-NAM VÀ VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY

- ★ Xây dựng và phát-huy một nền Văn-hóa có tính cách Dân-tộc Nhân bản và khai-phóng.
- ★ Gồm nhiều bài có giá-trị của các nhà văn, các học giả có tên tuổi.
- ★ Văn-hóa Nguyệt-san số 38 (năm 1959) có bán khắp các hiệu sách lớn tại Thủ-đô, các tỉnh, tại Tòa-soạn 266 Công-Lý Sài-gon.

MỖI SỐ BÁN LẺ : 24 đồng

- ★ Ngân-phiếu mua dài hạn (một năm 10 số giá 240\$) xin gửi về Ông Giám-Đốc Nha Văn-Hóa, 266 đường Công-Lý Saigon.
- ★ Bài vở xin gửi về Ô. Thái-văn-Kiểm, Chủ bút Văn-hóa Nguyệt-san, địa chỉ như trên.

TY QUẢN - LÝ MỚI

Báo - Cáo

CÙNG CÁC BẠN ĐẠI-LÝ VÀ BẠN ĐỌC THÂN MẾN

Đề từ nay **PHỒ-THÔNG** được ra đúng mỗi tháng hai kỳ, ngày 1 và ngày 15, Đề sự phân-phát **PHỒ-THÔNG** được đầy đủ khắp các nơi, và các vụ tiền-nong được khởi bị trở ngại, chúng tôi đã tổ chức lại ty Quản-lý, bắt đầu từ số này.

Ông Đặng-văn-Chà, chủ nhà sách Nam-Cường, 185 đại lộ Nguyễn-thái-Học, lâu nay đã cộng tác với chúng tôi trong việc tài-chánh và việc phát hành, từ nay không còn ở trong Ban Quản-Lý của **PHỒ-THÔNG** tạp-chí nữa.

Chúng tôi đã đề cử bạn **TRẦN-VĂN-LANG** làm Quản-Lý mới. Nhà Tổng - Phát - Hành Thống - Nhất vẫn tiếp tục giúp chúng tôi về việc phát hành, ngoài ra không còn một người nào khác làm trung-gian giữa **PHỒ-THÔNG** Tạp-Chí và các Đại-lý

Bạn **TRẦN-VĂN-LANG**, Quản-Lý mới, phụ trách về các việc tài chánh, sẽ toàn quyền trực-tiếp với nhà Tổng-Phát-Hành-Thống Nhất và tất cả các Đại-lý các nơi về việc phát-hành tạp-chí **PHỒ-THÔNG**.

Vậy từ nay, quý Bạn đại lý ở Saigon và ở các tỉnh, các quận, nếu thiếu báo bán xin đến trực tiếp, hoặc đánh điện tin, hoặc gửi thư thẳng với Tòa Báo.

Tất cả mọi việc giao-dịch về tiền nong, mua báo, quảng-cáo, đại-lý xin theo đúng tên và địa chỉ sau đây:

Ô. Trần - văn - Lang,
Quản - lý **PHỒ-THÔNG** tạp - chí
283 Gia-Long Saigon.

Các bạn đọc mua dài hạn, hoặc muốn có các số báo thiếu cũng xin gửi thư về Ty Quản-Lý.



★
PHỒ - THÔNG

186
59

Chân thành

PHỒ-THÔNG

TẠP - CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỒ-BIÊN VĂN HÓA ĐÔNG-TÂY KIM CÔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút: **NGUYỄN-VỸ**

Quản-lý: **TRẦN-VĂN-LANG**

Tòa soạn: 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



BỘ MỚI SỐ 13 ★ 15-6-1959

	Số trang
1.— Vài trạng thái của Văn học V. N. hiện-dại. Nguyễn-Vỹ	7 — 9
2.— Nhân tài lịch sử: NGUYỄN-HÀM-NINH... Võ-ba-Hài	10 — 16
3.— Hà-Tiên thắng cảnh. Ngọc-Tĩnh	17 — 27
4.— Một đời người. Thiệu-Sơn	28 — 32
5.— Ngày lịch-sử Nguyễn-Triệu	33 — 36
6.— Văn chương ngoại quốc: John Keats... Phạm-công-Thiện	37 — 42
7.— Loạn tâm tư (thơ) Chiêu-Đàm	43 —
8.— Tách cà-phê phin (chuyện vui) Hoàng-Thắng	44 — 46
9.— Bức thư kính gửi Trung Hưng tiên sinh. Trần-tướng-Niệm	47 — 50
10.— Hai chiếc tàu ma của Nhật. Tân-Phong	51 — 53
11.— Em bé bán bánh mì (thơ). Linh-Châu	54 — 55
12.— Những con ngựa không cương Lê-thanh-Tước	56 — 60
13.— Người mẹ (truyện ngắn của P. Buck) Phương-Thảo	61 — 65